**Báo cáo**

**Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí hậu Dựa vào Cộng đồng**

**Xã Quảng Lợi huyện Quảng Điền tỉnh Thừa Thiên Huế**

**MỤC LỤC**

[A. Giới thiệu chung 3](#_Toc519939133)

[1. Vị trí ðịa lý 3](#_Toc519939134)

[2. Ðặc ðiểm ðịa hình 3](#_Toc519939135)

[3. Ðặc ðiểm thời tiết khí hậu 3](#_Toc519939136)

[4. Xu hýớng thiên tai, khí hậu 3](#_Toc519939137)

[5. Phân bố dân cý, dân số 3](#_Toc519939138)

[6. Hiện trạng sử dụng ðất ðai 3](#_Toc519939139)

[7. Ðặc ðiểm và cõ cấu kinh tế 3](#_Toc519939140)

[B. Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã 3](#_Toc519939141)

[1. Lịch sử thiên tai 3](#_Toc519939142)

[2. Lịch sử thiên tai và kịch bản BÐKH 3](#_Toc519939143)

[3. Sõ họa bản ðồ rủi ro thiên tai/BÐKH 3](#_Toc519939144)

[4. Ðối týợng dễ bị tổn thýõng 3](#_Toc519939145)

[5. Hạ tầng công cộng 3](#_Toc519939146)

[a) Điện 3](#_Toc519939147)

[b) Đường và cầu cống 3](#_Toc519939148)

[c) Trường **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc519939149)

[d) Cơ sở Y tế **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc519939150)

[e) Trụ Sở UBND và Nhà Văn Hóa **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc519939151)

[f) Chợ **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc519939152)

[6. Công trình thủy lợi (kênh, ðập, cống, hồ, ðê kè) **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc519939153)

[7. Nhà ở **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc519939154)

[8. Nýõìc sạch, vệ sinh và môi trýờng **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc519939155)

[9. Hiện trạng diòch bệnh phổ biến 3](#_Toc519939156)

[10. Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc519939157)

[11. Hoạt ðộng sản xuất kinh doanh **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc519939158)

[12. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc519939159)

[13. Phòng chống thiên tai/TÝBÐKH **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc519939160)

[14. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác 3](#_Toc519939161)

[15. Tổng hợp hiện trạng Nãng lực về PCTT và TÝBÐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ) 3](#_Toc519939162)

[C. Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã 3](#_Toc519939163)

[1. Rủi ro với dân cư và cộng đồng 3](#_Toc519939164)

[2. Hạ tầng công cộng 3](#_Toc519939165)

[3. Công trình thủy lợi 3](#_Toc519939166)

[4. Nhà ở 3](#_Toc519939167)

[5. Nước sạch, vệ sinh và môi trường 3](#_Toc519939168)

[6. Y tế và quản lý dịch bệnh 3](#_Toc519939169)

[7. Giáo dục 3](#_Toc519939170)

[8. Rừng 3](#_Toc519939171)

[9. Trồng trọt 3](#_Toc519939172)

[10. Chăn nuôi 3](#_Toc519939173)

[11. Thủy Sản 3](#_Toc519939174)

[12. Du lịch 3](#_Toc519939175)

[13. Buôn bán và dịch vụ khác 3](#_Toc519939176)

[14. Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm 3](#_Toc519939177)

[15. Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH 3](#_Toc519939178)

[16. Giới trong PCTT và BĐKH 3](#_Toc519939179)

[17. Các lĩnh vực/ngành then chốt khác 3](#_Toc519939180)

[D. Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp 3](#_Toc519939181)

[1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH 3](#_Toc519939182)

[2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH **Error! Bookmark not defined.**](#_Toc519939183)

[3. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã 3](#_Toc519939184)

[4. Một số ý kiến kết luận của đại diện UBND xã 3](#_Toc519939185)

[E. Phụ lục 3](#_Toc519939186)

[1. Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá 3](#_Toc519939187)

[2. Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn 3](#_Toc519939188)

[3. Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá 3](#_Toc519939189)

[Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai 3](#_Toc519939190)

# **Giới thiệu chung**

*Báo cáo được xây dựng dựa trên cơ sở pháp lý của Luật Phòng chống thiên tai (Luật PCTT) và và yêu cầu thực tiễn của Đề án 1002 về Quản lý thiên tai dựa vào cộng đồng trong bối cảnh các tác động của biến đối khí hậuđang ngày càng gia tăng tại Việt Nam, đòi hỏi cộng đồng dân cư cần củng cố kịp thời các giải pháp giảm rủi ro thiên tai và thích ứng theo hướng bền vững và lâu dài hơn.*

*Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội của xã.*

*Các thông tin đánh giá rủi ro thiên tai được thu thập dựa trên các thông tin cơ bản của một số bản đồ thiên tai hiện có của Tỉnh do Tổng cục PCTT và các sở ban ngành tỉnh cung cấp, cũng như kết quả dự báo kịch bản biến đổi khí hậu của Bộ TNMT, là một trong các cơ sở quan trọng để hỗ trợ xã Xác định, đánh giá, phân vùng rủi ro thiên tai; theo dõi, giám sát thiên tai (Theo điều 17 Luật PCTT).*

*Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai (Điều 15, Luật PCTT) và Lồng ghép nội dung Phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển ngành và kế hoạch phát triển kinh tế xã hội (Điều 16, Luật PCTT)*

## **Vị trí ðịa lý**

Quảng Lợi là xã bãi ngang ven phá thuộc huyện Quảng Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế. Diện tích tự nhiên: 3288.25 ha, cách trung tâm huyện lỵ khoảng 5 km; ranh giới hành chính được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp Phá Tam Giang.

+ Phía Tây giáp xã Quảng Thái.

+ Phía Đông giáp Thị trấn Sịa.

+ Phía Nam giáp xã Quảng Vinh.

## **Ðặc ðiểm ðịa hình**

*Đặc điểm địa bàn của xã:* Xã Quảng Lợi có địa hình được phân theo các vùng và có dạng như sau: Phía Nam của xã là vùng cát, có tầng đất dày, kết cấu rời rạc, nghèo dinh dưỡng, hàm lượng NPK và mùn trong đất cũng như độ PH thấp. Thấp dần về phía Bắc giáp ranh giới với Phá Tam Giang; Đất có dạng bồi tụ trên nền cát, tầng đất tương đối dày, thành phần thịt nặng, cát pha, úng về mùa mưa, khô hạn về mùa khô.

Phân tiểu vùng địa bàn xã: Xã được chia thành 02 vùng: Vùng ven phá Tam Giang gồm các thôn Sơn Công, Hà Công, Ngư Mỹ Thạnh, Cư Lạc; Vùng phía trong giáp trảng cát bạch xà gồm các thôn: Hà Lạc, Tháp Nhuận, Thủy Lập, Mỹ Thạnh.

*Đặc điểm thủy văn*

* Thuộc lưu vực hạ lưu sông: Ô Lâu
* Chế độ thủy văn, thủy triều:

Xã Quảng Lợi là xã có vùng đầm phá khá lớn nên các mương rãnh, khe nước trên địa bàn đều đổ vào phá Tam Giang, ảnh hưởng về thuỷ văn của xã, trong đó xã chịu chi phối nhiều nhất bởi hạ lưu sông Ô Lâu khi mùa mưa lũ về. Sông Ô Lâu bắt nguồn từ núi Thượng Hùng có độ cao 600 m đổ vào phía Bắc phá Tam Giang để ra của Thuận An với diện tích lưu vực khoảng 752 km2. Hàng năm sông Ô Lâu đổ vào phá Tam Giang vào khoảng 550 tỉ m3 nước.

## **Ðặc ðiểm thời tiết khí hậu**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. **TT** | **Chỉ số về thời tiết khí hậu** | **ĐVT** | **Giá trị** | **Tháng xảy ra** | **Dự báo BĐKH của Quảng Ngãi năm 2050 theo kịch bản RCP 8,5 (\*)** |
| *1* | *Nhiệt độ trung bình* | *Độ C* | 25,6 |  | *Tăng 1,9oC* |
| *2* | *Nhiệt độ cao nhất* | *Độ C* | 40,8 |  | *Tăng thêm khoảng 1,6-2,4oC* |
| *3* | *Nhiệt độ thấp nhất* | *Độ C* | 11 |  | *Tăng thêm/Giảm khoảng 1,6-1,8oC* |
| *4* | *Lượng mưa Trung binh* | *mm* | 580-790 |  | *Tăng thêm khoảng 25.1 mm* |
| *(\*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật* | | | | | |

## **Xu hýớng thiên tai, khí hậu**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương** | **Giảm** | **Giữ nguyên** | **Tăng lên** | **Dự báo BĐKH của Quảng Ngãi năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (\*)** |
| *1* | *Xu hướng hạn hán* |  |  | *X* |  |
| *2* | *Xu hướng bão* |  |  | *X* |  |
| *3* | *Xu hướng lũ* |  |  | *X* |  |
| *4* | *Số ngày rét đậm* |  | *X* |  |  |
| *5* | *Mực nước biển tại các trạm hải văn* |  |  | *X* | *Tăng 25cm* |
|  | *Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão* |  |  | *X* | *Vd: 0,86% diện tích - 514.080ha* |
|  | *Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)* |  |  |  |  |
| *(\*) Dữ liệu được nhập vào theo Gói thông tin rủi ro thiên tai và khí hậu cơ bản của từng Tỉnh do Tổng cục PCTT/UNDP tổng hợp trước đánh giá và gửi cho các Nhóm kỹ thuật* | | | | | |

## **Phân bố dân cý, dân số**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thôn** | **Số hộ** | **Số hộ phụ nữ làm chủ hộ** | **Số khẩu** | | | **Hộ nghèo** | **Hộ cận nghèo** |
|  | Tổng | Nữ | Nam |  |
| *1* | Sơn Công | 82 | 11 | 16 | 11 | 5 | 11 | 0 |
| *2* | Hà Lạc | 362 | 46 | 78 | 54 | 24 | 39 | 5 |
| 3 | Hà Công | 125 | 8 | 11 | 8 | 3 | 8 | 0 |
| 4 | Tháp Nhuận | 284 | 28 | 47 | 39 | 8 | 25 | 1 |
| 5 | Thủy Lập | 580 | 71 | 113 | 96 | 17 | 44 | 9 |
| 6 | Mỹ Thạnh | 258 | 21 | 27 | 21 | 6 | 19 | 0 |
| 7 | Ngư Mỹ Thạnh | 222 | 13 | 25 | 20 | 5 | 9 | 1 |
| 8 | Cư Lạc | 218 | 28 | 48 | 39 | 9 | 18 | 4 |
| **Tổng số** | | **2131** | **226** | 365 | 288 | 77 | 173 | 20 |

## **Hiện trạng sử dụng ðất ðai**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại đất (ha)** | **Số lượng (ha)** |
| **I** | **Tổng diện tích đất tự nhiên** | 32288.25 |
| **1** | **Nhóm đất Nông nghiệp** | 1.784,28 |
| **1.1** | **Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp** | **956,07** |
| *1.1.1* | *Đất lúa nước* | 578.19 |
| *1.1.2* | *Đất trồng cây hàng năm (ngô, khoai, mì, mía)* | 377.88 |
| *1.1.3* | *Đất trồng cây hàng năm khác* | 0 |
| *1.1.4* | *Đất trồng cây lâu năm* | 0 |
| **1.2** | **Diện tích Đất lâm nghiệp** | **416,21** |
| *1.2.1* | *Đất rừng sản xuất* | 0 |
| *1.2.2* | *Đất rừng phòng hộ* | 416.21 |
| *1.2.3* | *Đất rừng đặc dụng* | 0 |
| **1.3** | **Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản** | **87** |
| **1.3.1** | *Diện tích thủy sản nước ngọt* | 65 |
| **1.3.2** | *Diện tích thủy sản nước mặn/lợ* | 22 |
| **1.4** | **Đất làm muối** | 0 |
| **1.5** | **Diện tích Đất nông nghiệp khác**  *(Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ươm tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh)* | 325 |
| **2** | **Nhóm đất phi nông nghiệp** | **1.329.29** |
| **3** | **Diện tích Đất chưa Sử dụng** | 174,68 |
|  | **Số % nữ cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng**   * Đất nông nghiệp * Đất ở | 25 |

## **Ðặc ðiểm và cõ cấu kinh tế**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình sản xuất** | **Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)** | **Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)** | **Năng suất lao động bình quân/hộ** | **Tỉ lệ phụ nữ tham gia chính** |
| *1* | *Trồng trọt* | 35 | 650 | *0.3(ha)* | *60* |
| *2* | *Chăn nuôi* | 18 | 370 |  | 80 |
| *3* | *Nuôi trồng thủy sản* | 3 | 125 | *0.5(ha)* | *50* |
| *4* | *Đánh bắt hải sản* | 9 | 409 | *1.2(tấn)* | *50* |
| *5* | *Sản xuất tiểu thủ công nghiệp) – xây dựng* | 13 | 325 | *3.5(triệu VND/năm)* | *80* |
| *6* | *Buôn bán + Dịch vụ . Đi làm ăn xa, dịch vụ vận tải.v.v* | 20 | 219 | *15(triệu VND/năm)* | *80* |
| *7* | *Du lịch* | 2 | 10 | *7(triệu VND/năm)* | *60* |

# **Thực trạng kinh tế - xã hội, môi trường của xã**

## 

## **Lịch sử thiên tai**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng/năm xảy ra** | **Loại thiên tai** | **Số thôn bị ảnh hưởng** | **Tên thôn** | **Thiệt hại chính** | **Số lượng** | | |
| 6/2017  11/2017 | **Bão, lụt** | 4/8 thôn | -Thôn Sơn Công, Hà Lạc, Đức Nhuận, Thủy Lập  - Cư Lạc, Ngư Mỹ Thạnh, Hà Công . | Số người chết/mất tích: | Nam | Nữ |
| Số người bị thương: | 0 |  |
| Số nhà bị thiệt hại: | 0 |  |
| Số trường học bị thiệt hại: | 0 |  |
| Số trạm y tế bị thiệt hại: | 0 |  |
| Số km đường bị thiệt hại: | 0 |  |
| Số ha rừng bị thiệt hại: | 0 |  |
| Số ha ruộng bị thiệt hại: | 45ha  53ha |  |
| Số ha cây ăn quả bị thiệt hại: | 0 |  |
| Số ha ao hồ thủy sản bị thiệt hại: | 0 |  |
| Số cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến (công nghiệp, nông lâm ngư nghiệp) bị thiệt hại: | 0 |  |
| Các thiệt hại khác…: | 0 |  |
| Ước tính thiệt hại kinh tế: 170 triệu |  |  |
| ***Ghi chú khác:*** | | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | |

## **Lịch sử thiên tai và kịch bản BÐKH**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Loại Thiên tai/BĐKH phổ biến[[1]](#footnote-2)** | **Liệt kê các thôn thường xuyên bị ảnh hưởng của thiên tai** | **Mức độ thiên tai**  **hiện tai**  **(Cao/Trung Bình/Thấp)** | **Xu hướng thiên tai theo kịch bản BĐKH 8.5 vào năm 2050**  **(Tăng, Giảm, Giữ nguyên)** | **Mức độ thiên tai**  **theo kịch bản**  **(Cao/Trung Bình/Thấp)** |
|  |  | Sơn Công | Trung bình | Tăng | Cao |
| *Hà Lạc* | Trung bình | Tăng | Cao |
| *Tháp Nhuận* | Trung bình | Tăng | Cao |
| *Mỹ Thạnh* | Trung Bình | Tăng | Cao |
| Sơn công | Cao | Tăng | Cao |
| Hà Công | Cao | Tăng | Cao |
| Ngư Mỹ Thạnh | Cao | Tăng | Cao |
| Cư Lạc | Cao | Tăng | Cao |
| *2* | *Lũ lụt* | Sơn Công | Cao | Tăng | Cao |
| *Hà Lạc* | TB | Tăng | Cao |
| *Tháp Nhuận* | TB | Tăng | Cao |
| *Mỹ Thạnh* | TB | Tăng | Cao |
| Thủy Lập | TB | Tăng | Cao |
| Hà Công | Cao | Tăng | Cao |
| Ngư Mỹ Thạnh | Cao | Tăng | Cao |
| Cư Lạc | Cao | Tăng | Cao |
| *3* | *Hạn Hán* | 6/8 thôn |  |  |  |
|  |  | Sơn Công | Cao | Tăng | Cao |
| Hà Lạc | Cao | Tăng | Cao |
| Hà công | Cao | Tăng | Cao |
| Tháp Nhuận | Cao | Tăng | Cao |
| Mỹ Thạnh | Cao | Tăng | Cao |
| Ngư Mỹ Thạnh | Thấp | Tăng | Cao |
| Cư Lạc | Thấp | Tăng | Cao |

## **Sõ họa bản ðồ rủi ro thiên tai/BÐKH**



## **Ðối týợng dễ bị tổn thýõng :**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Thôn** | **Đối tượng dễ bị tổn thương** | | | | | | | | | | | | | | |
| Trẻ em dưới 5 tuổi | | Trẻ em từ 5-18 tuổi | | Phụ nữ có thai\* | Người cao tuổi | | Người khuyết tật | | Người bị bệnh hiểm nghèo | | Người nghèo | | Người dân tộc thiểu số | |
| Nữ | Tổng | Nữ | Tổng |  | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng | Nữ | Tổng |
| 1 | Sơn Công | 8 | 16 | 40 | 22 | 3 | 23 | 44 | 0 | 0 | 0 | 0 | 16 | 24 | 0 | 0 |
| 2 | Hà Lạc | 43 | 87 | 97 | 180 | 20 | 60 | 135 | 7 | 13 | 1 | 3 | 73 | 114 |  | 0 |
| 3 | Hà Công | 20 | 44 | 28 | 60 | 10 | 15 | 35 | 4 | 8 | 3 | 6 | 21 | 39 |  | 0 |
| 4 | Tháp Nhuận | 11 | 41 | 82 | 181 | 0 | 75 | 135 | 5 | 11 | 0 | 0 | 36 | 75 |  | 0 |
| 5 | Thủy Lập | 87 | 143 | 103 | 214 | 31 | 97 | 234 | 12 | 36 | 5 | 14 | 65 | 128 |  | 0 |
| 6 | Mỹ Thạnh | 23 | 51 | 61 | 141 | 21 | 69 | 127 | 3 | 7 | 1 | 2 | 34 | 82 |  | 0 |
| 7 | Ngư Mỹ Thạnh | 47 | 110 | 107 | 209 | 5 | 6 | 11 |  |  | 1 | 2 | 27 | 81 |  | 0 |
| 8 | Cư Lạc | 37 | 70 | 78 | 142 | 15 | 40 | 94 | 8 | 18 | 1 | 3 | 26 | 54 |  | 0 |
|  | **Tổng** | **276** | **562** | **596** | **1149** | **105** | **385** | **815** | **39** | **93** | **12** | **30** | **298** | **597** |  |  |

## **Hạ tầng công cộng**

### **Ðiện**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hệ thống điện** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị tính** | **Hiện trạng** | |
| Kiên cố | Chưa kiên cố |
|  | Cột điện | 8/8 | 1996-2013 | Cột | 235 | 15 |
|  | Dây diện | 8/8 | 1996-2013 | Km | 38.7 | 4.1 |
|  | Trạm điện | 8/8 | 1996-2013 | Trạm | 8 |  |
|  | ***Ghi chú khác*** | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | |

### **b). Ðýờng và cầu cống**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Đường, Cầu cống** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị** | **Hiện trạng** | | |
| Nhựa | Bê Tông | Đất |
|  | **Đường** | 8/8 |  |  |  |  |  |
|  | Đường quốc lộ | 0 | 0 | Km | 0 | 0 | 0 |
|  | Đường tỉnh/huyện | 8/8 | 2012 | Km | 9 | 0 | 0 |
|  | Đường xã | 8/8 | 2001-2017 | Km |  | 11 | 1 |
|  | Đường thôn | 8/8 | 2011-2017 | Km |  | 28.5 | 9.9 |
|  | Đường nội đồng | 8/8 | 2011-2017 | km |  | 17.45 | 21.5 |
|  | **Cầu, Cống** |  |  |  | Kiên cố | Yếu/không đảm bảo tiêu thoát | Tạm |
|  | Cầu giao thông | 8/8 | 2006-20013 | cái | 8 | 8 | 0 |
|  | Cống giao thông | 8/8 |  | cái | 53 | 53 | 0 |
|  | ***Ghi chú khác: Cầu giao thông có 08 cầu lớn, nhỏ: Thôn Mỹ Thạnh 01; Thủy Lập 04, Tháp Nhuận: 02, Hòa Lạc: 01, Cư Lạc:01. 8/8 cầu đã kiên cố.*** | | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | |

### **c). Trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trường** | **Thôn[[2]](#footnote-3)** | **Năm xây dựng** | **Số phòng** | **Hiện trạng** | | |
| Kiên cố | Bán  kiên cố | Tạm |
|  | Mầm non[[3]](#footnote-4) | -Hà Lạc, Thủy Lập. Mỹ Thạnh | 2006-2015 | 30 | x |  |  |
|  | Trường THCS | THủy Lập | 1998 | 26 | x |  |  |
|  | Trường Tiểu học | Tháp nhuận, Mỹ Thạnh | 1997-2002 | 50 | x | x |  |
|  | ***Ghi chú khác: Nhà tránh trú cộng đồng kết hợp làm trường mầm non thôn Mỹ Thạnh do UBMTTQ tỉnh Thừa Thiên Huế hỗ trợ; Trường tiểu học cơ sở 2 Thôn Thủy Lập nhà bán kiên cố .*** | | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | |

### **Cõ sở Y tế**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Cơ sở Y tế** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Số Giường** | **Số phòng** | **Hiện trạng** | | |
|  | Kiên cố | Bán  kiên cố | Tạm |
|  | Bệnh viện[[4]](#footnote-5) | 0 |  |  |  |  |  |  |
|  | Trạm y tế | Thủy Lập | 1997 | 8 | 12 | 12 |  |  |
|  | Cơ sở khám | 0 |  |  |  |  |  |  |
|  | ***Ghi chú khác*** | | | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | | |

### **Trụ Sở UBND và Nhà Vãn Hóa**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Trụ sở** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị** | **Hiện trạng** | | |
| Kiên cố | Bán kiên cố | Tạm |
|  | Trụ Sở UBND | Thủy Lập | 2001 | Phòng | 9 |  |  |
|  | Nhà văn hóa xã | Thủy Lập | 2015 | Cái | 1 |  |  |
|  | Nhà văn hóa thôn | 8/8 | 1998-2015 | Cái |  | 8 |  |
|  | ***Ghi chú khác: 8/8 nhà bán kiên cố; Nhà VH thôn Mỹ Thạnh Xuống cấp*** | | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | |

### **Chợ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Chợ** | **Thôn** | **Năm xây dựng** | **Đơn vị** | **Hiện trạng** | | |
| Kiên cố | Bán kiên cố | Tạm |
|  | Chợ huyện/xã | Thủy Lập | 2006 | Cái |  | 1 |  |
|  | Chợ tạm/chợ cóc | Mỹ Thạnh, tháp nhuận |  | Cái |  | 1 | 1 |
|  | ***Ghi chú khác*** | | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | |

## **Công trình thủy lợi (kênh, ðập, cống, hồ, ðê kè)**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hạng mục** | **Đơn vị** | **Năm xây dựng** | **Số lượng** | | |
| Kiên cố | Bán  kiên cố | Chưa kiên cố (không an toàn) |
|  | Đê | km | 1991-2012 |  | x |  |
|  | Kè | Km |  |  |  |  |
|  | Kênh mương | Km | 2001-2015 | 16.8 | 0 | 6.8 |
|  | Cống thủy lợi | Cái | 2001-2015 | 74 | 0 | 0 |
|  | Đập thủy lợi | Cái | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Trạm bơm | Cái | 2011 | 1 |  |  |
|  | Hồ chứa nước | Cái |  | 3 |  |  |
|  | Ghi chú khác: Hồ: Đồng Bào, Hồ Phụng Phường và Hồ Miếu Bà; | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | |

## **Nhà ở**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thôn** | **Số hộ** | **Nhà kiên cố** | **Nhà bán kiên cố** | **Nhà thiếu kiên cố** | **Nhà đơn sơ** |
| 1 | Sơn Công | 82 | 15 | 59 | 0 | 0 |
| 2 | Hà Lạc | 362 | 65 | 200 | 35 | 0 |
| 3 | Hà Công | 125 | 35 | 55 | 10 | 5 |
| 4 | Tháp Nhuận | 284 | 25 | 185 | 12 | 0 |
| 5 | Thủy Lập | 580 | 45 | 423 | 30 | 0 |
| 6 | Mỹ Thạnh | 258 | 25 | 169 | 48 | 0 |
| 7 | Ngư Mỹ Thạnh | 222 | 50 | 130 | 48 | 0 |
| 8 | Cư Lạc | 218 | 30 | 110 | 0 | 0 |
|  | **Tổng** | **2131** | **290** | **1390** | **183** | **5** |
|  | ***Ghi chú khác*** | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | |

## **Nước sạch, vệ sinh và môi trường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên thôn** | **Số hộ** | **Số hộ tiếp cận nguồn nước sinh hoạt** | | | | | **Số hộ sử dụng nhà vệ sinh** | | |
|  | **Giếng**  **(đào/**  **khoan)** | **Nước máy** | **Trạm cấp nước công cộng** | **Tự chảy** | **Bể chứa nước** | **Hợp vệ sinh**  **(tự hoại, bán tự hoại)** | **Tạm** | **Không có** |
| 1 | Sơn Công | 82 | 1 | 81 | 0 | 0 | 0 | 65 | 17 |  |
| 2 | Hà Lạc | 362 | 12 | 350 | 0 | 0 | 0 | 296 | 66 |  |
| 3 | Hà Công | 125 | 0 | 125 | 0 | 0 | 0 | 104 | 21 |  |
| 4 | Tháp Nhuận | 284 | 25 | 259 | 0 | 0 | 0 | 243 | 41 |  |
| 5 | Thủy Lập | 580 | 41 | 539 | 0 | 0 | 0 | 507 | 73 |  |
| 6 | Mỹ Thạnh | 258 | 5 | 253 | 0 | 0 | 0 | 215 | 43 |  |
| 7 | Ngư Mỹ Thạnh | 222 | 0 | 222 | 0 | 0 | 0 | 135 | 87 |  |
| 8 | Cư Lạc | 218 | 0 | 218 | 0 | 0 | 0 | 203 | 15 |  |
|  | **Tổng** | 2131 | 84 | 2047 | 0 | 0 | 0 | 1.768 | 363 |  |
|  | ***Ghi chú khác*** | | | | | | | | | |
|  | ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | | | | |

## 

## **Hiện trạng dịch bệnh phổ biến**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại dịch bệnh phổ biến** | **Trẻ em** | **Phụ nữ** | **Nam giới** | **Trong đó Người cao tuổi** | **Trong đó Người khuyết tật** |
|  | Sốt rét | 0 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Sốt xuất huyết | 0 | 0 | 1 | 0 | 0 |
|  | Viêm đường hô hấp | 185 | 65 | 58 | 72 | 09 |
|  | Tay chân miệng | 1 | 0 | 0 | 0 | 0 |
|  | Số ca bệnh phụ khoa (thường do đk nước sạch và vệ sinh không đảm bảo) |  | 65/1.001 |  |  |  |
| ***Ghi chú khác*** | | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | |

## **Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại rừng** | **Năm trồng rừng** | **Thôn** | **Tổng diện tích (ha)** | **Tỷ lệ thành rừng** | **Các loại cây được trồng bản địa** | **Các loại hình sinh kế liên quan đến rừng** | **Diện tích do dân làm chủ rừng** |
|  | Rừng ngập mặn | 2016-2017 | 8/8 | 65 | 98 | Dừa nước, bần |  |  |
|  | Rừng trên cát | 2007-2016 |  | 298 | 95 | Tràm hoa vàng, lưỡi liềm.. | Mô hình trang trại nông lâm ngư kết hợp ( 45 trang trại) |  |
|  | Rừng tự nhiên |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng |  |  |  |  |  |  |  |
|  | Rừng khác |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Tổng** |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Ghi chú khác:*** Các lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v. | | | | | | | | |
| ***Hướng dẫn điền*** | | | | | | | | |

## **Hoạt ðộng sản xuất kinh doanh**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Hoạt động sản xuất kinh doanh** | **Đơn vị tính** | **Thôn** | **Số hộ tham gia** | **Tỷ lệ nữ** | **Đặc điểm sản xuất kinh doanh** | |
|  | Tiềm năng phát triển (\*) | Tỷ lệ (%) thiệt hại (\*\*) |
|  | Trồng trọt:   * Lúa * Hoa màu * Cây lâu năm * Cây hàng năm * Cây ăn quả | **Ha**  404  117 | Thôn Sơn Công, Hà Lạc, Tháp Nhuận, Thủy Lập, Mỹ Thạnh | 1.189 | 60 | Năng suất ngày càng cao ( sử dụng giống lúa mới) | 60 |
|  | Chăn nuôi:   * Gia súc: 65.757 * Gia cầm: 75.000 | Con | 8/8 | 1.450 | 80 | Phát triển theo gia trại, trang trại | 40 |
|  | Thủy Hải sản, đánh bắt  -Người dân đánh bắt  -Tàu thuyền gần bờ (Gắn máy) ; 300  -Tàu thuyền gần bờ : 444  -Nò sáo, lừ | Hộ  Tàu  Tầu  Cái | Hà Công  Ngư Mỹ Thạnh  Cư lạc | 293  500 | 50 | Cao, đa số người dân sống bằng nghề đánh bắt, nuôi trồng | 50 |
|  | Thủy hải sản Nuôi trồng(phá Tam Giang);   * Bãi nuôi: 24,5ha * Ao, hồ nuôi: * Lồng bè: 128 | * Ha * Ha * Cái | Hà Lạc:  Hà Công:  Tháp Nhuận  Thủy Lập:  Mỹ Thạnh: | 115 | 50 | Cao | 70 |
|  | Du lịch   * Điểm dịch vụ lưu trú, khách sạn * Điểm/trung tâm dịch vụ vui chơi giải trí và ăn uống | Điểm/khách sạn  Điểm/trung tâm | Cư Lạc | 10  6 | 60 | Cao | 30 |
|  | Buôn bán và dịch vụ khác |  | 8/8 | 219 | 80 | Trung bình | 30 |
| ***Ghi chú khác: Có hộ có từ 2-3 phương tiện đánh bắt***  Các lưu ý về chủ rừng khác: doanh nghiệp, lâm trường, v.v. | | | | | | | |

## **Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Địa bàn Thôn** |
| 1 | Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh | % | 100 | 8/8 |
| 2 | Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh | % | 100 | 8/8 |
| 3 | Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới) | Loa | 24 | 8/8 |
| 4 | Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh bảo sớm/khẩn cấp khác (còi ủ, cồng, chiêng, v.v.) tại thôn | % | 100 | 8/8 |
| 5 | Số trạm khí tượng, thủy văn | Trạm | 0 | 0 |
| 6 | Số hộ được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu) | Hộ |  |  |
| 7 | Số hộ tiếp cận Internet và công nghệ thông tin | Hộ | 1.811 | 8/8 |
| ***Ghi chú khác*** | | | | |

## **Phòng chống thiên tai/TÝBÐKH**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Loại hình** | **ĐVT** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| 1 | Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm | Thôn | 8/8 | * -Sơn Công, Hà Lạc:, Hà Công,Tháp Nhuận Thủy Lập: Mỹ Thạnh, Ngư Mỹ Thạnh, Cư Lạc: |
| 2 | Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm | Trường | 4/4 | THCS, Tiểu học, |
| 3 | Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua tại xã | Lần | 2 | 2015, 2013 |
| 4 | Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã | Người | 26 | Nữ 04 |
|  | * Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì | Người | 4 | Phụ trách thôn, đoàn thể , hậu cần, kế toán |
|  | * Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCĐ hoặc đào tạo tương tự về PCTT, trong đó số nữ là bao nhiêu | Người | 15 | 02 |
| 5 | Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã | Người | 30 |  |
|  | * Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì | Người | 11 | Sơ cấp cứu, cứu trợ |
| 6 | Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TƯBĐKH dựa vào cộng đồng | Người | 11 |  |
|  | * Trong đó số lượng nữ, đóng vai trò gì | Người | 3 | Tuyên truyền viên |
| 7 | Số lượng Phương tiện PCTT tại xã: |  |  |  |
|  | * Ghe, thuyền: | Chiếc | 18 |  |
|  | * Áo phao | Chiếc | 125 |  |
|  | * Loa | Chiếc | 17 |  |
|  | * Đèn pin | Chiếc | 26 |  |
| 3 | * Máy phát điện dự phòng | Chiếc | 2 |  |
|  | * Lều bạt | Chiếc | 3 |  |
|  | * Xe vận tải | Chiếc | 2 |  |
| 8 | Số lượng vật tư thiết bị dự phòng |  |  |  |
|  | * Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ | Đơn vị | 3kg | -3kg cloraminB  -Hóa chất diệt muỗi: 1 lít |
| 9 | Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ | Đơn vị | 01 |  |
| 10 | Khác.... |  |  |  |
| ***Ghi chú khác*** | | | | |
| ***Hướng dẫn điền*** | | | | |

## **Các lĩnh vực/ngành then chốt khác**

## **Tổng hợp hiện trạng Nãng lực về PCTT và TÝBÐKH (Kiến thức, kỹ thuật, công nghệ)**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Liệt kê các loại Kiến thức, Kinh nghiệm &Công nghệ** | **Thôn**  **Sơn công** | **ThônHà Lạc** | **Thôn Hà Công** | **Thôn**  **Tháp Nhuận** | **Thôn**  **Thủy Lập** | **Thôn**  **Mỹ Thạnh** | **Thôn**  **Ngư Mỹ Thạnh** | **Thôn**  **Cư lạc** | **Khả năng của xã**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| 1 | Kiến thức chung về PCTT của cộng đồng để bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục) | *Cao*  70% dân có kiến thức | *Cao*  70% dân có kiến thức | *Cao*  70% dân có kiến thức | *Cao*  70% dân có kiến thức | *Cao*  70% dân có kiến thức | *Cao*  70% dân có kiến thức | *Cao*  70% dân có kiến thức | *Cao*  70% dân có kiến thức | Cao |
| 2 | Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | * Điện | Thấp  30% | Thấp  35% | Thấp  30% | Thấp  30% | Thấp  35% | Thấp  30% | Thấp  30% | Thấp  30% | Thấp |
|  | * Đường và cầu cống | Thấp  30% | Thấp  35% | Thấp  30% | Thấp  30% | Thấp  35% | Thấp  30% | Thấp  30% | Thấp  30% | Thấp |
|  | * Trường | Cao  95% | Cao  95% | Cao  95% | Cao  95% | Cao  95% | Cao  95% | Cao  95% | Cao  95% | Cao |
|  | * Trạm | Cao  95% | Cao  95% | Cao  95% | Cao  95% | Cao  95% | Cao  95% | Cao  95% | Cao  95% | Cao |
|  | * Trụ sở UBND, Nhà Văn hóa | TB  60% | TB  60% | TB  60% | TB  60% | TB  60% | TB  60% | TB  60% | TB  60% | TB |
|  | * Chợ | Cao  95% | Cao  95% | Cao  95% | Cao  95% | Cao  95% | Cao  95% | Cao  95% | Cao  95% | Cao |
| 3 | Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình thủy lợi | 30%  Thấp | 40%  Thấp |  | 40%  Thấp | 40%  Thấp | 40%  Thấp |  |  | Thấp |
| 4 | Kỹ năng và kiến thức chằng chống nhà cửa | 60% | 60% | 60% | 60% | 60% | 60% | 60% | 60% | Trung bình |
| 5 | Kiến thức giữ gìn vệ sinh và môi trường | 70% hộ dân | 70% hộ dân | 70% hộ dân | 70% hộ dân | 70% hộ dân | 70% hộ dân | 70% hộ dân | 70% hộ dân | Khá |
| 6 | Khả năng kiểm soát dịch bênh của đơn vị y tế  Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân | 60% | 60% | 60% | 60% | 50% | 60% | 60% | 60% | Trung bình |
| 7 | Rừng và hiện trạng sản xuất quản lý | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | Cao |
| 8 | Hoạt động sản xuất kinh doanh | 60% | 60% | 60% | 60% | 60% | 60% | 60% | 60% | Trung bình |
| 9 | Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | 80% | Cao |
|  | **Khả năng của thôn**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Trung bình | Cao | Trung bình |
|  | ***Ghi chú khác: Nhà văn hóa thôn nhà cấp 4, lợp mái tôn,không có công trình phụ và nước sạch***   * ***Có 05/8 thôn có các công trình thủy lợi ( Sơn Công, Hà Lạc, Tháp Nhuận, Mỹ Thạnh, Thủy Lập)*** | | | | | | | | | |

# **Kết quả đánh giá rủi ro thiên tai và khí hậu của xã**

## **Rủi ro với dân cư và cộng đồng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão,lụt lũ | Thôn Sơn Công | 82 | **\*Vật chất (VC):** Số hộ nằm trong vùng nguy cơ cao do lụt 59 hộ; Số hộ nguy cơ cao do bão: 59  -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 11  -Phụ nữ đơn thân:09  -Số đối tượng dễ bị tổn thương: 85 ( nữ 74);-Hộ nghèo: 16; 90% phụ nữ và trẻ em không biết bơi; Các hộ có nhà ở bán kiên cố, thiếu kiên cố;  **\*Tổ chức xã hội (TCXH):** -Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên, chưa có biện pháp mạnh đối với những hộ không chấp hành lệnh di dời sơ tán.  -Nguồn nhân lực huy động PTT ít ( số lao động đi làm ăn xa) ; 100% cán bộ làm công tác PCTT kiêm nhiệm; không có kinh phí hoạt dộng  **\*Nhận thức kinh nghiệm (NTKN)**: 30% số hộ chưa chủ động chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai; chưa chủ động bảo vệ hoa màu, cây cảnh khi có sự khuyến cáo của địa phương;  -40%hộ chưa chuẩn bị lương thực, thực phẩm nước uống, nhu yếu phẩm cần thiết để di dời, sơ tán ( Kế hoạch của xã xây dựng 07 ngày nhưng các hộ dân dự trữ 03-04 ngày). Chị em phụ nữ ít tham gia hoạt động PCTT hơn nam giới. Một bộ phận chị em phụ nữ ít quan tâm đến các hoạt động PCTT; | **\*Vật chất (VC):** Có các địa điểm sơ tán ( các hộ có nhà ở kiên cố)  -Hệ thống giao thông đi lại thuận tiện; có đường giao thông tránh lũ;  **\*Tổ chức xã hội (TCXH):**  -Thôn có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm;  -Thôn có 15 thành viên tham gia lực lượng xung kích nhiệt tình có kinh nghiệm và biết bơi, Một số thành viên được tập huấn về sơ cấp cứu  -Năm 2014, 2015,2016 dự án (Lucxambua) tổ chức 06 lớp tập huấn kiến thức về PCTT cho 180 người dân trong thôn tham gia ( nữ 35)  -Năm 2017 chi hội phụ nữ thôn đã tham gia cuộc thi tìm hiếu kiến thức PCTT, BĐKH do Phụ nữ xã tổ chức.  **\* Nhận thức kinh nghiệm (NTKN):** 70% người dân có Kiến thức chung về PCTT chủ động bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục) | Người có thể bị thương, chết khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Thôn Hà Lạc | 362 | **\*VC**: Số hộ nằm trong vùng nguy cơ cao do bão 235 hộ  cao do lụt 59 hộ;  -Số hộ nguy cơ cao do bão: 235  -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 46  -Phụ nữ đơn thân :65  -Số đối tượng dễ bị tổn thương: 438 ( nữ 228)  -Hộ nghèo: 60  -90% phụ nữ và trẻ em không biết bơi;  -Các hộ có nhà ở bán kiên cố, thiếu kiên cố;  **\*TCXH**: Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên, chưa có biện pháp mạnh đối với những hộ không chấp hành lệnh di dời sơ tán.  -Nguồn nhân lực huy động PTT ít ( số lao động đi làm ăn xa) ; 100% cán bộ làm công tác PCTT kiêm nhiệm; không có kinh phí hoạt dộng  **\*NTKN:** 30% số hộ chưa chủ động chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai; chưa chủ động bảo vệ hoa màu, khi có sự khuyến cáo của địa phương;  -30%hộ chưa chuẩn bị lương thực, thực phẩm nước uống, nhu yếu phẩm cần thiết để di dời, sơ tán ( Kế hoạch của xã xây dựng 07 ngày nhưng các hộ dân dự trữ 03-04 ngày).  Chị em phụ nữ ít tham gia hoạt động PCTT hơn nam giới. Một bộ phận chị em phụ nữ ít quan tâm đến các hoạt động PCTT | **\*VC:** Có các địa điểm sơ tán ( các hộ có nhà ở kiên cố); Trường mầm non kiên cố làm nơi sơ tán cho các hộ dân;  -Hệ thống giao thông đi lại thuận tiện; có đường giao thông tránh lũ;  **\*TCXH:**  -Thôn có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm;  -Thôn có 15 thành viên tham gia lực lượng xung kích nhiệt tình có kinh nghiệm và biết bơi, Một số thành viên được tập huấn về sơ cấp cứu  -Năm 2014, 2015,2016 dự án (Lucxambua) tổ chức 06 lớp tập huấn kiến thức về PCTT cho 180 người dân trong thôn tham gia ( nữ 35)  -Năm 2017 chi hội phụ nữ thôn đã tham gia cuộc thi tìm hiếu kiến thức PCTT, BĐKH do Phụ nữ xã tổ chức.  **\*NTKN:** 70% người dân có Kiến thức chung về PCTT chủ động bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục). | Người có thể bị thương, chết khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Hà Công | 125 | **\*VC:** Số hộ nằm trong vùng nguy cơ cao do bão 125;  cao do lụt 59 hộ;  -Số hộ nguy cơ cao do bão: 125  -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 8  -Phụ nữ đơn thân 12  -Số đối tượng dễ bị tổn thương: 163 (nữ 80)  -Hộ nghèo: 17  -90% phụ nữ và trẻ em không biết bơi; Các hộ có nhà ở thiếu kiên cố, bán kiên cố.  -Không có nhà tránh trú cộng đồng ( nhà văn hóa thôn đãhư hỏng, xuống cấp)  **\*TCXH:** Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên, chưa có biện pháp mạnh đối với những hộ không chấp hành lệnh di dời sơ tán.  -Nguồn nhân lực huy động PTT ít ( số lao động đi làm ăn xa) ; 100% cán bộ làm công tác PCTT kiêm nhiệm; không có kinh phí hoạt dộng  **\*NTKN**: 30% số hộ chưa chủ động chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai; chưa chủ động bảo vệ hoa màu, khi có sự khuyến cáo của địa phương;  - 30%hộ chưa chuẩn bị lương thực, thực phẩm nước uống, nhu yếu phẩm cần thiết để di dời, sơ tán ( Kế hoạch của xã xây dựng 07 ngày nhưng các hộ dân dự trữ 03-04 ngày). Chị em phụ nữ ít tham gia hoạt động PCTT hơn nam giới. Một bộ phận chị em phụ nữ ít quan tâm đến các hoạt động PCTT | **\*VC**: Có các địa điểm sơ tán ( các hộ có nhà ở kiên cố); -Hệ thống giao thông đi lại thuận tiện; có đường giao thông tránh lũ;  **\*TCXH:**  -Thôn có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm;  -Thôn có 15 thành viên tham gia lực lượng xung kích nhiệt tình có kinh nghiệm và biết bơi, Một số thành viên được tập huấn về sơ cấp cứu;  -Năm 2014, 2015,2016 dự án (Lucxambua) tổ chức 06 lớp tập huấn kiến thức về PCTT cho 180 người dân trong thôn tham gia ( nữ 32)  -Năm 2017 chi hội phụ nữ thôn đã tham gia cuộc thi tìm hiếu kiến thức PCTT, BĐKH do Phụ nữ xã tổ chức.  **\*NTKN:** 70% người dân có Kiến thức chung về PCTT chủ động bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục). | Người có thể bị thương, chết khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Tháp Nhuận | 284 | **\*VC**: Số hộ nằm trong vùng nguy cơ cao do bão : 197 hộ  cao do lụt 59 hộ;  -Số hộ nguy cơ cao do bão: 197  -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 28  -Phụ nữ đơn thân 28  -Số đối tượng dễ bị tổn thương: 368 ( nữ 173)  -Hộ nghèo: 47  -90% phụ nữ và trẻ em không biết bơi; Các hộ có nhà ở bán kiên cố, thiếu kiên cố; Trường tiểu học bán kiên cố.  **\*TCXH**:  -Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên, chưa có biện pháp mạnh đối với những hộ không chấp hành lệnh di dời sơ tán.  -Nguồn nhân lực huy động PTT ít ( số lao động đi làm ăn xa) ; 100% cán bộ làm công tác PCTT kiêm nhiệm; không có kinh phí hoạt dộng  **\*NTKN**: - 30% số hộ chưa chủ động chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai; chưa chủ động bảo vệ hoa màu, cây cảnh khi có sự khuyến cáo của địa phương; 40%hộ chưa chuẩn bị lương thực, thực phẩm nước uống, nhu yếu phẩm cần thiết để di dời, sơ tán ( Kế hoạch của xã xây dựng 07 ngày nhưng các hộ dân dự trữ 03-04 ngày). Chị em phụ nữ ít tham gia hoạt động PCTT hơn nam giới. Một bộ phận chị em phụ nữ ít quan tâm đến các hoạt động PCTT | **\*VC**: Có các địa điểm sơ tán ( các hộ có nhà ở kiên cố);  -Hệ thống giao thông đi lại thuận tiện; có đường giao thông tránh lũ;  **\*TCXH**:  -Thôn có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm;  -Thôn có 15 thành viên tham gia lực lượng xung kích nhiệt tình có kinh nghiệm và biết bơi, Một số thành viên được tập huấn về sơ cấp cứu  -Năm 2014, 2015,2016 dự án (Lucxambua) tổ chức 10 lớp tập huấn kiến thức về PCTT cho 300 người dân trong thôn tham gia ( nữ 75) -Năm 2017 chi hội phụ nữ thôn đã tham gia cuộc thi tìm hiếu kiến thức PCTT, BĐKH do Phụ nữ xã tổ chức.  **\*NTKN:** 70% người dân có Kiến thức chung về PCTT chủ động bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục). | Người có thể bị thương, chết khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Thủy lập | 580 | **\*VC**: Số hộ nằm trong vùng nguy cơ cao do bão 453  cao do lụt 59 hộ;  -Số hộ nguy cơ cao do bão: 453  -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 71  -Phụ nữ đơn thân 92  -Số đối tượng dễ bị tổn thương: 672 ( nữ 335)  -Hộ nghèo: 71  - 90% phụ nữ và trẻ em không biết bơi; Các hộ có nhà ở bán kiên cố, thiếu kiên cố;  **\*TCXH:**  -Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên, chưa có biện pháp mạnh đối với những hộ không chấp hành lệnh di dời sơ tán.  -Nguồn nhân lực huy động PTT ít ( số lao động đi làm ăn xa) ; 100% cán bộ làm công tác PCTT kiêm nhiệm; không có kinh phí hoạt dộng  **\*NTKN:** 30% số hộ chưa chủ động chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai; chưa chủ động bảo vệ hoa màu, cây cảnh khi có sự khuyến cáo của địa phương; 40%hộ chưa chuẩn bị lương thực, thực phẩm nước uống, nhu yếu phẩm cần thiết để di dời, sơ tán ( Kế hoạch của xã xây dựng 07 ngày nhưng các hộ dân dự trữ 03-04 ngày). Chị em phụ nữ ít tham gia hoạt động PCTT hơn nam giới. Một bộ phận chị em phụ nữ ít quan tâm đến các hoạt động PCTT; | \***VC**: Có các địa điểm sơ tán ( các hộ có nhà ở kiên cố); trường THCS, Trường mầm non, UBND xã, Nhà Văn hóa xã, trạm y tế  -Hệ thống giao thông đi lại thuận tiện; có đường giao thông tránh lũ;  **\*TCXH:**  -Thôn có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm;  -Thôn có 15 thành viên tham gia lực lượng xung kích nhiệt tình có kinh nghiệm và biết bơi, Một số thành viên được tập huấn về sơ cấp cứu  -Năm 2014, 2015,2016 dự án (Lucxambua) tổ chức 10 lớp tập huấn kiến thức về PCTT cho 300 người dân trong thôn tham gia ( nữ 67) -Năm 2017 chi hội phụ nữ thôn đã tham gia cuộc thi tìm hiếu kiến thức PCTT, BĐKH do Phụ nữ xã tổ chức.  **\*NTKN:** 70% người dân có Kiến thức chung về PCTT chủ động bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục). | Người có thể bị thương, chết khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Mỹ Thạnh | 258 | \*VC: Số hộ nằm trong vùng nguy cơ cao do bão 217 hộ;  cao do lụt 59 hộ;  -Số hộ nguy cơ cao do bão: 217  -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 21  -Phụ nữ đơn thân 36  -Số đối tượng dễ bị tổn thương: 349 ( 178)  Hộ nghèo: 35  -90% phụ nữ và trẻ em không biết bơi; Các hộ có nhà ở bán kiên cố, thiếu kiên cố; Nhà văn hóa thôn xuống cấp không an toàn.  **\*TCXH**: Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên, chưa có biện pháp mạnh đối với những hộ không chấp hành lệnh di dời sơ tán.  -Nguồn nhân lực huy động PTT ít ( số lao động đi làm ăn xa) ; 100% cán bộ làm công tác PCTT kiêm nhiệm; không có kinh phí hoạt dộng  **\*NTKN:** 30% số hộ chưa chủ động chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai; chưa chủ động bảo vệ hoa màu, cây cảnh khi có sự khuyến cáo của địa phương; 40%hộ chưa chuẩn bị lương thực, thực phẩm nước uống, nhu yếu phẩm cần thiết để di dời, sơ tán ( Kế hoạch của xã xây dựng 07 ngày nhưng các hộ dân dự trữ 03-04 ngày). Chị em phụ nữ ít tham gia hoạt động PCTT hơn nam giới. Một bộ phận chị em phụ nữ ít quan tâm đến các hoạt động PCTT | \*VC: Có các địa điểm sơ tán ( các hộ có nhà ở kiên cố); trường tiểu học , trường mầm non  -Hệ thống giao thông đi lại thuận tiện; có đường giao thông tránh lũ;  **\*TCXH**:  -Thôn có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm;  -Thôn có 15 thành viên tham gia lực lượng xung kích nhiệt tình có kinh nghiệm và biết bơi, Một số thành viên được tập huấn về sơ cấp cứu  -Năm 2014, 2015,2016 dự án (Lucxambua) tổ chức 10 lớp tập huấn kiến thức về PCTT cho 300 người dân trong thôn tham gia ( nữ 79) -Năm 2017 chi hội phụ nữ thôn đã tham gia cuộc thi tìm hiếu kiến thức PCTT, BĐKH do Phụ nữ xã tổ chức.  **\*NTKN:** 70% người dân có Kiến thức chung về PCTT chủ động bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục). | Người có thể bị thương, chết khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Ngư Mỹ Thạnh | 222 | **\*VC**: Số hộ nằm trong vùng nguy cơ cao do bão 130  cao do lụt 59 hộ;  -Số hộ nguy cơ cao do bão: 130  -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 13  -Phụ nữ đơn thân 31  -Số đối tượng dễ bị tổn thương: 337 ( nữ 166)  -Hộ nghèo: 28  -90% phụ nữ và trẻ em không biết bơi; Các hộ có nhà ở bán kiên cố, thiếu kiên cố;  **\*TCXH**: Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên, chưa có biện pháp mạnh đối với những hộ không chấp hành lệnh di dời sơ tán.  -Nguồn nhân lực huy động PTT ít ( số lao động đi làm ăn xa) ; 100% cán bộ làm công tác PCTT kiêm nhiệm; không có kinh phí hoạt dộng  - 30% số hộ chưa chủ động chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai; chưa chủ động bảo vệ hoa màu, cây cảnh khi có sự khuyến cáo của địa phương; 40%hộ chưa chuẩn bị lương thực, thực phẩm nước uống, nhu yếu phẩm cần thiết để di dời, sơ tán ( Kế hoạch của xã xây dựng 07 ngày nhưng các hộ dân dự trữ 03-04 ngày). Chị em phụ nữ ít tham gia hoạt động PCTT hơn nam giới. Một bộ phận chị em phụ nữ ít quan tâm đến các hoạt động PCTT | **\*VC**: Có các địa điểm sơ tán ( các hộ có nhà ở kiên cố);  -Hệ thống giao thông đi lại thuận tiện; có đường giao thông tránh lũ;  \*TCXH: Thôn có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm;  -Thôn có 15 thành viên tham gia lực lượng xung kích nhiệt tình có kinh nghiệm và biết bơi, Một số thành viên được tập huấn về sơ cấp cứu  -Năm 2014, 2015,2016 dự án (Lucxambua) tổ chức 06 lớp tập huấn kiến thức về PCTT cho 180 người tham gia ( nữ 33) -Năm 2017 chi hội phụ nữ thôn đã tham gia cuộc thi tìm hiếu kiến thức PCTT, BĐKH do Phụ nữ xã tổ chức.  **\*NTKN:** 70% người dân có Kiến thức chung về PCTT chủ động bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục). | Người có thể bị thương, chết khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Cư lạc | 218 | **\*VC**: Số hộ nằm trong vùng nguy cơ cao do bão 120 hộ);  cao do lụt 59 hộ;  -Số hộ nguy cơ cao do bão: 120;  -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 28  -Phụ nữ đơn thân 22  -Số đối tượng dễ bị tổn thương: 342 ( nữ 179)  -Hộ nghèo 30:  -90% phụ nữ và trẻ em không biết bơi; Các hộ có nhà ở bán kiên cố, thiếu kiên cố;  **\*TCXH**: Công tác tuyên truyền chưa thường xuyên, chưa có biện pháp mạnh đối với những hộ không chấp hành lệnh di dời sơ tán.  -Nguồn nhân lực huy động PCTT ít ( số lao động đi làm ăn xa) ; 100% cán bộ làm công tác PCTT kiêm nhiệm; không có kinh phí hoạt dộng  - 30% số hộ chưa chủ động chằng chống, gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai; chưa chủ động bảo vệ hoa màu, cây cảnh khi có sự khuyến cáo của địa phương; 40%hộ chưa chuẩn bị lương thực, thực phẩm nước uống, nhu yếu phẩm cần thiết để di dời, sơ tán ( Kế hoạch của xã xây dựng 07 ngày nhưng các hộ dân dự trữ 03-04 ngày). Chị em phụ nữ ít tham gia hoạt động PCTT hơn nam giới. Một bộ phận chị em phụ nữ ít quan tâm đến các hoạt động PCTT | **\*VC**: Có các địa điểm sơ tán ( các hộ có nhà ở kiên cố);  -Hệ thống giao thông đi lại thuận tiện; có đường giao thông tránh lũ;  **\*TCXH** :Thôn có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm;  -Thôn có 15 thành viên tham gia lực lượng xung kích nhiệt tình có kinh nghiệm và biết bơi, Một số thành viên được tập huấn về sơ cấp cứu  -Năm 2014, 2015,2016 dự án (Lucxambua) tổ chức 6 lớp tập huấn kiến thức về PCTT cho 180 người tham gia ( nữ 56) -Năm 2017 chi hội phụ nữ thôn đã tham gia cuộc thi tìm hiếu kiến thức PCTT, BĐKH do Phụ nữ xã tổ chức.  **\*NTKN:** 70% người dân có Kiến thức chung về PCTT chủ động bảo vệ người và tài sản trước thiên tai (ứng phó, phòng ngừa và khắc phục). | Người có thể bị thương, chết khi thiên tai xảy ra | Cao |
| …. | ***Ghi chú khác*** Toàn xã có số nhà nằm trong vùng nguy cơ cao do lụt: 1,281 hộ với 3.843 khẩu. Số nhà nằm trong vùng nguy cơ cao do bão: 1.281 hộ với 3.843 khẩu. Số phụ nữ làm trụ cột gia đình 226; Phụ nữ đơn thân: 249; Số hộ nghèo 304 với 597 nhân khẩu (nữ 298); Số đối tượng dễ bị tổn thương: 2.574 người.Trong đó: Người già: 815 người (nữ 385); phụ nữ mang thai: 105 người;Trẻ em dưới 5 tuổi người: 562 ( nữ 276);Trẻ em từ 5-18 tuổi: 1149 (nữ 596).Người khuyết tật: 93 (nữ 39), Bệnh hiểm nghèo: 30 người (nữ 12); | | | | | |

## **Hạ tầng công cộng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt, lũ bão | Sơn Công | 82 | **\*VC**: -Đường giao thông nội đồng: 1,2km  -Đường dây điện vào các hộ gia đình còn thấp, chưa đảm bảo an toàn;  **\*TCXH:** Công tác duy tu bảo dưỡng chưa được thực hiện thường xuyên, thiếu kinh phí thực hiện;  -Chưa xử lý triệt để các trường hợp vi phạm an toàn giao thông.  \*NTKN:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của người dân thấp (70%); Một số hộ dân chưa có ý thức bảo vệ còn lấn chiếm hành lang giao thông | \*VC: Đường xã chạy qua đã được kiên cố 1/1km;  -1,5/1,5 km đường thôn đã được bê tông  -Hệ thống điện lưới quốc gia được phủ khắp 100% hộ dân được sử dụng điện an toàn.  **\*TCXH**:  -Toàn xã có 1 cán bộ GT thủy lợi;  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của địa phương khoảng 30%;  - Thôn lắp điện đường, vận động các hộ dân tham gia đóng góp  **\*NTKN**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của người dân khoảng 30%;  -Tham gia đóng góp kinh phí lắp điện đường trong thôn và đóng kinh phí hàng tháng | - 1,2 km Đường giao thông nội đồng bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Đường dây điện mất an toàn khi thiên tai xảy ra. | Trung bình |
|  | Hà Lạc | 362 | **\*VC**: -Đường giao thông xóm chưa được bê tông: 2,5km  -Đường giao thông nội đồng: 5,2km;  -Đường dây điện vào các hộ gia đình còn thấp, chưa đảm bảo an toàn  **\*TCXH:** Công tác duy tu bảo dưỡng, nạo vét chưa được thực hiện thường xuyên; thiếu kinh phí thực hiện;  -Chưa xử lý triệt để các trường hợp vi phạm an toàn giao thông  **\*NTKN**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của người dân thấp ( 70%); Một số hộ dân chưa có ý thức bảo vệ còn lấn chiếm hành lang giao thông. | **\*VC**: 2 km đường giao thông liên tỉnh chạy qua đã được kiên cố  -2,3 km đường xã chạy qua đã được kiên cố  -1,5 km đường giao thông nội đồng đã được bê tông;  - Hệ thống điện luới quốc gia được phủ khắp 100% hộ dân được sử dụng điện an toàn.  **\*TCXH**:  -Toàn xã có 1 cán bộ GT thủy lợi;  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của địa phương khoảng 30%;  - Thôn lắp điện đường, vận động các hộ dân tham gia đóng góp  **\*NTKN**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của người dân khoảng 30%;  -Tham gia đóng góp kinh phí lắp điện đường trong thôn và đóng kinh phí hàng tháng | -5,2 km đường giao thông nội đồng bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -2,5 km đường giao thông liên xóm bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Đường dây điện mất an toàn khi thiên tai xảy ra. | Trung bình |
|  | Hà Công | 125 | **\*VC**: -1km đường giao thông xã chạy qua chưa được kiên cố;  - Đường dây điện vào các hộ gia đình còn thấp, chưa đảm bảo an toàn;  **\*** **\*TCXH:** Công tác duy tu bảo dưỡng, nạo vét chưa được thực hiện thường xuyên; thiếu kinh phí thực hiện;  -Chưa xử lý triệt để các trường hợp vi phạm an toàn giao thông  **\*NTKN**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của người dân thấp ( 70%);  -Một số hộ dân chưa có ý thức bảo vệ còn lấn chiếm hành lang giao thông. | **VC**: 1,5 km đường liên thôn đã được kiên cố  -Hệ thống điện luới quốc gia được phủ khắp 100% hộ dân được sử dụng điện an toàn.  **\*TCXH**:  -Toàn xã có 1 cán bộ giao thông, thủy lợi;  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của địa phương khoảng 30%;  - Thôn lắp điện đường, vận động các hộ dân tham gia đóng góp  **\*NTKN**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của người dân khoảng 30%;  -Tham gia đóng góp kinh phí lắp điện đường trong thôn và đóng kinh phí hàng tháng | -Đường giao thông xã bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Nguy cơ mất an toàn khi tham gia giao thông  -Đường dây điện mất an toàn khi thiên tai xảy ra. | Trung bình |
|  | Tháp Nhuận | 284 | \***VC**: Đường giao thông xóm chưa được bê tông: 2km  -Đường giao thông nội đồng: 3,5km  - Đường dây điện vào các hộ gia đình còn thấp, chưa đảm bảo an toàn  **\*TCXH:** Công tác duy tu bảo dưỡng, nạo vét chưa được thực hiện thường xuyên; thiếu kinh phí thực hiện;  -Chưa xử lý triệt để các trường hợp vi phạm an toàn giao thông  **\*NTKN**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của người dân thấp ( 70%); Một số hộ dân chưa có ý thức bảo vệ còn lấn chiếm hành lang giao thông. | **\*VC**: -2 km đường giao thông liên tỉnh chạy qua đã được kiên cố  -2 km đường xã chạy qua đã được kiên cố ;  -3km đường giao thông nội đồng đã được bê tông  -Hệ thống điện luới quốc gia được phủ khắp 100% hộ dân được sử dụng điện an toàn.  **\*TCXH**:  -Toàn xã có 1 cán bộ GT thủy lợi;  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của địa phương khoảng 30%;  - Thôn lắp điện đường, vận động các hộ dân tham gia đóng góp  **\*NTKN**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của người dân khoảng 30%;  -Tham gia đóng góp kinh phí lắp điện đường trong thôn và đóng kinh phí hàng tháng | -3,5 km Đường giao thông nội đồng bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -2km Đường giao thông liên xóm bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Đường dây điện mất an toàn khi thiên tai xảy ra. | Trung bình |
|  | Thủy Lập | 580 | **\*VC**: Đường giao thông xóm chưa được bê tông: 3,2km  -Đường giao thông nội đồng: 9,1km  - Đường dây điện vào các hộ gia đình còn thấp, chưa đảm bảo an toàn  **\*TCXH:** Công tác duy tu bảo dưỡng, nạo vét chưa được thực hiện thường xuyên; thiếu kinh phí thực hiện;  -Chưa xử lý triệt để các trường hợp vi phạm an toàn giao thông  **\*NTKN**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của người dân thấp ( 70%); Một số hộ dân chưa có ý thức bảo vệ còn lấn chiếm hành lang giao thông. | **\*VC**: 2,5km đường giao thông liên tỉnh chạy qua đã được kiên cố  - 3,2 km đường xã chạy qua đã được kiên cố;  -4,5 km đường giao thông nội đồng đã được bê tông;  -Hệ thống điện luới quốc gia được phủ khắp 100% hộ dân được sử dụng điện an toàn.  **\*TCXH**:  -Toàn xã có 1 cán bộ GT thủy lợi;  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của địa phương khoảng 30%;  - Thôn lắp điện đường, vận động các hộ dân tham gia đóng góp  **\*NTKN**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của người dân khoảng 30%;  -Tham gia đóng góp kinh phí lắp điện đường trong thôn và đóng kinh phí hàng tháng | -9,1 km đường giao thông nội đồng bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -3,2 km đường giao thông liên xóm bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Đường dây điện mất an toàn khi thiên tai xảy ra. | Trung bình |
|  | Mỹ Thạnh | 258 | \***VC**: 1,2km đường giao thông xóm chưa được bê tông  -2,5 km đường giao thông nội đồng là đường đất.  - Đường dây điện vào các hộ gia đình còn thấp, chưa đảm bảo an toàn  **\*TCXH:** Công tác duy tu bảo dưỡng, nạo vét chưa được thực hiện thường xuyên; thiếu kinh phí thực hiện;  -Chưa xử lý triệt để các trường hợp vi phạm an toàn giao thông  **\*NTKN**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của người dân thấp ( 70%); Một số hộ dân chưa có ý thức bảo vệ còn lấn chiếm hành lang giao thông. | **\*VC**: 1 km đường giao thông liên tỉnh chạy qua đã được kiên cố  -1,5 km đường xã chạy qua đã được kiên cố;  - 3,2 km đường giao thông nội đồng đã được bê tông;  -Hệ thống điện luới quốc gia được phủ khắp 100% hộ dân được sử dụng điện an toàn.  **\*TCXH**:  -Toàn xã có 1 cán bộ GT thủy lợi;  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của địa phương khoảng 30%;  - Thôn lắp điện đường, vận động các hộ dân tham gia đóng góp  **\*NTKN**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của người dân khoảng 30%;  -Tham gia đóng góp kinh phí lắp điện đường trong thôn và đóng kinh phí hàng tháng | - 2,5 km đường giao thông nội đồng bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -1,2 km đường giao thông liên xóm bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Đường dây điện mất an toàn khi thiên tai xảy ra. | Trung bình |
|  | Ngư Mỹ Thạnh | 222 | \*VC:  -Đường dây điện vào các hộ gia đình còn thấp, chưa đảm bảo an toàn  **\*TCXH:** Công tác duy tu bảo dưỡng, nạo vét chưa được thực hiện thường xuyên; thiếu kinh phí thực hiện;  -Chưa xử lý triệt để các trường hợp vi phạm an toàn giao thông  **\*NTKN**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của người dân thấp ( 70%); Một số hộ dân chưa có ý thức bảo vệ còn lấn chiếm hành lang giao thông. | \*VC: Số km đường xã chạy qua đã được kiên cố 0,7km; Đường thôn được kiên cố 100%.  -Hệ thống điện luới quốc gia được phủ khắp 100% hộ dân được sử dụng điện an toàn.  **\*TCXH**:  -Toàn xã có 1 cán bộ GT thủy lợi;  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của địa phương khoảng 30%;  - Thôn lắp điện đường, vận động các hộ dân tham gia đóng góp  **\*NTKN**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của người dân khoảng 30%;  -Tham gia đóng góp kinh phí lắp điện đường trong thôn và đóng kinh phí hàng tháng; | -Đường dây điện mất an toàn khi thiên tai xảy ra. | Thấp |
|  | Cư Lạc | 218 | **\*VC**: -Đường dây điện vào các hộ gia đình còn thấp, chưa đảm bảo an toàn  **\*TCXH:** Công tác duy tu bảo dưỡng, nạo vét chưa được thực hiện thường xuyên; thiếu kinh phí thực hiện;  -Chưa xử lý triệt để các trường hợp vi phạm an toàn giao thông  **\*NTKN**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của người dân thấp ( 70%); Một số hộ dân chưa có ý thức bảo vệ còn lấn chiếm hành lang giao thông. | **\*VC**: 1,5 km đường giao thông liên tỉnh chạy qua đã được kiên cố;  -Hệ thống điện luới quốc gia được phủ khắp 100% hộ dân được sử dụng điện an toàn  **\*TCXH**:  -Toàn xã có 1 cán bộ GT thủy lợi;  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của địa phương khoảng 30%;  - Thôn lắp điện đường, vận động các hộ dân tham gia đóng góp  **\*NTKN**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng của người dân khoảng 30%;  -Tham gia đóng góp kinh phí lắp điện đường trong thôn và đóng kinh phí hàng tháng; | -Đường dây điện mất an toàn khi thiên tai xảy ra. | Thấp |
| …. | ***Ghi chú khác:*** | | | | | |

## **Công trình thủy lợi**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt, lũ, bão, hạn hán | Sơn Công | 82 | **\*VC**: -Có 0,8 km kênh mương chưa được kiên cố còn là mương đất  **\*TCXH**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng thấp chiếm 70%;  -Hệ thống kênh mương chưa được nạo vét thường xuyên;  \*NTKN: Sự tham gia đóng góp của người dân còn hạn chế; trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước; một số hộ dân chưa chủ động nạo vét kiênh mương và bảo vệ các công trình thủy lợi | **\*VC:Có**1,5/2,3km kênh mương đã được kiên cố hóa  -06 cống thủy lợi đã được kiên cố;  **\*TCXH**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng thấp chiếm 30%;  **\*NTKN**:  -Đa số các hộ dân có ý thức bảo vệ các công trình thủy lợi; | -0,8 km kênh mương bằng đất bị sạt lở, hư hỏng khi thiên tai xảy ra; | *Cao* |
|  | Hà Lạc | 362 | **\*VC**: 1,8 km kênh mương chưa được kiên cố còn là mương đất  **\*TCXH**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng thấp chiếm 70%;  -Hệ thống kênh mương chưa được nạo vét thường xuyên;  \*NTKN: Sự tham gia đóng góp của người dân còn hạn chế; trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước; một số hộ dân chưa chủ động nạo vét kiênh mương và bảo vệ các công trình thủy lợi | **\*VC**: 3,8/5,6km kênh mương đã được kiên cố hóa  18 cống thủy lợi đã được kiên cố;  -Có 01 trạm bơm nước  Đã được kiên cố hóa  **\*TCXH**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng thấp chiếm 30%  **\*NTKN**:  -Đa số các hộ dân có ý thức bảo vệ các công trình thủy lợi; | 1,8 km kênh mương bằng đất bị sạt lở, hư hỏng khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Tháp Nhuận | 284 | **\*VC**: 1,2 km kênh mương chưa được kiên cố còn là mương đất  **\*TCXH**: Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng thấp chiếm;  -Hệ thống kênh mương chưa được nạo vét thường xuyên;  \*NTKN: Sự tham gia đóng góp của người dân còn hạn chế; trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước; một số hộ dân chưa chủ động nạo vét kiênh mương và bảo vệ các công trình thủy lợi | **\*VC**: 2,5/3,7km kênh mương đã được kiên cố hóa  12 cống thủy lợi đã được kiên cố;  **\*TCXH**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng thấp chiếm 40%  **\*NTKN**:  -Đa số các hộ dân có ý thức bảo vệ các công trình thủy lợi | 1,2km kênh mương bằng đất bị sạt lở, hư hỏng khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Thủy Lập | 580 | **\*VC:** 2,3 km kênh mương chưa được kiên cố còn là mương đất;  **\*TCXH**: Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng thấp  -Hệ thống kênh mương chưa được nạo vét thường xuyên;  \*NTKN: Sự tham gia đóng góp của người dân còn hạn chế; trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước; một số hộ dân chưa chủ động nạo vét kiênh mương và bảo vệ các công trình thủy lợi | **\*VC**: 5,2/7,5km kênh mương đã được kiên cố hóa  25 cống thủy lợi đã được kiên cố;  -Có 01 hồ chứa nước tưới đã được kiên cố;  **\*TCXH**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng thấp chiếm 40%  **\*NTKN**:  -Đa số các hộ dân có ý thức bảo vệ các công trình thủy lợi | 2,3 km kênh mương bằng đất bị sạt lở, hư hỏng khi thiên tai xảy ra | cao |
|  | Mỹ Thạnh | 258 | **\*VC**: 0,7km kênh mương chưa được kiên cố còn là mương đất  **\*TCXH**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng thấp  -Hệ thống kênh mương chưa được nạo vét thường xuyên;  \*NTKN: Sự tham gia đóng góp của người dân còn hạn chế; trông chờ vào sự hỗ trợ của nhà nước; một số hộ dân chưa chủ động nạo vét kiênh mương và bảo vệ các công trình thủy lợi  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng thấp | **\*VC:** 3,8/4,5km kênh mương đã được kiên cố hóa  13 cống thủy lợi đã được kiên cố;  -Có 01 hồ chứa nước tưới đã được kiên cố hóa;  **\*TCXH**:  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng thấp chiếm 40%  **\*NTKN**:  -Đa số các hộ dân có ý thức bảo vệ các công trình thủy lợi | 0,7 km kênh mương bằng đất bị sạt lở, hư hỏng khi thiên tai xảy ra | Cao |
| ***Ghi chú khác*** Toàn xã có 16,8/23,6 km kênh mương đã được kiên cố; 74 cống thủy lợi, 01 trạm bơm ; 03 hồ chứa nước ( Thôn Hà Công, Thủy Lập, Mỹ Thạnh) đã được kiên cố; | | | | | | |

## **Nhà ở**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lũ,lụt | Sơn Công | 82 | **\*VC**: -Nhà bán kiên cố 59  -Nhà ở có nguy cơ ngập sâu: 82 hộ;  -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 11;Phụ nữ đơn thân:09;  **-**Hộ nghèo 16 ( nữ 16/24);  \***TCXH:** Chưa chủ động, thiếu kiến thức hướng dẫn các hộ dân xây dựng nhà phòng tránh bão, lũ.  -Thiếu nhân lực hỗ trợ cho các hộ khó khăn, nghèo.. gia cố nhà cửa trước khi thiên tai xảy ra.  **\*NTKN**:  -40% hộ chưa có gác để cất giữ đồ đạc khi thiên tai  -30% người dân thiếu kiến thức, kỹ năng, nhân lực gia cố nhà cửa | **VC**:-Nhà kiên cố : 15 để làm nơi sơ tán cho một số hộ trong thôn khi cần thiết ;  **\*TCXH**:  -Tuyên truyền vận động các hộ dân gia cố nhà cửa trước khi thiên tai xảy ra.  -Vận động các nguồn lực hỗ trợ các hộ nghèo xây dựng nhà ở.  \*NTKN: 60% các hộ dân xây dựng nhà có nơi cất giữ đồ đạc khi có lũ, lụt.  -70% hộ chủ động gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai. | -Nhà ở có nguy cơ bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Tài sản bị ướt, trôi khi thiên tai xảy ra | Trung bình |
|  | Hà Lạc | 362 | **\*VC:-**Nhà bán kiên cố 200, thiếu kiên cố 3. Nhà thiếu kiên cố 35  -Nhà ỏ có nguy cơ ngập sâu: 08hộ  -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 60  -Phụ nữ đơn thân :65;  -Hộ nghèo 39 ( nữ 73/114);  \***TCXH:** Chưa chủ động, hướng dẫn các hộ dân xây dựng nhà phòng tránh bão, lũ.  -Thiếu nhân lực hỗ trợ cho các hộ khó khăn, nghèo.. gia cố nhà cửa trước khi thiên tai xảy ra.  **\*NTKN**:  -40% hộ chưa có gác để cất giữ đồ đạc khi thiên tai  -30% người dân thiếu kiến thức, kỹ năng, nhân lực gia cố nhà cửa | **VC:** Nhà kiên cố : 65 làm nơi sơ tán cho các hộ trong thôn;  **\*TCXH**:  -Tuyên truyền vận động các hộ dân gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai xảy ra.  -Vận động các nguồn lực hỗ trợ các hộ nghèo xây dựng nhà ở.  \*NTKN: 60% các hộ dân xây dựng nhà có nơi cất giữ đồ đạc khi có lũ, lụt.  -70% hộ chủ động gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai. | Nhà ở có nguy cơ bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Tài sản bị ướt, trôi khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Hà Công | 125 | \*VC: -Nhà bán kiên cố 55, thiếu kiên cố 10.  125 nhà ỏ có nguy cơ ngập sâu:  -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 8;Phụ nữ đơn thân 12;Hộ nghèo 17 ( nữ 16/24 người);  \***TCXH:** Chưa chủ động, hướng dẫn các hộ dân xây dựng nhà phòng tránh bão, lũ.  -Thiếu nhân lực hỗ trợ cho các hộ khó khăn, nghèo..gia cố nhà cửa trước khi thiên tai xảy ra.  **\*NTKN**:  -40% hộ chưa có gác để cất giữ đồ đạc khi thiên tai  -30% người dân thiếu kiến thức, kỹ năng, nhân lực gia cố nhà cửa | **\*VC**:-Nhà kiên cố : 35 làm nơi sơ tán cho các hộ trong thôn;  **\*TCXH**:  -Tuyên truyền vận động các hộ dân gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai xảy ra.  -Vận động các nguồn lực hỗ trợ các hộ nghèo xây dựng nhà ở.  \*NTKN: 60% các hộ dân xây dựng nhà có nơi cất giữ đồ đạc khi có lũ, lụt.  -70% hộ chủ động gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai. | Nhà ở có nguy cơ bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Tài sản bị ướt, trôi khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Tháp Nhuận | 284 | \*VC:-Nhà bán kiên cố 185, thiếu kiên cố 12  -Phụ nữ đơn thân 28  -Phụ nữ trụ cột gia đình 28; Hộ nghèo 47 ( Nữ 36/75);  \***TCXH:** Chưa chủ động, hướng dẫn các hộ dân xây dựng nhà phòng tránh bão, lũ.  -Thiếu nhân lực hỗ trợ cho các hộ khó khăn, nghèo.. gia cố nhà cửa trước khi thiên tai xảy ra.  **\*NTKN**:  -40% hộ chưa có gác để cất giữ đồ đạc khi thiên tai  -30% người dân thiếu kiến thức, kỹ năng, nhân lực gia cố nhà cửa | \*VC:-Nhà kiên cố 25 làm nơi so tán cho các hộ trong thôn;  **\*TCXH**:  -Tuyên truyền vận động các hộ dân gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai xảy ra.  -Vận động các nguồn lực hỗ trợ các hộ nghèo xây dựng nhà ở.  \*NTKN: 60% các hộ dân xây dựng nhà có nơi cất giữ đồ đạc khi có lũ, lụt.  -70% hộ chủ động gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai. | -Nhà ở có nguy cơ bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Tài sản bị ướt, trôi khi thiên tai xảy ra | Thấp |
|  | Thủy Lập | 580 | \*VC:-32 nhà ỏ có nguy cơ ngập sâu: Nhà thiếu kiên cố 30.  -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 71; Phụ nữ đơn thân 92.Hộ nghèo 71 ( Nữ 65/128);  \***TCXH:** Chưa chủ động, hướng dẫn các hộ dân xây dựng nhà phòng tránh bão, lũ.  -Thiếu nhân lực hỗ trợ cho các hộ khó khăn, nghèo..gia cố nhà cửa trước khi thiên tai xảy ra.  **\*NTKN**:  -40% hộ chưa có gác để cất giữ đồ đạc khi thiên tai  -30% người dân thiếu kiến thức, kỹ năng, nhân lực chằng chống nhà cửa | \*VC:-Nhà kiên cố : 45 đủ để làm nơi sơ tán;  **\*TCXH**:  -Tuyên truyền vận động các hộ dân gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai xảy ra.  -Vận động các nguồn lực hỗ trợ các hộ nghèo xây dựng nhà ở.  \*NTKN: 60% các hộ dân xây dựng nhà có nơi cất giữ đồ đạc khi có lũ, lụt.  -70% hộ chủ động gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai. | -Nhà ở có nguy cơ bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Tài sản bị ướt, trôi khi thiên tai xảy ra | Thấp |
|  | Mỹ Thạnh | 258 | **\*VC**:-Nhà bán kiên cố 169, nhà thiếu kiên cố 48.  Hộ nghèo: 35 (nữ 34/82); Phụ nữ đơn thân 21; Phụ nữ là trụ cột gia đình 21;  \***TCXH:** Chưa chủ động, hướng dẫn các hộ dân xây dựng nhà phòng tránh bão, lũ.  -Thiếu nhân lực hỗ trợ cho các hộ khó khăn, nghèo.. gia cố nhà cửa trước khi thiên tai xảy ra.  **\*NTKN**:  -40% hộ chưa có gác để cất giữ đồ đạc khi thiên tai  -30% người dân thiếu kiến thức, kỹ năng, nhân lực chằng chống nhà cửa | \*VC:Nhà kiên cố 25 làm nơi sơ tán cho một số hộ trong thôn;  **\*TCXH**:  -Tuyên truyền vận động các hộ dân gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai xảy ra.  -Vận động các nguồn lực hỗ trợ các hộ nghèo xây dựng nhà ở.  \*NTKN: 60% các hộ dân xây dựng nhà có nơi cất giữ đồ đạc khi có lũ, lụt.  -70% hộ chủ động gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai. | -Nhà ở có nguy cơ bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra;  -Tài sản bị ướt, trôi khi thiên tai xảy ra | Thấp |
|  | Ngư Mỹ Thạnh | 222 | **\*VC:**Nhà bán kiên cố 169, thiếu kiên cố 48.  -172 nhà ỏ có nguy cơ ngập sâu:  -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 13  -Phụ nữ đơn thân 31  Hộ nghèo 28 ( nữ 27/81);  \***TCXH:** Chưa chủ động, hướng dẫn các hộ dân xây dựng nhà phòng tránh bão, lũ.  -Thiếu nhân lực hỗ trợ cho các hộ khó khăn, nghèo.. chằng chống nhà cửa trước khi thiên tai xảy ra.  **\*NTKN**:  -40% hộ chưa có gác để cất giữ đồ đạc khi thiên tai  -30% người dân thiếu kiến thức, kỹ năng, nhân lực gia cố nhà cửa | \*VC:-Nhà kiên cố : 50 đủ để làm nơi sơ tán;  **\*TCXH**:  -Tuyên truyền vận động các hộ dân gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai xảy ra.  -Vận động các nguồn lực hỗ trợ các hộ nghèo xây dựng nhà ở.  \*NTKN: 60% các hộ dân xây dựng nhà có nơi cất giữ đồ đạc khi có lũ, lụt.  -70% hộ chủ động gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai. | -Nhà ở có nguy cơ bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Tài sản bị ướt, trôi khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Cư Lạc | 218 | \*VC: -Nhà bán kiên cố : 30  -151 nhà ỏ có nguy cơ ngập sâu:  Phụ nữ làm trụ cột gia đình 28  -Phụ nữ đơn thân 22  Hộ nghèo 30 ( nữ 26/54);  \***TCXH:** Chưa chủ động, hướng dẫn các hộ dân xây dựng nhà phòng tránh bão, lũ.  -Thiếu nhân lực hỗ trợ cho các hộ khó khăn, nghèo.. gia cố nhà cửa trước khi thiên tai xảy ra.  **\*NTKN**:  -40% hộ chưa có gác để cất giữ đồ đạc khi thiên tai  -30% người dân thiếu kiến thức, kỹ năng, nhân lực chằng chống nhà cửa | \*VC: Nhà kiên cố : 30 đủ để làm nơi sơ tán.  **\*TCXH**:  -Tuyên truyền vận động các hộ dân gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai xảy ra.  -Vận động các nguồn lực hỗ trợ các hộ nghèo xây dựng nhà ở.  \*NTKN: 60% các hộ dân xây dựng nhà có nơi cất giữ đồ đạc khi có lũ, lụt.  -70% hộ chủ động gia cố nhà cửa trước mùa thiên tai. | -Nhà ở có nguy cơ bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Tài sản bị ướt, trôi khi thiên tai xảy ra | Cao |
| **Bão** | Sơn Công | 82 | \*VC:-Số hộ có nhà ở bán kiên cố: 59;  -Đa số phụ nữ đơn thân, phụ nữ trụ cột gia đình, hộ nghèo thiếu nhân lực chằng chống nhà cửa  -Hộ nghèo: 16 ( nữ 16/24);  \***TCXH:** Địa phương thiếu nhân lực để hỗ trợ các gia đình khó khăn di dời sơ tán;  \*NTKN:  -40% hộ thiếu kiến thức kỹ năng chằng chống nhà cửa; chủ quan không gia cố chằng chống trước mùa thiên tai; | **\*VC**:-Có các địa điểm sơ tán ( các hộ có nhà ở kiên cố);  **\*TCXH**: Huy động lực lượng hỗ trợ các hộ neo đơn, hộ khó khăn di dời sơ tán, chằng chống nhà cửa trước khi bão xảy ra. Thông báo địa điểm di dời sơ tán cho các hộ.  **\*NTKN**:  -60% hộ dân có kiến thức kỹ năng chằng chống nhà cửa  -Có 70% hộ dân làm nhà có phòng tránh bão  -Các hộ chẩn bị lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cần thiết để di dời; | -Nhà ở có nguy cơ bị tốc mái, hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Tài sản bị ướt, trôi khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Hà Lạc | 362 | **\*VC:-**Số hộ có nhà ở bán kiên cố: 200, nhà thiếu kiên cố 35  -Phụ nữ đơn thân, phụ nữ trụ cột gia đình, hộ nghèo thiếu nhân lực chằng chống nhà cửa, nhà ở thiếu kiên cố;  \***TCXH:** Địa phương thiếu nhân lực để hỗ trợ các gia đình khó khăn di dời sơ tán;  \*NTKN:  -40% hộ thiếu kiến thức kỹ năng chằng chống nhà cửa; chủ quan không gia cố chằng chống trước mùa thiên tai; | **\*VC**: Có các địa điểm sơ tán ( các hộ có nhà ở kiên cố); trường mầm non làm nơi sơ tán .  **\*TCXH**: Huy động lực lượng hỗ trợ các hộ neo đơn, hộ khó khăn di dời sơ tán, chằng chống nhà cửa trước khi bão xảy ra. Thông báo địa điểm di dời sơ tán cho các hộ.  **\*NTKN**:  -60% hộ dân có kiến thức kỹ năng chằng chống nhà cửa  -Có 70% hộ dân làm nhà có phòng tránh bão  -Các hộ chẩn bị lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cần thiết để di dời; | -Nhà ở có nguy cơ bị tốc mái, hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Tài sản bị ướt, trôi khi thiên tai xảy ra | Cao |
| …. | Hà Công | 125 | \*VC: Số hộ có nhà ở bán kiên cố: 55, nhà thiếu kiên cố 10  -Đa số phụ nữ đơn thân, phụ nữ trụ cột gia đình, hộ nghèo thiếu nhân lực chằng chống nhà cửa, nhà ở thiếu kiên cố.  \***TCXH:** Địa phương thiếu nhân lực để hỗ trợ các gia đình khó khăn di dời sơ tán;  \*NTKN:  -40% hộ thiếu kiến thức kỹ năng chằng chống nhà cửa; chủ quan không gia cố chằng chống trước mùa thiên tai; | \*VC:-Có các địa điểm sơ tán ( các hộ có nhà ở kiên cố);  **\*TCXH**: Huy động lực lượng hỗ trợ các hộ neo đơn, hộ khó khăn di dời sơ tán, chằng chống nhà cửa trước khi bão xảy ra. Thông báo địa điểm di dời sơ tán cho các hộ.  **\*NTKN**:  -60% hộ dân có kiến thức kỹ năng chằng chống nhà cửa  -Có 70% hộ dân làm nhà có phòng tránh bão  -Các hộ chẩn bị lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cần thiết để di dời; | -Nhà ở có nguy cơ bị tốc mái, hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Tài sản bị ướt, trôi khi thiên tai xảy ra; | Cao |
|  | Tháp Nhuận | 284 | **\*VC**: -Số hộ có nhà ở bán kiên cố: 185, nhà thiếu kiên cố 12  - Đa số phụ nữ đơn thân, phụ nữ trụ cột gia đình, hộ nghèo thiếu nhân lực chằng chống nhà cửa, nhà ở thiếu kiên cố;  \***TCXH:** Địa phương thiếu nhân lực để hỗ trợ các gia đình khó khăn di dời sơ tán;  \*NTKN:  -40% hộ thiếu kiến thức kỹ năng chằng chống nhà cửa; chủ quan không gia cố chằng chống trước mùa thiên tai; | **\*VC**-Có các địa điểm sơ tán ( các hộ có nhà ở kiên cố); trường tiểu học  **\*TCXH**: Huy động lực lượng hỗ trợ các hộ neo đơn, hộ khó khăn di dời sơ tán, chằng chống nhà cửa trước khi bão xảy ra. Thông báo địa điểm di dời sơ tán cho các hộ.  **\*NTKN**:  -60% hộ dân có kiến thức kỹ năng chằng chống nhà cửa  -Có 70% hộ dân làm nhà có phòng tránh bão  -Các hộ chẩn bị lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cần thiết để di dời; | -Nhà ở có nguy cơ bị tốc mái, hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Tài sản bị ướt, trôi khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Thủy Lập | 580 | **\*VC**: -Số hộ có nhà ở bán kiên cố: 423, nhà thiếu kiên cố 30  -Đa số phụ nữ đơn thân, phụ nữ trụ cột gia đình, hộ nghèo thiếu nhân lực chằng chống nhà cửa, có nhà ở thiếu kiên cố;  \***TCXH:** Địa phương thiếu nhân lực để hỗ trợ các gia đình khó khăn di dời sơ tán;  \*NTKN:  -40% hộ thiếu kiến thức kỹ năng chằng chống nhà cửa; chủ quan không gia cố chằng chống trước mùa thiên tai; | **\*VC**:Có các địa điểm sơ tán ( các hộ có nhà ở kiên cố); trường THCS, Trường mầm non, UBND xã, Nhà Văn hóa xã, Trạm y tế;  **\*TCXH**: Huy động lực lượng hỗ trợ các hộ neo đơn, hộ khó khăn di dời sơ tán, chằng chống nhà cửa trước khi bão xảy ra. Thông báo địa điểm di dời sơ tán cho các hộ.  **\*NTKN**:  -60% hộ dân có kiến thức kỹ năng chằng chống nhà cửa  -Có 70% hộ dân làm nhà có phòng tránh bão  -Các hộ chẩn bị lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cần thiết để di dời; | -Nhà ở có nguy cơ bị tốc mái, hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Tài sản bị ướt, trôi khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Mỹ Thạnh | 258 | \*VC:-Số hộ có nhà ở bán kiên cố: 169, nhà thiếu kiên cố 48  -Đa số phụ nữ đơn thân, phụ nữ trụ cột gia đình, hộ nghèo thiếu nhân lực chằng chống nhà cửa, có nhà ở thiếu kiên cố;  \***TCXH:** Địa phương thiếu nhân lực để hỗ trợ các gia đình khó khăn di dời sơ tán;  \*NTKN:  -40% hộ thiếu kiến thức kỹ năng chằng chống nhà cửa; chủ quan không gia cố chằng chống trước mùa thiên tai; | \*VC:Có các địa điểm sơ tán ( các hộ có nhà ở kiên cố); trường tiểu học , trường mầm non  **\*TCXH**: Huy động lực lượng hỗ trợ các hộ neo đơn, hộ khó khăn di dời sơ tán, chằng chống nhà cửa trước khi bão xảy ra. Thông báo địa điểm di dời sơ tán cho các hộ.  **\*NTKN**:  -60% hộ dân có kiến thức kỹ năng chằng chống nhà cửa  -Có 70% hộ dân làm nhà có phòng tránh bão  -Các hộ chẩn bị lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cần thiết để di dời; | -Nhà ở có nguy cơ bị tốc mái, hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Tài sản bị ướt, trôi khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Ngư Mỹ Thạnh | 222 | **\*VC**: Số hộ có nhà ở bán kiên cố: 169, nhà thiếu kiên cố 48  - Đa số phụ nữ đơn thân, phụ nữ trụ cột gia đình, hộ nghèo thiếu nhân lực chằng chống nhà cửa, nhà ở thiếu kiên cố;  \***TCXH:** Địa phương thiếu nhân lực để hỗ trợ các gia đình khó khăn di dời sơ tán;  \*NTKN:  -40% hộ thiếu kiến thức kỹ năng chằng chống nhà cửa; chủ quan không gia cố chằng chống trước mùa thiên tai; | **\*VC:** Có các địa điểm sơ tán ( các hộ có nhà ở kiên cố);  **\*TCXH**: Huy động lực lượng hỗ trợ các hộ neo đơn, hộ khó khăn di dời sơ tán, chằng chống nhà cửa trước khi bão xảy ra. Thông báo địa điểm di dời sơ tán cho các hộ.  **\*NTKN**:  -60% hộ dân có kiến thức kỹ năng chằng chống nhà cửa  -Có 70% hộ dân làm nhà có phòng tránh bão  -Các hộ chẩn bị lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cần thiết để di dời; | -Nhà ở có nguy cơ bị tốc mái, hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Tài sản bị ướt, trôi khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Cư Lạc | 218 | \*VC: Số hộ có nhà ở bán kiên cố 130  -Đa số phụ nữ đơn thân, phụ nữ trụ cột gia đình, hộ nghèo thiếu nhân lực chằng chống nhà cửa, nhà ở thiếu kiên cố;  \***TCXH:** Địa phương thiếu nhân lực để hỗ trợ các gia đình khó khăn di dời sơ tán;  \*NTKN:  -40% hộ thiếu kiến thức kỹ năng chằng chống nhà cửa; chủ quan không gia cố chằng chống trước mùa thiên tai; | **\*VC**:Có các địa điểm sơ tán ( các hộ có nhà ở kiên cố);  **\*TCXH**: Huy động lực lượng hỗ trợ các hộ neo đơn, hộ khó khăn di dời sơ tán, chằng chống nhà cửa trước khi bão xảy ra. Thông báo địa điểm di dời sơ tán cho các hộ.  **\*NTKN**:  -60% hộ dân có kiến thức kỹ năng chằng chống nhà cửa  -Có 70% hộ dân làm nhà có phòng tránh bão  -Các hộ chẩn bị lương thực, thực phẩm, nhu yếu phẩm cần thiết để di dời; | -Nhà ở có nguy cơ bị tốc mái, hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Tài sản bị ướt, trôi khi thiên tai xảy ra | Cao |
| …. | ***Ghi chú khác:*** | | | | | |

## **Nước sạch, vệ sinh và môi trường**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt, bão, hạn hán | Sơn Công | 82 | **\*VC**: -Số hộ dùng nhà vệ sinh tạm 17; Sử dụng nước giếng khoan 01  -Không có hệ thống cống rãnh thoát nước thải sinh hoạt  \*TCXH:  -Chưa hướng dẫn các hộ dân khơi thông cống rãnh, phát quang bụi rậm trước mùa thiên tai; Chưa có quy hoạch hệ thống thoát nước thải sinh hoạt;  -Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường chưa được làm thường xuyên;  -Xã chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ chăn nuôi xả thải ra môi trường, các hộ vi phạm bảo vệ môi trường;  \***NTKN**: 90% hộ chăn nuôi không làm hầm biogas;  -Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ xả thải trực tiếp ra môi trường  -Hệ thống cống rãnh khu dân cư bị ách tắc, chưa được khơi thông,phát quang trước mùa thiên tai | \***VC:** -Số hộ sử dụng nước máy 81  -Số hộ có nhà vệ sinh tự hoại, bán tự hoại 65  -10% hộ chăn nuôi làm hầm biogas;  **\*TCXH**: Có đội thu gom rác thải 01 tuần 2 lần  - Tuyên truyền vận động hộ dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí môi trường.  - Thường xuyên tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh xã về vệ sinh môi trường;  -Sau thiên tai y tế hỗ trợ hộ dân khử trùng tiêu độc, hướng dẫn các hộ làm vệ sinh môi trường  **\*NTKN:**  - Số ít các hộ chủ động đào hố xử lý nước thải chăn nuôi;  -100% hộ gia đình thực hiện việc thu gom và đóng phí thu gom rác thải. | *-*Nguy cơ ô nhiễm môi trường  -Nguy cơ xảy ra dịch bệnh tiêu chảy, ngoài da, sốt xuất huyết | Trung bình |
|  | Hà Lạc | 362 | \*VC: -Số hộ dùng nhà vệ sinh tạm 66; Sử dụng nước giếng khoan 12  -Không có hệ thống cống rãnh thoát nước thải sinh hoạt;  \*TCXH: Chưa có quy hoạch hệ thống thoát nước sinh hoạt; -Chưa hướng dẫn các hộ dân khơi thông cống rãnh, phát quang bụi rậm trước mùa thiên tai;  -Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường chưa được làm thường xuyên;  -Xã chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ chăn nuôi xả thải ra môi trường, các hộ vi phạm bảo vệ môi trường;  **\*NTKN:**  -80% hộ chăn nuôi không làm hầm biogas  -Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ xả thải trực tiếp ra môi trường  -Hệ thống cống rãnh khu dân cư bị ách tắc, chưa được khơi thông, phát quang trước mùa thiên tai | **\*VC**:-Số hộ sử dụng nước máy 350  -Số hộ có nhà vệ sinh tự hoại, bán tự hoại 296  -20% hộ chăn nuôi làm hầm biogas;  \*TCXH: Có đội thu gom rác thải 01 tuần 2 lần;  - Tuyên truyền vận động hộ dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí môi trường.  - Thường xuyên tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh xã về vệ sinh môi trường;  -Sau thiên tai y tế hỗ trợ hộ dân khử trùng tiêu độc, hướng dẫn các hộ làm vệ sinh môi trường  **\*NTKN:**  - Số ít các hộ chủ động đào hố xử lý nước thải chăn nuôi;  -100% hộ gia đình thực hiện việc thu gom và đóng phí thu gom rác thải. | *-*Nguy cơ ô nhiễm môi trường  -Nguy cơ xảy ra dịch bệnh tiêu chảy, ngoài da, sốt xuất huyết | Trung bình |
|  | Hà Công | 125 | \*VC: -Số hộ dùng nhà vệ sinh tạm 21  --Không có hệ thống cống rãnh thoát nước thải sinh hoạt  -80% hộ chăn nuôi không làm hầm biogas  \*TCXH: Chưa có quy hoạch hệ thống thoát nước sinh hoạt; -Chưa hướng dẫn các hộ dân khơi thông cống rãnh, phát quang bụi rậm trước mùa thiên tai;  -Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường chưa được làm thường xuyên;  -Xã chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ chăn nuôi xả thải ra môi trường, các hộ vi phạm bảo vệ môi trường;  \*NTKN:  -80% hộ chăn nuôi không làm hầm biogas  -Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ xả thải trực tiếp ra môi trường  -Hệ thống cống rãnh khu dân cư bị ách tắc, chưa được khơi thông, phát quang trước mùa thiên tai; | \*VC: -Số hộ sử dụng nước máy 125  -Số hộ có nhà vệ sinh tự hoại, bán tự hoại 104  -20% hộ chăn nuôi làm hầm biogas;  **\*TCXH:** Có đội thu gom rác thải 01 tuần 2 lần;  - Tuyên truyền vận động hộ dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí môi trường.  - Thường xuyên tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh xã về vệ sinh môi trường;  -Sau thiên tai y tế hỗ trợ hộ dân khử trùng tiêu độc, hướng dẫn các hộ làm vệ sinh môi trường  **\*NTKN:**  - Số ít các hộ chủ động đào hố xử lý nước thải chăn nuôi;  -100% hộ gia đình thực hiện việc thu gom và đóng phí thu gom rác thải. | *-*Nguy cơ ô nhiễm môi trường  -Nguy cơ xảy ra dịch bệnh tiêu chảy, ngoài da, sốt xuất huyết | Trung bình |
|  | Tháp Nhuận | 284 | \*VC: -Số hộ dùng nhà vệ sinh tạm 41; Sử dụng nước giếng khoan 25;  --Không có hệ thống cống rãnh thoát nước thải sinh hoạt  \*TCXH: Chưa có quy hoạch hệ thống thoát nước sinh hoạt; -Chưa hướng dẫn các hộ dân khơi thông cống rãnh, phát quang bụi rậm trước mùa thiên tai;  -Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường chưa được làm thường xuyên;  -Xã chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ chăn nuôi xả thải ra môi trường, các hộ vi phạm bảo vệ môi trường;  \*NTKN:  -80% hộ chăn nuôi hộ gia đình không làm hầm biogas  -Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ xả thải trực tiếp ra môi trường  -Hệ thống cống rãnh khu dân cư bị ách tắc, chưa được khơi thông, phát quang trước mùa thiên tai; | **\*VC**:-Số hộ sử dụng nước máy 259  -Số hộ có nhà vệ sinh tự hoại, bán tự hoại 243;  -20% hộ chăn nuôi làm hầm biogas;  **\*TCXH:** Có đội thu gom rác thải 01 tuần 2 lần;  - Tuyên truyền vận động hộ dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí môi trường.  - Thường xuyên tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh xã về vệ sinh môi trường;  -Sau thiên tai y tế hỗ trợ hộ dân khử trùng tiêu độc, hướng dẫn các hộ làm vệ sinh môi trường  **\*NTKN:**  - Số ít các hộ chủ động đào hố xử lý nước thải chăn nuôi;  -100% hộ gia đình thực hiện việc thu gom và đóng phí thu gom rác thải. | *-*Nguy cơ ô nhiễm môi trường  -Nguy cơ xảy ra dịch bệnh tiêu chảy, ngoài da, sốt xuất huyết | Trung bình |
|  | Thủy Lập | 580 | \*VC: -Số hộ dùng nhà vệ sinh tạm 73; Sử dụng nước giếng khoan 41  -Không có hệ thống cống rãnh thoát nước thải sinh hoạt  **\*TCXH**: Chưa có quy hoạch hệ thống thoát nước sinh hoạt; -Chưa hướng dẫn các hộ dân khơi thông cống rãnh, phát quang bụi rậm trước mùa thiên tai;  -Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường chưa được làm thường xuyên;  -Xã chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ chăn nuôi xả thải ra môi trường, các hộ vi phạm bảo vệ môi trường;  \*NTKN:  -80% hộ chăn nuôi hộ gia đình không làm hầm biogas  -Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ xả thải trực tiếp ra môi trường;  -Các hộ kinh doanh khu vực chợ ý thức bảo vệ môi trường còn bỏ rác bừa bãi.  -Hệ thống cống rãnh khu dân cư bị ách tắc, chưa được khơi thông, phát quang trước mùa thiên tai;  -22 hộ không nộp tiền thu rác hàng tháng, còn vứt rác bừa bãi nhưng chưa có biện pháp xử lý; | **\*VC:** -Số hộ sử dụng nước máy 539;  -Số hộ có nhà vệ sinh tự hoại, bán tự hoại 507;  -20% hộ chăn nuôi làm hầm biogas;  **\*TCXH:** Có đội thu gom rác thải 01 tuần 2 lần;  - Tuyên truyền vận động hộ dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí môi trường.  - Thường xuyên tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh xã về vệ sinh môi trường;  -Sau thiên tai y tế hỗ trợ hộ dân khử trùng tiêu độc, hướng dẫn các hộ làm vệ sinh môi trường  **\*NTKN:**  - Số ít các hộ chủ động đào hố xử lý nước thải chăn nuôi;  -97% hộ gia đình thực hiện việc thu gom và đóng phí thu gom rác thải. | *-*Nguy cơ ô nhiễm môi trường  -Nguy cơ xảy ra dịch bệnh tiêu chảy, ngoài da, sốt xuất huyết | Trung bình |
|  | Mỹ Thạnh | 258 | **\*VC**: -Số hộ dùng nhà vệ sinh tạm 43; Sử dụng nước giếng khoan 05  -Không có hệ thống cống rãnh thoát nước thải sinh hoạt  -80% hộ chăn nuôi không làm hầm biogas;  **\*TCXH**: Chưa có quy hoạch hệ thống thoát nước sinh hoạt; -Chưa hướng dẫn các hộ dân khơi thông cống rãnh, phát quang bụi rậm trước mùa thiên tai;  -Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường chưa được làm thường xuyên;  -Xã chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ chăn nuôi xả thải ra môi trường, các hộ vi phạm bảo vệ môi trường;  \*NTKN:  -80% hộ chăn nuôi hộ gia đình không làm hầm biogas  -Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ xả thải trực tiếp ra môi trường  -Hệ thống cống rãnh khu dân cư bị ách tắc, chưa được khơi thông, phát quang trước mùa thiên tai; | \*VC: -Số hộ sử dụng nước máy 253 hộ  -Số hộ có nhà vệ sinh tự hoại, bán tự hoại 215  -20% hộ chăn nuôi làm hầm biogas  **\*TCXH:** Có đội thu gom rác thải 01 tuần 2 lần;  - Tuyên truyền vận động hộ dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí môi trường.  - Thường xuyên tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh xã về vệ sinh môi trường;  -Sau thiên tai y tế hỗ trợ hộ dân khử trùng tiêu độc, hướng dẫn các hộ làm vệ sinh môi trường  **\*NTKN:**  - Số ít các hộ chủ động đào hố xử lý nước thải chăn nuôi;  -100% hộ gia đình thực hiện việc thu gom và đóng phí thu gom rác thải. | *-*Nguy cơ ô nhiễm môi trường  -Nguy cơ xảy ra dịch bệnh tiêu chảy, ngoài da, sốt xuất huyết | Trung bình |
|  | Ngư Mỹ Thạnh | 222 | **VC:** -Số hộ dùng nhà vệ sinh tạm 87;  -Không có hệ thống cống rãnh thoát nước thải sinh hoạt  -80% hộ chăn nuôi không làm hầm biogas  **\*TCXH**: Chưa có quy hoạch hệ thống thoát nước sinh hoạt; -Chưa hướng dẫn các hộ dân khơi thông cống rãnh, phát quang bụi rậm trước mùa thiên tai;  -Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường chưa được làm thường xuyên;  -Xã chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ chăn nuôi xả thải ra môi trường, các hộ vi phạm bảo vệ môi trường;  \*NTKN:  -80% hộ chăn nuôi hộ gia đình không làm hầm biogas  -Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ xả thải trực tiếp ra môi trường  -Hệ thống cống rãnh khu dân cư bị ách tắc, chưa được khơi thông, phát quang trước mùa thiên tai; | **\*VC**:-Số hộ sử dụng nước máy 222  -Số hộ có nhà vệ sinh tự hoại, bán tự hoại 135;  -20% hộ chăn nuôi làm hầm biogas;  **\*TCXH:** Có đội thu gom rác thải 01 tuần 2 lần;  - Tuyên truyền vận động hộ dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí môi trường.  - Thường xuyên tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh xã về vệ sinh môi trường;  -Sau thiên tai y tế hỗ trợ hộ dân khử trùng tiêu độc, hướng dẫn các hộ làm vệ sinh môi trường  **\*NTKN:**  - Số ít các hộ chủ động đào hố xử lý nước thải chăn nuôi;  -100% hộ gia đình thực hiện việc thu gom và đóng phí thu gom rác thải. | *-*Nguy cơ ô nhiễm môi trường  -Nguy cơ xảy ra dịch bệnh tiêu chảy, ngoài da, sốt xuất huyết | Trung bình |
|  | Cư Lạc | 218 | **\*VC**:-Số hộ dùng nhà vệ sinh tạm 15  -Không có hệ thống cống rãnh thoát nước thải sinh hoạt  -80% hộ chăn nuôi không làm hầm biogas  **\*TCXH**: Chưa có quy hoạch hệ thống thoát nước sinh hoạt; -Chưa hướng dẫn các hộ dân khơi thông cống rãnh, phát quang bụi rậm trước mùa thiên tai;  -Công tác tuyên truyền về vệ sinh môi trường chưa được làm thường xuyên;  -Xã chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ chăn nuôi xả thải ra môi trường, các hộ vi phạm bảo vệ môi trường;  **\*NTKN**:  -80% hộ chăn nuôi hộ gia đình không làm hầm biogas  -Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ xả thải trực tiếp ra môi trường  -Hệ thống cống rãnh khu dân cư bị ách tắc, chưa được khơi thông, phát quang trước mùa thiên tai; | \*VC:-Số hộ sử dụng nước máy 218  -Số hộ có nhà vệ sinh tự hoại, bán tự hoại 203  -20% hộ chăn nuôi làm hầm biogas  **\*TCXH:** Có đội thu gom rác thải 01 tuần 2 lần;  - Tuyên truyền vận động hộ dân tham gia thu gom rác thải và đóng phí môi trường.  - Thường xuyên tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh xã về vệ sinh môi trường;  -Sau thiên tai y tế hỗ trợ hộ dân khử trùng tiêu độc, hướng dẫn các hộ làm vệ sinh môi trường  **\*NTKN:**  - Số ít các hộ chủ động đào hố xử lý nước thải chăn nuôi;  -100% hộ gia đình thực hiện việc thu gom và đóng phí thu gom rác thải. | *-*Nguy cơ ô nhiễm môi trường  -Nguy cơ xảy ra dịch bệnh tiêu chảy, ngoài da, sốt xuất huyết | Trung bình |
| …. | ***Ghi chú khác*** | | | | | |

## **Y tế và quản lý dịch bệnh**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt, bão, hạn hán, rét hại | Sơn Công | 82 | **\*VC**: -Y tế thôn: thiếu các trang thiết bị, thuốc sơ cứu thông thường, hóa chất tiêu độc khử trùng.  -Y tế thôn: thiếu các trang thiết bị y tế và các loại thuốc phòng chống dịch, cơ số thuốc PCTT;  **\*TCXH**: Cán bộ y tế thôn, xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; Phụ cấp cho y tế thôn thấp.  - Chưa quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường; an toàn thực phẩm.  - Phun thuốc khử trùng sau thiên tai chưa kịp thời.  - Xã chưa có bác sỹ, thiếu y sỹ;  \*NTKN: 95% hộ gia đình không có tủ thuốc gia đình; 70% không biết sử dụng các loại cây thuốc nam thông thường; Không chủ động dự trữ các loại thuốc thông thường.  - Người dân thiếu kiến thức, có thói quen sử dụng các loại thực phẩm rẻ tiền, không đảm bảo về thực phẩm an toàn.  - Chưa mua thuốc theo đơn bác sĩ, còn tự ý đi mua ở ngoài.  - Chưa đi khám bệnh định kỳ, khi có biểu hiện mới đi khám. | **\*VC:** Y tế thôn **có các** loại dụng cụ sơ cấp cứu như: Bông bắng, gạc, bơm kim tiêmvà một số loại thuốc thông thường;  **\*TCXH**:-Khả năng kiểm soát dịch bênh của đơn vị y tế. Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân chiếm 60 %;  -Có 01 y tá thôn nhiệt tình  -Phun thuốc, tiêu độc khử trùng sau thiên tai; -Tuyên truyền vận động các hộ dân thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;  -Tuyên truyền phòng bệnh theo mùa, an toàn thực phẩm cho người dân.  \***NTKN:** 100% người dân được nhà nước hỗ trợ đóng BHYT;  -30% hộ dân biết sử dụng các loại cây thuốc nam thông thường;  -5% hộ gia đình có tủ thuốc gia đình. | Nguy cơ quản lý dịch bệnh không kịp thời khi thiên tai xảy ra | Thấp |
|  | Hà Lạc | 362 | \* VC: -Y tế thôn: thiếu các trang thiết bị, thuốc sơ cứu thông thường;  -Y tế thôn: thiếu các trang thiết bị y tế và các loại thuốc phòng chống dịch, cơ số thuốc PCTT;  **\*TCXH**: Cán bộ y tế thôn, xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; Phụ cấp cho y tế thôn thấp.  - Chưa quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường; an toàn thực phẩm.  - Phun thuốc khử trùng sau thiên tai chưa kịp thời.  - Xã chưa có bác sỹ, thiếu y sỹ;  \*NTKN: 95% hộ gia đình không có tủ thuốc gia đình; 70% không biết sử dụng các loại cây thuốc nam thông thường;  - Người dân thiếu kiến thức, có thói quen sử dụng các loại thực phẩm rẻ tiền, không đảm bảo về thực phẩm an toàn.  - Chưa mua thuốc theo đơn bác sĩ, còn tự ý đi mua ở ngoài.  - Chưa đi khám bệnh định kỳ, khi có biểu hiện mới đi khám. | **\*VC:** Y tế thôn **có các** loại dụng cụ sơ cấp cứu như: Bông bắng, gạc, bơm kim tiêmvà một số loại thuốc thông thường;  **\*TCXH**:-Khả năng kiểm soát dịch bênh của đơn vị y tế. Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân chiếm 60 %;  -Có 01 y tá thôn nhiệt tình  -Phun thuốc, tiêu độc khử trùng sau thiên tai; -Tuyên truyền vận động các hộ dân thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;  -Tuyên truyền phòng bệnh theo mùa, an toàn thực phẩm cho người dân.  \***NTKN:** 100% người dân được nhà nước hỗ trợ đóng BHYT;  -30% hộ dân biết sử dụng các loại cây thuốc nam thông thường;  -5% hộ gia đình có tủ thuốc gia đình. | Nguy cơ quản lý dịch bệnh không kịp thời khi thiên tai xảy ra | Thấp |
|  | Hà Công | 125 | **\*VC**: -Y tế thôn: thiếu các trang thiết bị, thuốc sơ cứu thông thường;  -Y tế thôn: thiếu các trang thiết bị y tế và các loại thuốc phòng chống dịch, cơ số thuốc PCTT;  **\*TCXH**: Cán bộ y tế thôn, xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; Phụ cấp cho y tế thôn thấp.  - Chưa quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường; an toàn thực phẩm.  - Phun thuốc khử trùng sau thiên tai chưa kịp thời.  - Xã chưa có bác sỹ, thiếu y sỹ;  \*NTKN: 95% hộ gia đình không có tủ thuốc gia đình; 70% không biết sử dụng các loại cây thuốc nam thông thường;  - Người dân thiếu kiến thức, có thói quen sử dụng các loại thực phẩm rẻ tiền, không đảm bảo về thực phẩm an toàn.  - Chưa mua thuốc theo đơn bác sĩ, còn tự ý đi mua ở ngoài.  - Chưa đi khám bệnh định kỳ, khi có biểu hiện mới đi khám. | **\*VC:** Y tế thôn **có các** loại dụng cụ sơ cấp cứu như: Bông bắng, gạc, bơm kim tiêmvà một số loại thuốc thông thường;  **\*TCXH**:-Khả năng kiểm soát dịch bênh của đơn vị y tế. Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân chiếm 60 %;  -Có 01 y tá thôn nhiệt tình  -Phun thuốc, tiêu độc khử trùng sau thiên tai; -Tuyên truyền vận động các hộ dân thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;  -Tuyên truyền phòng bệnh theo mùa, an toàn thực phẩm cho người dân.  \***NTKN:** 100% người dân được nhà nước hỗ trợ đóng BHYT;  -30% hộ dân biết sử dụng các loại cây thuốc nam thông thường;  -5% hộ gia đình có tủ thuốc gia đình. | Nguy cơ quản lý dịch bệnh không kịp thời khi thiên tai xảy ra | Thấp |
|  | Tháp Nhuận | 284 | \*VC: -Y tế thôn: thiếu các trang thiết bị, thuốc sơ cứu thông thường;  -Y tế thôn: thiếu các trang thiết bị y tế và các loại thuốc phòng chống dịch, cơ số thuốc PCTT;  **\*TCXH**: Cán bộ y tế thôn, xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; Phụ cấp cho y tế thôn thấp.  - Chưa quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường; an toàn thực phẩm.  - Phun thuốc khử trùng sau thiên tai chưa kịp thời.  - Xã chưa có bác sỹ, thiếu y sỹ;  \*NTKN: 95% hộ gia đình không có tủ thuốc gia đình; 70% không biết sử dụng các loại cây thuốc nam thông thường;  - Người dân thiếu kiến thức, có thói quen sử dụng các loại thực phẩm rẻ tiền, không đảm bảo về thực phẩm an toàn.  - Chưa mua thuốc theo đơn bác sĩ, còn tự ý đi mua ở ngoài.  - Chưa đi khám bệnh định kỳ, khi có biểu hiện mới đi khám. | **\*VC:** Y tế thôn **có các** loại dụng cụ sơ cấp cứu như: Bông bắng, gạc, bơm kim tiêmvà một số loại thuốc thông thường;  **\*TCXH**:-Khả năng kiểm soát dịch bênh của đơn vị y tế. Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân chiếm 60 %;  -Có 01 y tá thôn nhiệt tình  -Phun thuốc, tiêu độc khử trùng sau thiên tai; -Tuyên truyền vận động các hộ dân thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;  -Tuyên truyền phòng bệnh theo mùa, an toàn thực phẩm cho người dân.  \***NTKN:** 100% người dân được nhà nước hỗ trợ đóng BHYT;  -30% hộ dân biết sử dụng các loại cây thuốc nam thông thường;  -5% hộ gia đình có tủ thuốc gia đình.  - Trên đị bàn thôn có 1 trang trại 5 ha trồng cây thuốc Nam; | Nguy cơ quản lý dịch bệnh không kịp thời khi thiên tai xảy ra | Thấp |
|  | Thủy Lập | 580 | \*VC: Trạm y tế: không có phòng khám bệnh chuyên khoa, thiếu các trang thiết bị khám chữa bệnh: Máy điện tim, điện não đồ…;Thiếu giường bệnh, thiếu thuốc khám và điều trị BHYT vào cuối tháng;  -Y tế thôn: thiếu các trang thiết bị, thuốc sơ cứu thông thường;  -Y tế thôn: thiếu các trang thiết bị y tế và các loại thuốc phòng chống dịch, cơ số thuốc PCTT;  **\*TCXH**: Cán bộ y tế thôn, xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; Phụ cấp cho y tế thôn thấp.  - Chưa quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường; an toàn thực phẩm.  - Phun thuốc khử trùng sau thiên tai chưa kịp thời.  -Chưa hướng dẫn người dân phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh trước mùa thiên tai để phòng tránh một số bệnh: Sốt xuất huyết, bệnh về đường tiêu hóa; Trạm y tế xã chưa có bác sỹ; y sỹ thiếu chưa đáp ứng được việc khám chữa bệnh cho người dân.  \*NTKN: 95% hộ gia đình không có tủ thuốc gia đình; 70% không biết sử dụng các loại cây thuốc nam thông thường;  - Người dân thiếu kiến thức, có thói quen sử dụng các loại thực phẩm rẻ tiền, không đảm bảo về thực phẩm an toàn.  - Chưa mua thuốc theo đơn bác sĩ, còn tự ý đi mua ở ngoài, tự điều trị.  - Chưa đi khám bệnh định kỳ, | \*VC: Trạm y tế: 2 tầng, 9 phòng xây kiên cố đạt chuẩn 2013.  - Có các trang thiết bị khám bệnh, sơ cấp cứu thông thường; 01 cơ số thuốc PCTT, hóa chất tiêu độc, khử trùng;  \*TCXH:  -Trạm y tế có 05, trong đó: 0 1 bác sĩ (nam) **do huyện tăng cường** , 4 y sĩ (1 nam, 3 nữ) Trong đó huyện **tăng cường 01 y sỹ** ; 08/08 thôn có cán bộ y tế thôn;  :-Khả năng kiểm soát dịch bênh của đơn vị y tế. Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân chiếm 60 %;  -Có 01 y tá thôn nhiệt tình  -Phun thuốc, tiêu độc khử trùng sau thiên tai; -Tuyên truyền vận động các hộ dân thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;  -Tuyên truyền phòng bệnh theo mùa, an toàn thực phẩm cho người dân.  -Trạm y tế đóng trên địa bàn thôn thuận lợi cho việc khám chữa bệnh và sơ cấp cứu của người dân trong thôn;  \***NTKN:** 100% người dân được nhà nước hỗ trợ đóng BHYT;  -30% hộ dân biết sử dụng các loại cây thuốc nam thông thường;  -5% hộ gia đình có tủ thuốc gia đình. | Nguy cơ quản lý dịch bệnh không kịp thời khi thiên tai xảy ra | Thấp |
|  | Mỹ Thạnh | 258 | \***VC:** Y tế thôn: thiếu các trang thiết bị, thuốc sơ cứu thông thường;  -Y tế thôn: thiếu các trang thiết bị y tế và các loại thuốc phòng chống dịch, cơ số thuốc PCTT;  **\*TCXH**: Cán bộ y tế thôn, xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; Phụ cấp cho y tế thôn thấp.  - Chưa quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường; an toàn thực phẩm.  - Phun thuốc khử trùng sau thiên tai chưa kịp thời.  - Xã chưa có bác sỹ, thiếu y sỹ;  -Chưa hướng dẫn người dân phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh trước mùa thiên tai để phòng tránh một số bệnh: Sốt xuất huyết, bệnh về đường tiêu hóa;  \*NTKN: 95% hộ gia đình không có tủ thuốc gia đình; 70% không biết sử dụng các loại cây thuốc nam thông thường;  - Người dân thiếu kiến thức, có thói quen sử dụng các loại thực phẩm rẻ tiền, không đảm bảo về thực phẩm an toàn.  - Chưa mua thuốc theo đơn bác sĩ, còn tự ý đi mua ở ngoài, tự điều trị.  - Người dân chưa đi khám bệnh định kỳ hàng năm; | **\*VC:** Y tế thôn **có các** loại dụng cụ sơ cấp cứu như: Bông bắng, gạc, bơm kim tiêmvà một số loại thuốc thông thường;  **\*TCXH**:-Khả năng kiểm soát dịch bênh của đơn vị y tế. Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân chiếm 60 %;  -Có 01 y tá thôn nhiệt tình  -Phun thuốc, tiêu độc khử trùng sau thiên tai; -Tuyên truyền vận động các hộ dân thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;  -Tuyên truyền phòng bệnh theo mùa, an toàn thực phẩm cho người dân.  \***NTKN:** 100% người dân được nhà nước hỗ trợ đóng BHYT;  -30% hộ dân biết sử dụng các loại cây thuốc nam thông thường;  -5% hộ gia đình có tủ thuốc gia đình. | Nguy cơ quản lý dịch bệnh không kịp thời khi thiên tai xảy ra | Thấp |
|  | Ngư Mỹ Thạnh | 222 | \***VC:** Y tế thôn: thiếu các trang thiết bị, thuốc sơ cứu thông thường;  -Y tế thôn: thiếu các trang thiết bị y tế và các loại thuốc phòng chống dịch, cơ số thuốc PCTT;  **\*TCXH**: Cán bộ y tế thôn, xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; Phụ cấp cho y tế thôn thấp.  - Chưa quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường; an toàn thực phẩm.  - Phun thuốc khử trùng sau thiên tai chưa kịp thời.  - Xã chưa có bác sỹ, thiếu y sỹ;  -Chưa hướng dẫn người dân phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh trước mùa thiên tai để phòng tránh một số bệnh: Sốt xuất huyết, bệnh về đường tiêu hóa;  \*NTKN: 90% hộ gia đình không có tủ thuốc gia đình; 70% không biết sử dụng các loại cây thuốc nam thông thường;  - Người dân thiếu kiến thức, có thói quen sử dụng các loại thực phẩm rẻ tiền, không đảm bảo về thực phẩm an toàn.  - Chưa mua thuốc theo đơn bác sĩ, còn tự ý đi mua ở ngoài.  - Người dân chưa đi khám sức khỏe định kỳ; | **VC:** Y tế thôn **có các** loại dụng cụ sơ cấp cứu như: Bông bắng, gạc, bơm kim tiêmvà một số loại thuốc thông thường;  **\*TCXH**:-Khả năng kiểm soát dịch bênh của đơn vị y tế. Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân chiếm 60 %;  -Có 01 y tá thôn nhiệt tình  -Phun thuốc, tiêu độc khử trùng sau thiên tai; -Tuyên truyền vận động các hộ dân thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;  -Tuyên truyền phòng bệnh theo mùa, an toàn thực phẩm cho người dân.  \***NTKN:** 100% người dân được nhà nước hỗ trợ đóng BHYT;  -30% hộ dân biết sử dụng các loại cây thuốc nam thông thường;  -5% hộ gia đình có tủ thuốc gia đình. | Nguy cơ quản lý dịch bệnh không kịp thời khi thiên tai xảy ra | Thấp |
|  | Cư Lạc | 218 | \***VC:** Y tế thôn: thiếu các trang thiết bị, thuốc sơ cứu thông thường;  -Y tế thôn: thiếu các trang thiết bị y tế và các loại thuốc phòng chống dịch, cơ số thuốc PCTT;  **\*TCXH**: Cán bộ y tế thôn, xã trình độ chuyên môn chưa cao, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; Phụ cấp cho y tế thôn thấp.  - Chưa quản lý tốt công tác vệ sinh môi trường; an toàn thực phẩm.  - Phun thuốc khử trùng sau thiên tai chưa kịp thời.  - Xã chưa có bác sỹ, thiếu y sỹ;  -Chưa hướng dẫn người dân phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh trước mùa thiên tai để phòng tránh một số bệnh: Sốt xuất huyết, bệnh về đường tiêu hóa;  \*NTKN: 90% hộ gia đình không có tủ thuốc gia đình; 70% không biết sử dụng các loại cây thuốc nam thông thường;  - Người dân thiếu kiến thức, có thói quen sử dụng các loại thực phẩm rẻ tiền, không đảm bảo về thực phẩm an toàn.  - Chưa mua thuốc theo đơn bác sĩ, còn tự ý đi mua ở ngoài.  - Người dân chưa đi khám sức khỏe định kỳ; | **VC:** Y tế thôn **có các** loại dụng cụ sơ cấp cứu như: Bông bắng, gạc, bơm kim tiêmvà một số loại thuốc thông thường;  **\*TCXH**:-Khả năng kiểm soát dịch bênh của đơn vị y tế. Ý thức vệ sinh phòng ngừa dịch bệnh của hộ dân chiếm 60 %;  -Có 01 y tá thôn nhiệt tình  -Phun thuốc, tiêu độc khử trùng sau thiên tai; -Tuyên truyền vận động các hộ dân thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;  -Tuyên truyền phòng bệnh theo mùa, an toàn thực phẩm cho người dân.  \***NTKN:** 100% người dân được nhà nước hỗ trợ đóng BHYT;  -30% hộ dân biết sử dụng các loại cây thuốc nam thông thường;  -5% hộ gia đình có tủ thuốc gia đình. | Nguy cơ quản lý dịch bệnh không kịp thời khi thiên tai xảy ra | Thấp |
| …. | ***Ghi chú khác*** | | | | | |

## **Giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt, bão, rét hại | Sơn Công | 82 | **\*VC:** Thiếu trang thiết bị như: áo phao, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu;  -Không có bộ tăng âm loa đài di động để tuyên truyền cho các em HS  **\*TCXH**:  -Công tác truyền thông kiến thức PCTT, BĐKH chưa được thực hiệnn thường xuyên;  -Từ năm 2017 đến nay Các nhà trường chưa có bể bơi để dạy bơi cho HS;  -Thiếu tài liệu truyền thông ( Tờ rơi, tranh lật)  - Chưa tổ chức tập huấn sơ cấp cứu cho HS;  \*NTKN: 90% học sinh chưa biết bơi; | \*VC-Đường giao thông đi lại thuận tiện, đã được kiên cố hóa.  **\*TCXH:**  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng cao chiếm 95% ;  -Dự án Lucxambua hỗ trợ cho học sinh lớp 4,5 tập bơi ( năm 2014-2015);  -Cung cấp cho mỗi trường 30 áo phao.  **\*NTKN**: Một số hộ gia đình đã chủ động cho các em học bơi; | -Học sinh đi học có nguy mất an toàn khi tham gia giao thông;  -HS có nguy cơ đuối nước khi nghỉ hè | *Thấp* |
|  | Hà Lạc | 362 | \*VC: -Khi thiết kế trường mầm non các công trình chưa tính đến thuận tiện cho người khuyết tật. Hệ thống công trình phụ thiếu.  -Thiếu các phương tiện cảnh báo sớm: bản đồ RRTT; Bộ tăng âm loa đài di động  **\*TCXH**:  -Công tác truyền thông kiến thức PCTT cho HS đã làm nhưng chưa thường xuyên;  -Từ năm 2017 đến nay Các nhà trường chưa có bể bơi để dạy bơi cho HS;  -Thiếu tài liệu truyền thông ( Tờ rơi, tranh lật)  - Chưa tổ chức tập huấn sơ cấp cứu cho HS;  -Nhà trường chưa được tham gia diễn tập  **\*NTKN**: 90% học sinh chưa biết bơi; | \*VC:*-*Đường giao thông đi lại thuận tiện cho các em khi đến trường.  **\*TCXH**: -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng cao chiếm 95%;  -Hàng năm nhà trường có xây dựng KPPC thiên tai theo sự chỉ đạo của phòng GD ĐT.  -Dự án Lucxambua hỗ trợ cho học sinh lớp 4,5 tập bơi ( năm 2014-2015);  -Cung cấp cho mỗi trường 30 áo phao.  -Các em được tuyên truyền kiến thức PCTT do dự án hỗ trợ năm 2014, 2015.  **\*NTKN**: Đa số các em có ý thức chấp hành nghiêm những quy định của nhà trường khi có thiên tai. | Học sinh đi học có nguy mất an toàn khi tham gia giao thông  -HS có nguy cơ đuối nước khi nghỉ hè | Thấp |
|  | Hà Công | 125 | **\*VC:** Có 01 km đường đất đỏ chưa được kiên cố bị lấy lội vào mùa mưa đi lại khó khăn .  -Thiếu trang thiết bị như: áo phao, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu;  -Không có bộ tăng âm loa đài di động để tuyên truyền cho các em HS  **\*TCXH**:  -Công tác truyền thông kiến thức PCTT, BĐKH chưa được thực hiệnn thường xuyên;  -Từ năm 2017 đến nay Các nhà trường chưa có bể bơi để dạy bơi cho HS;  -Thiếu tài liệu truyền thông ( Tờ rơi, tranh lật)  - Chưa tổ chức tập huấn sơ cấp cứu cho HS;  \*NTKN: 90% học sinh chưa biết bơi; | \*VC: Đường giao thông cơ bản lại thuận tiện; Trường học kiên cố.  **\*TCXH:**  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng cao chiếm 95%;  -Hàng năm nhà trường có xây dựng KPPC thiên tai theo sự chỉ đạo của phòng GD ĐT.  -Dự án Lucxambua hỗ trợ cho học sinh lớp 4,5 tập bơi ( năm 2014-2015)  -Cung cấp cho mỗi trường 30 áo phao.  -Các em được tuyên truyền kiến thức PCTT do dự án hỗ trợ năm 2014, 2015.  **\*NTKN**: Đa số các em có ý thức chấp hành nghiêm những quy định của nhà trường khi có thiên tai. | -01km đường đất bị lầy lội đi lại khó khăn.  -Học sinh đi học có nguy mất an toàn khi tham gia giao thông  -HS có nguy cơ đuối nước khi nghỉ hè | Trung bình |
|  | Tháp Nhuận | 284 | \*VC:-Khi thiết kế trường tiểu học, các công trình chưa tính đến thuận tiện cho người khuyết tật; công trình phụ chưa tính đến PCTT, thiếu nhà vệ sinh; Thiếu trang thiết bị như: áo phao, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu;  -Không có bộ tăng âm loa đài di động để tuyên truyền cho các em HS  -Không có các phương tiện cảnh báo sớm: bản đồ RRTT; Bộ tăng âm loa đài di động  \*TCXH:  -Công tác truyền thông kiến thức PCTT, BĐKH chưa được thực hiệnn thường xuyên;  -Từ năm 2017 đến nay Các nhà trường chưa có bể bơi để dạy bơi cho HS;  -Thiếu tài liệu truyền thông ( Tờ rơi, tranh lật)  - Chưa tổ chức tập huấn sơ cấp cứu cho HS;  \*NTKN: 90% học sinh chưa biết bơi;  -Đa số hộ dân chưa có kiến thức rèn luyện kỹ năng sống cho các em: Học bơi, sơ cấp cứu. | \***VC**: *-*Đường giao thông đi lại thuận tiện  \***TCXH:**  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng cao chiếm 95%;  -Hàng năm nhà trường có xây dựng KPPC thiên tai theo sự chỉ đạo của phòng GD ĐT.  -Dự án Lucxambua hỗ trợ cho học sinh lớp 4,5 tập bơi ( năm 2014-2015)  -Cung cấp cho mỗi trường 30 áo phao.  -Các em được tuyên truyền kiến thức PCTT do dự án hỗ trợ năm 2014, 2015.  -Nhà trường đã lồng ghép mội dung tuyên truyền kiến thức PCTT vào một số tiết sinh hoạt ngoại khóa.  **\*NTKN**: Đa số các em có ý thức chấp hành nghiêm những quy định của nhà trường khi có thiên tai. | -Học sinh đi học có nguy mất an toàn khi tham gia giao thông  -HS có nguy cơ đuối nước | Thấp |
|  | Thủy Lập | 580 | \*VC:-Khi thiết kế trường THCS các công trình chưa tính đến thuận tiện cho người khuyết tật, PCTT  -Thiếu trang thiết bị như: áo phao, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu;  -Không có bộ tăng âm loa đài di động để tuyên truyền cho các em HS  -Không có các phương tiện cảnh báo sớm: bản đồ RRTT; Bộ tăng âm loa đài di động  **\*TCXH**:  -Công tác truyền thông kiến thức PCTT, BĐKH chưa được thực hiệnn thường xuyên;  -Từ năm 2017 đến nay Các nhà trường chưa có bể bơi để dạy bơi cho HS;  -Thiếu tài liệu truyền thông ( Tờ rơi, tranh lật)  - Chưa tổ chức tập huấn sơ cấp cứu cho HS;  \*NTKN: 90% học sinh chưa biết bơi;  -Đa số hộ dân chưa có kiến thức rèn luyện kỹ năng sống cho các em: Học bơi, sơ cấp cứu. | \***VC**: *-*Đường giao thông đi lại thuận tiện;  \***TCXH:**  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng cao chiếm 95%;  -Hàng năm nhà trường có xây dựng KPPC thiên tai theo sự chỉ đạo của phòng GD ĐT.  -Dự án Lucxambua hỗ trợ cho học sinh lớp 4,5 tập bơi ( năm 2014-2015)  -Cung cấp cho mỗi trường 30 áo phao.  -Các em được tuyên truyền kiến thức PCTT do dự án hỗ trợ năm 2014, 2015.  -Nhà trường đã lồng ghép mội dung tuyên truyền kiến thức PCTT vào một số tiết sinh hoạt ngoại khóa.  **\*NTKN**: Đa số các em có ý thức chấp hành nghiêm những quy định của nhà trường khi có thiên tai. | Học sinh đi học có nguy mất an toàn khi tham gia giao thông  -HS có nguy cơ đuối nước | Thấp |
|  | Mỹ Thạnh | 258 | \*VC: -Trường mầm non tại thôn do UBMTTQ tỉnh hỗ trợ ( nhà tránh trú thiên tai). Tuy nhiên khi thiết kế các công trình trường mầm non chưa tính đến thuận tiện cho người khuyết tật  -Thiếu trang thiết bị như: áo phao, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu;  -Không có bộ tăng âm loa đài di động để tuyên truyền cho các em HS  -Không có các phương tiện cảnh báo sớm: bản đồ RRTT; Bộ tăng âm loa đài di động  **\*TCXH**:  -Công tác truyền thông kiến thức PCTT, BĐKH chưa được thực hiệnn thường xuyên;  -Từ năm 2017 đến nay Các nhà trường chưa có bể bơi để dạy bơi cho HS;  -Thiếu tài liệu truyền thông ( Tờ rơi, tranh lật)  - Chưa tổ chức tập huấn sơ cấp cứu cho HS;  \*NTKN: 90% học sinh chưa biết bơi;  -Các hộ dân chưa coi trọng việc dạy bơi cho các em. | \***VC**: *-*Đường giao thông đi lại thuận tiện  \***TCXH:**  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng cao chiếm 95%;  -Hàng năm nhà trường có xây dựng KPPC thiên tai theo sự chỉ đạo của phòng GD ĐT.  -Dự án Lucxambua hỗ trợ cho học sinh lớp 4,5 tập bơi ( năm 2014-2015)  -Cung cấp cho mỗi trường 30 áo phao.  -Các em được tuyên truyền kiến thức PCTT do dự án hỗ trợ năm 2014, 2015.  -Nhà trường đã lồng ghép mội dung tuyên truyền kiến thức PCTT vào một số tiết sinh hoạt ngoại khóa.  **\*NTKN**: Đa số các em có ý thức chấp hành nghiêm những quy định của nhà trường khi có thiên tai. | Học sinh đi học có nguy mất an toàn khi tham gia giao thông  -HS có nguy cơ đuối nước | Thấp |
|  | Ngư Mỹ Thạnh | 222 | **VC:** Thiếu trang thiết bị như: áo phao, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu;  -Không có bộ tăng âm loa đài di động để tuyên truyền cho các em HS  - Xa trung tâm, xa trường, HS tiểu học bố mẹ phải đưa đón.  **\*TCXH**:  -Công tác truyền thông kiến thức PCTT, BĐKH chưa được thực hiệnn thường xuyên;  -Từ năm 2017 đến nay Các nhà trường chưa có bể bơi để dạy bơi cho HS;  -Thiếu tài liệu truyền thông ( Tờ rơi, tranh lật)  - Chưa tổ chức tập huấn sơ cấp cứu cho HS;  \*NTKN: 90% học sinh chưa biết bơi;  -Đa số các hộ chưa quan tâm đến việc quản lý các em tại các gia đình khi có thiên tai, thời gian nghỉ hè | . \***VC**: *-*Đường giao thông đi lại thuận tiện; trường học đã được xây dựng kiên cố.  \***TCXH:**  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng cao chiếm 95%;  -Hàng năm nhà trường có xây dựng KPPC thiên tai theo sự chỉ đạo của phòng GD ĐT.  -Dự án Lucxambua hỗ trợ cho học sinh lớp 4,5 tập bơi ( năm 2014-2015)  -Cung cấp cho mỗi trường 30 áo phao.  -Các em được tuyên truyền kiến thức PCTT do dự án hỗ trợ năm 2014, 2015.  -Nhà trường đã lồng ghép mội dung tuyên truyền kiến thức PCTT vào một số tiết sinh hoạt ngoại khóa.  **\*NTKN**: Đa số các em có ý thức chấp hành nghiêm những quy định của nhà trường khi có thiên tai. | Học sinh đi học có nguy mất an toàn khi tham gia giao thông;  -HS có nguy cơ đuối nước . | Thấp |
|  | Cư Lạc | 218 | **\*VC:** Thiếu trang thiết bị như: áo phao, dụng cụ sơ cấp cứu ban đầu;  -Không có bộ tăng âm loa đài di động để tuyên truyền cho các em HS;  - Xa trung tâm, xa trường, HS tiểu học bố mẹ phải đưa đón.  **\*TCXH**:  -Công tác truyền thông kiến thức PCTT, BĐKH chưa được thực hiệnn thường xuyên;  -Từ năm 2017 đến nay Các nhà trường chưa có bể bơi để dạy bơi cho HS;  -Thiếu tài liệu truyền thông ( Tờ rơi, tranh lật)  - Chưa tổ chức tập huấn sơ cấp cứu cho HS;  \*NTKN: 90% học sinh chưa biết bơi;  -Đa số các hộ chưa quan tâm đến việc quản lý các em tại các gia đình khi có thiên tai, thời gian nghỉ hè | \*VC*: -*Đường giao thông đi lại thuận tiện; Trường học đã đc xây dựng kiên cố  \***TCXH:**  -Kỹ thuật công nghệ vận hành, bảo dưỡng và duy tu công trình công cộng cao chiếm 95%;  -Hàng năm nhà trường có xây dựng KPPC thiên tai theo sự chỉ đạo của phòng GD ĐT.  -Dự án Lucxambua hỗ trợ cho học sinh lớp 4,5 tập bơi ( năm 2014-2015)  -Cung cấp cho mỗi trường 30 áo phao.  -Các em được tuyên truyền kiến thức PCTT do dự án hỗ trợ năm 2014, 2015.  -Nhà trường đã lồng ghép mội dung tuyên truyền kiến thức PCTT vào một số tiết sinh hoạt ngoại khóa.  **\*NTKN**: Đa số các em có ý thức chấp hành nghiêm những quy định của nhà trường khi có thiên tai. | Học sinh đi học có nguy mất an toàn khi tham gia giao thông;  -HS có nguy cơ đuối nước khi nghỉ hè | Thấp |
| …. | ***Ghi chú khác: Trường mầm non nằm ở thôn: Thủy Lập, Hà Lạc, Mỹ Thạnh, trường Tiểu học: thôn: Tháp Nhuận, Mỹ Thạnh; THCS được XD tại các thôn Thủy Lập.*** | | | | | | |

## **Rừng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão, lũ,lụt hạn hán | Hà Lạc |  | \*VC: Thiếu các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy  -Đội bảo vệ thiếu trang thiết bị bảo hộ  \*TCXH:  -Chưa được diễn tập về PCCC hàng năm;  -Công tác tuyên truyền trồng và bảo vệ rừng còn hạn chế.  \*NTKN:  -Ý thức bảo vệ rừng của một số người dân chưa cao; | **\*VC:** 298 ha diện tích rừng phòng hộ do 03 HTX quản lý và khai thác  -HTX; Tín Lợi  -HTX: thắng Lợi  -HTX; Thành Lợi;  65ha rừng ngập mặn được trồng ven đầm phá Tam Giang ( do sở NN&PTNN tỉnh trồng từ năm 2017) tỷ lệ sống 98% đang phát triển tốt chư bàn giao cho địa phương.  \***TCXH:** Diện tích rừng dã được phủ kín. Công tác quản lý và bảo vệ được thực hiện tốt.  -Địa phương đã khai thác được các mô hình sinh kế từ rừng: Nông, lâm, ngư kết hợp( 45 trang trại)  **\*NTKN**: Đa số các hộ dân thực hiện tốt việc bảo vệ rừng, có ý thức trồng rừng phân tán để bảo vệ môi trường | Cây rừng bị chết do hạn, hán, nguy cơ cháy rừng | Thấp |
| …. | Tháp Nhuận |  | \*VC: Thiếu các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy  -Đội bảo vệ thiếu trang thiết bị bảo hộ  \*TCXH:  -Chưa được diễn tập về PCCC hàng năm;  -Công tác tuyên truyền trồng và bảo vệ rừng còn hạn chế.  \*NTKN:  -Ý thức bảo vệ rừng của một số người dân chưa cao; | **\*VC:** 298 ha diện tích rừng phòng hộ do 03 HTX quản lý và khai thác  -HTX; Tín Lợi  -HTX: thắng Lợi  -HTX; Thành Lợi;  65ha rừng ngập mặn được trồng ven đầm phá Tam Giang ( do sở NN&PTNN tỉnh trồng từ năm 2017) tỷ lệ sống 98% đang phát triển tốt chư bàn giao cho địa phương.  \***TCXH:** Diện tích rừng dã được phủ kín. Công tác quản lý và bảo vệ được thực hiện tốt.  -Địa phương đã khai thác được các mô hình sinh kế từ rừng: Nông, lâm, ngư kết hợp ( 45 trang trại)  \*NTKN: Đa số các hộ dân thực hiện tốt việc bảo vệ rừng, có ý thức trồng rừng phân tán để bảo vệ môi trường | Cây rừng bị chết do hạn, hán, nguy cơ cháy rừng | Thấp |
| …. | ***Ghi chú khác: Diện tích rừng phòng hộ do 3 HTX quản lý, bảo vệ; 61 ha rừng ngập mặn trồng từ năm 2016-2017 hiện nay đang phát triển tốt chưa bàn giao cho địa phương; Từ 2014-2017 đều xảy ra cháy rừng;*** | | | | | |

## **Trồng trọt**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão,lụt, hạn hán, rét hại | Sơn Công | 50 | **\*VC:**  - Diện tích trồng lúa nằm trong vùng trũng : 0,8/ 29ha  -Có 0,8 km kênh mương chưa được kiên cố còn là mương đất.  -Chậm vụ do thiếu máy móc sản xuất;  **\*TCXH**: Công tác chuyển đổi cây trồng chậm, chưa có tính bền vững; Chưa có các mô hình sản xuất an toàn; diện tích sản xuất còn nhỏ lẻ.  - Thuốc bảo vệ thực vật trôi nổi không được quản lý, người dân mua trôi nổi trên thị trường;  \*NTKN:  -Một số hộ dân còn thiếu nhân lực chăm sóc lúa, hoa màu.  -Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không theo hướng dẫn;Sử dụng thuốc BVTV tràn lan.  -Có thói quen canh tác theo tập quán, kinh nghệm;  -Đa số các hộ chưa chủ động dự trữ các loại hạt giống ngắn ngày. | * **\*VC**: 21ha lúa nằm ở vùng ít bị ngập úng. * -03 hồ chứa nước tưới ( thôn Hà Công, Thủy Lập, Mỹ Thạnh) đã kiên cố hiện nay đang vận hành tốt; 13 máy bơm nước;   **\*TCXH**:  - Bố trí lịch thời vụ gieo sạ phù hợp;  -Hàng năm xã tổ chức tập huấn 1-2 lớp trồng trọt chăn nuôi cho các hộ trong xã;  -Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn;  -Đầu tư phát triển 03 HTX nông nghiệp hỗ trợ cho bà con; Hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất;  -Hỗ trợ kịp thời cho các hộ bị thiệt hại do thiên tai.  **\*NTKN**: Đa số các hộ dân có kinh nghiệm canh tác. Chủ động trồng trọt chăm sóc theo khuyến cáo của Chính quyền địa phương.  -Một số hộ dân đã chủ động chuyển đổi các loại cây trồng kém hiệu quả sang mô hình cá lúa, vịt;   * -Đa số các hộ dân cần cù chịu khó, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau; | Mất mùa, giảm nang suất lúa, hoa màu | Cao |
|  | Hà Lạc | 320 | \*VC: - Diện tích trồng lúa nằm trong vùng trũng : (40/110ha)  -Diện tích trồng màu 20ha/320 hộ  -1,8 km kênh mương chưa được kiên cố còn là mương đất;  **\*TCXH**: Công tác chuyển đổi cây trồng chậm, chưa có tính bền vững; Chưa có các mô hình sản xuất an toàn; diện tích sản xuất còn nhỏ lẻ.  - Thuốc bảo vệ thực vật trôi nổi không được quản lý, người dân mua trôi nổi trên thị trường;  \*NTKN:  -Một số hộ dân còn thiếu nhân lực chăm sóc lúa, hoa màu.  -Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không theo hướng dẫn;Sử dụng thuốc BVTV tràn lan.  -Có thói quen canh tác theo tập quán, kinh nghệm;  -Đa số các hộ chưa chủ động dự trữ các loại hạt giống ngắn ngày. | **\*VC**:- Toàn xã có 01 trạm bơm nước ( thôn Hà Lạc);  -Máy bừa : 04  -Máy cày  -Máy gặt 03  -Cho các hộ trong thôn, xã và xã khác thuê;  **\*TCXH**:  - Bố trí lịch thời vụ gieo sạ phù hợp;  -Hàng năm xã tổ chức tập huấn 1-2 lớp trồng trọt chăn nuôi cho các hộ trong xã;  -Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn;  -Đầu tư phát triển 03 HTX nông nghiệp hỗ trợ cho bà con; Hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất;  -Hỗ trợ kịp thời cho các hộ bị thiệt hại do thiên tai.  **\*NTKN**: Đa số các hộ dân có kinh nghiệm canh tác. Chủ động trồng trọt chăm sóc theo khuyến cáo của Chính quyền địa phương.  -Một số hộ dân đã chủ động chuyển đổi các loại cây trồng kém hiệu quả sang mô hình cá lúa, vịt;  -Đa số các hộ dân cần cù chịu khó, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau; | Mất mùa, giảm nang suất lúa, hoa màu | Cao |
|  | Tháp Nhuận | 227 | \***VC**: -Diện tích trồng lúa nằm trong vùng trũng : (25/87ha)  -Diện tích trồng màu 15ha/227 hộ  -1,2 km kênh mương chưa được kiên cố còn là mương đất  **\*TCXH**: Công tác chuyển đổi cây trồng chậm, chưa có tính bền vững; Chưa có các mô hình sản xuất an toàn; diện tích sản xuất còn nhỏ lẻ.  - Thuốc bảo vệ thực vật trôi nổi không được quản lý, người dân mua trôi nổi trên thị trường;  **\*NTKN**:  -Một số hộ dân còn thiếu nhân lực chăm sóc lúa, hoa màu.  -Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không theo hướng dẫn;Sử dụng thuốc BVTV tràn lan.  -Có thói quen canh tác theo tập quán, kinh nghệm;  -Đa số các hộ chưa chủ động dự trữ các loại hạt giống ngắn ngày. | **\*VC:** 62ha trồng lúa ít bị ảnh hưởng lũ lụt hơn**.**  **-Máy cày:**  03 cái, máy gặt 01;máy bừa 03  Cho các hộ trong thôn, xã và xã khác thuê  **\*TCXH**:  -Mô hình đa canh tại HTX Thắng lợi; Mô hình đa canh 4 cây tại ( lúa, lạc, sắn và các loại đậu): -Mô hình 3 cây ( lạc, sắn, đậu);  - Khuyến cáo các hộ dân Bố trí lịch thời vụ gieo trồng phù hợp;  -Hàng năm xã tổ chức tập huấn 1-2 lớp trồng trọt chăn nuôi cho các hộ trong xã;  -Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn;  -Đầu tư phát triển 03 HTX nông nghiệp hỗ trợ cho bà con; Hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất;  -Hỗ trợ kịp thời cho các hộ bị thiệt hại do thiên tai.  **\*NTKN**: Đa số các hộ dân có kinh nghiệm canh tác. Chủ động trồng trọt chăm sóc theo khuyến cáo của Chính quyền địa phương.  -Một số hộ dân đã chủ động chuyển đổi các loại cây trồng kém hiệu quả sang mô hình cá lúa, vịt;  -Đa số các hộ dân cần cù chịu khó, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau; | Mất mùa, giảm năng suất lúa, hoa màu | Cao |
|  | Thủy Lập | 442 | \*VC: - Diện tích trồng lúa nằm trong vùng trũng : (45ha/134 ha;  -2,3 km kênh mương chưa được kiên cố còn là mương đất  **\*TCXH**: Công tác chuyển đổi cây trồng chậm, chưa có tính bền vững; Chưa có các mô hình sản xuất an toàn; diện tích sản xuất còn nhỏ lẻ.  - Thuốc bảo vệ thực vật trôi nổi không được quản lý, người dân mua trôi nổi trên thị trường;  **\*NTKN**:  -Một số hộ dân còn thiếu nhân lực chăm sóc lúa, hoa màu.  -Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không theo hướng dẫn;Sử dụng thuốc BVTV tràn lan.  -Có thói quen canh tác theo tập quán, kinh nghệm;  -Đa số các hộ chưa chủ động dự trữ các loại hạt giống ngắn ngày.  - Một số hộ dân còn thiếu nhân lực chăm sóc lúa, hoa màu. | **\*VC:** Có 89ha trồng lúanằm ở vùng ít bị ảnh hưởng lũ lụt hơn.  **-Máy cày:** 05 cái,máy gặt 02, máy bừa 05  Cho các hộ trong thôn, xã và xã khác thuê;  \***TCXH:** Khuyến cáo các hộ dân Bố trí lịch thời vụ gieo trồng phù hợp;  -Hàng năm xã tổ chức tập huấn 1-2 lớp trồng trọt chăn nuôi cho các hộ trong xã;  -Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn;  -Đầu tư phát triển 03 HTX nông nghiệp hỗ trợ cho bà con; Hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất;  -Hỗ trợ kịp thời cho các hộ bị thiệt hại do thiên tai.  \***NTKN:** Đa số các hộ dân có kinh nghiệm canh tác. Chủ động trồng trọt chăm sóc theo khuyến cáo của Chính quyền địa phương.  -Một số hộ dân đã chủ động chuyển đổi các loại cây trồng kém hiệu quả sang mô hình cá lúa, vịt;  -Đa số các hộ dân cần cù chịu khó, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau; | Mất mùa, giảm nang suất lúa, hoa màu | Cao |
|  | Mỹ Thạnh | 142 | \***VC**: -15/54ha Diện tích trồng lúa nằm trong vùng trũng;  -0,7km; km kênh mương chưa được kiên cố còn là mương đất;  **TCXH**: Công tác chuyển đổi cây trồng chậm, chưa có tính bền vững; Chưa có các mô hình sản xuất an toàn; diện tích sản xuất còn nhỏ lẻ.  - Thuốc bảo vệ thực vật trôi nổi không được quản lý, người dân mua trôi nổi trên thị trường;  **\*NTKN**:  -Một số hộ dân còn thiếu nhân lực chăm sóc lúa, hoa màu.  -Sử dụng thuốc bảo vệ thực vật không theo hướng dẫn;Sử dụng thuốc BVTV tràn lan.  -Có thói quen canh tác theo tập quán, kinh nghệm;  -Đa số các hộ chưa chủ động dự trữ các loại hạt giống ngắn ngày. | **\*VC**: Thôn có : 03máy cày, máy gặt 01 máy bừa 03;  Cho các hộ trong thôn, xã và xã khác thuê  **TCXH:** -Mô hình luân canh tại HTX Thạnh Lợi: Cây ném, ớt, rau màu các loại: 18ha;  - Khuyến cáo các hộ dân Bố trí lịch thời vụ gieo trồng phù hợp;  -Hàng năm xã tổ chức tập huấn 1-2 lớp trồng trọt chăn nuôi cho các hộ trong xã;  -Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn;  -Đầu tư phát triển 03 HTX nông nghiệp hỗ trợ cho bà con; Hỗ trợ vay vốn phát triển sản xuất;  -Hỗ trợ kịp thời cho các hộ bị thiệt hại do thiên tai.  \* **NTKN:** Đa số các hộ dân có kinh nghiệm canh tác. Chủ động trồng trọt chăm sóc theo khuyến cáo của Chính quyền địa phương.  -Một số hộ dân đã chủ động chuyển đổi các loại cây trồng kém hiệu quả sang mô hình cá lúa, vịt;  -Đa số các hộ dân cần cù chịu khó, đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau; | Mất mùa, giảm nang suất lúa, hoa màu | Cao |
| …. | ***Ghi chú khác:*** HTX Tín Lợi gồm Thôn Sơn Công, Hà Lạc và 1/3 thôn tháp Nhuận; HTX Thắng Lợi: Thôn Thủy Lập và 2/3 thôn Tháp Nhuận; HTX Thành Lợi: thôn Mỹ Thạnh.  -Có 5/8 thôn người dân sống chủ yếu bằng trồng trọt chăn nuôi. | | | | | |

## **Chăn nuôi**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão, lụt, rét đậm, rét hại | Sơn Công | 62 | **\*VC**: 90% các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không làm hầm Bioga; Chuồng trại thô sơ không đảm bảo;  **\*TCXH:**  -15% hộ dân không tiêm phỏng cho gia súc, gia cầm.  -Không tìm được đầu ra cho sản phẩm; Các hộ gia đình chăn nuôi chủ yếu tự cung, tự cấp.  -Số lượt người tham gia tập huấn kỹ thuật chăn nuôi hàng năm thấp ( Đa số chị em ngại tham gia).  -Xã chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ dân xả thải chăn nuôi ra môi trường;  **\*NTKN:**  - Thiếu kiến thức chăm sóc, bảo vệ gia súc gia cầm trước thiên tai; Một số hộ không chủ động dự trữ thức ăn gia súc.  -Thải chất thải chăn nuôi môi trường.  -Người dân chủ quan không đưa gia súc, gia cầm lên nơi an toàn trước khi thiên tai xảy ra | VC: Gia súc 2.790 con, gia cầm 3224;  -Số ít hộ dân đã làm chuồng trại gia súc gia cầm ở nơi cao ráo.  **\*TCXH**:  -Hỗ trợ người dân làm hầm bioga nhưng người dân không làm  -Địa phương hàng năm tổ chức tập huấn kiến thức chăn nuôi.  -Phun thuốc khử độc tiêu trùng sau thiên tai.  -Hỗ trợ các hộ dân tiêm phòng cho gia súc, gia cầm.  -Xã hỗ trợ vay vốn mở rộng phát triển chăn nuôi, khuyến khích chăn nuôi theo mô hình trang trại  -Tuyên truyền các hộ dân đưa xa chuống trại chăn nuôi ra khu vực sinh hoạt của gia đình.  **\*NTKN:** Đa số các hộ dân có kinh nghiệm chăn nuôi gia súc, gia cầm; chủ động tiêm phòng cho gia súc, gia cầm. | -Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh khi thiên tai xảy ra  -Chuồng trại bị hư hỏng, trôi | Cao |
|  | Hà Lạc | 287 | **\*VC**: 90% các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không làm hầm Bioga; Chuồng trại không đảm bảo, làm gần khu vực sinh hoạt của gia đình không đảm bảo vệ sinh.  \***TCXH:**  -15% hộ dân không tiêm phỏng cho gia súc, gia cầm  -Không tìm được đầu ra cho sản phẩm; Các hộ gia đình chăn nuôi chủ yếu tự cung, tự cấp.  -Số lượt người tham gia tập huấn kỹ thuật chăn nuôi hàng năm thấp ( Đa số chị em ngại tham gia).  -Xã chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ dân xả thải chăn nuôi ra môi trường;  -Địa phương chưa hỗ trợ các trang trại tìm đầu ra cho sản phẩm chăn nuội.Giá cả bấp bênh đầu vào cao, đầu ra thấp.  **\*NTKN:**  - Thiếu kiến thức chăm sóc, bảo vệ gia súc gia cầm trước thiên tai; Một số hộ không chủ động dự trữ thức ăn gia súc.  -Thải chất thải chăn nuôi môi trường.  -Người dân chủ quan không đưa gia súc, gia cầm lên nơi an toàn trước khi thiên tai xảy ra; | \***VC**: -Gia súc 13.401 con , gia cầm 14.824  -Thôn có 10 Trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm;  **\*TCXH**: -Hỗ trợ người dân làm hầm bioga nhưng người dân không làm  -Địa phương hàng năm tổ chức tập huấn kiến thức chăn nuôi.  -Phun thuốc khử độc tiêu trùng sau thiên tai.  -Hỗ trợ các hộ dân tiê phòng cho gia súc, gia cầm.  -Xã hỗ trợ vay vốn mở rộng phát triển chăn nuôi, khuyến khích chăn nuôi theo mô hình trang trại  -Tuyên truyền các hộ dân đưa xa chuống trại chăn nuôi ra khu vực sinh hoạt của gia đình.  **\*NTKN:** Đa số các hộ dân có kinh nghiệm chăn nuôi gia súc, gia cầm; chủ động tiêm phòng cho gia súc, gia cầm.  -Các chủ trang trại tự tìm đầu ra cho sản phẩm | -Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh khi thiên tai xảy ra  -Chuồng trại bị hư hỏng, trôi | Cao |
|  | Hà Công | 40 | **\*VC**: -90% các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không làm hầm Bioga; Chuồng trại không đảm bảo, làm gần khu vực sinh hoạt của gia đình không đảm bảo vệ sinh.  \***TCXH:**  -15% hộ dân không tiêm phỏng cho gia súc, gia cầm  -Không tìm được đầu ra cho sản phẩm; Các hộ gia đình chăn nuôi chủ yếu tự cung, tự cấp.  -Số lượt người tham gia tập huấn kỹ thuật chăn nuôi hàng năm thấp ( Đa số chị em ngại tham gia).  -Xã chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ dân xả thải chăn nuôi ra môi trường;  **\*NTKN:**  - Thiếu kiến thức chăm sóc, bảo vệ gia súc gia cầm trước thiên tai; Một số hộ không chủ động dự trữ thức ăn gia súc.  -Thải chất thải chăn nuôi môi trường.  -Người dân chủ quan không đưa gia súc, gia cầm lên nơi an toàn trước khi thiên tai xảy ra; | **\*VC**: Gia súc 1.800 con , gia cầm 2.080;  **\*TCXH**: -Hỗ trợ người dân làm hầm bioga nhưng người dân không làm  -Địa phương hàng năm tổ chức tập huấn kiến thức chăn nuôi.  -Phun thuốc khử độc tiêu trùng sau thiên tai.  -Hỗ trợ các hộ dân tiêm phòng cho gia súc, gia cầm.  -Xã hỗ trợ vay vốn mở rộng phát triển chăn nuôi, khuyến khích chăn nuôi theo mô hình trang trại  -Tuyên truyền các hộ dân đưa xa chuống trại chăn nuôi ra khu vực sinh hoạt của gia đình.  **\*NTKN:** Đa số các hộ dân có kinh nghiệm chăn nuôi gia súc, gia cầm; chủ động tiêm phòng cho gia súc, gia cầm. | -Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh khi thiên tai xảy ra  -Chuồng trại bị hư hỏng, trôi | Cao |
| …. | Tháp Nhuận | 213 | **\*VC**: 95% các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không làm hầm Bioga; Chuồng trại không đảm bảo, làm gần khu vực sinh hoạt của gia đình không đảm bảo vệ sinh.  \***TCXH:**  -15% hộ dân không tiêm phỏng cho gia súc, gia cầm  -Không tìm được đầu ra cho sản phẩm; Các hộ gia đình chăn nuôi chủ yếu tự cung, tự cấp.  -Số lượt người tham gia tập huấn kỹ thuật chăn nuôi hàng năm thấp ( Đa số chị em ngại tham gia).  -Xã chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ dân xả thải chăn nuôi ra môi trường;  -Địa phương chưa hỗ trợ các trang trại tìm đầu ra cho sản phẩm chăn nuội.Giá cả bấp bênh đầu vào cao, đầu ra thấp.  **\*NTKN:**  - Thiếu kiến thức chăm sóc, bảo vệ gia súc gia cầm trước thiên tai; Một số hộ không chủ động dự trữ thức ăn gia súc.  -Thải chất thải chăn nuôi môi trường.  -Người dân chủ quan không đưa gia súc, gia cầm lên nơi an toàn trước khi thiên tai xảy ra; | **\*VC**:-Gia súc 9.585 con , gia cầm 11.076  15 Trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm;  **\*TCXH**: -Hỗ trợ người dân làm hầm bioga nhưng người dân không làm  -Địa phương hàng năm tổ chức tập huấn kiến thức chăn nuôi.  -Phun thuốc khử độc tiêu trùng sau thiên tai.  -Hỗ trợ các hộ dân tiê phòng cho gia súc, gia cầm.  -Xã hỗ trợ vay vốn mở rộng phát triển chăn nuôi, khuyến khích chăn nuôi theo mô hình trang trại  -Tuyên truyền các hộ dân đưa xa chuống trại chăn nuôi ra khu vực sinh hoạt của gia đình.  **\*NTKN:** Đa số các hộ dân có kinh nghiệm chăn nuôi gia súc, gia cầm; chủ động tiêm phòng cho gia súc, gia cầm.  -Các chủ trang trại tự tìm đầu ra cho sản phẩm; | -Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh khi thiên tai xảy ra;  -Chuồng trại bị hư hỏng, trôi | Cao |
|  | Thủy Lập | 465 | \*VC: 95% các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không làm hầm Bioga; Đa số các hộ làm chuồng trại chăn nuôi gần khu sinh hoạt.  \***TCXH:**  -15% hộ dân không tiêm phỏng cho gia súc, gia cầm  -Không tìm được đầu ra cho sản phẩm; Các hộ gia đình chăn nuôi chủ yếu tự cung, tự cấp.  -Số lượt người tham gia tập huấn kỹ thuật chăn nuôi hàng năm thấp ( Đa số chị em ngại tham gia).  -Xã chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ dân xả thải chăn nuôi ra môi trường;  -Địa phương chưa hỗ trợ các trang trại tìm đầu ra cho sản phẩm chăn nuội.Giá cả bấp bênh đầu vào cao, đầu ra thấp.  **\*NTKN:**  - Thiếu kiến thức chăm sóc, bảo vệ gia súc gia cầm trước thiên tai; Một số hộ không chủ động dự trữ thức ăn gia súc.  -Thải chất thải chăn nuôi môi trường.  -Người dân chủ quan không đưa gia súc, gia cầm lên nơi an toàn trước khi thiên tai xảy ra; | **\*VC**:-Gia súc 20.975 con , gia cầm 24.080  -20Trang trại chăn nuôi gia súc, gia cầm.  **\*TCXH**: -Hỗ trợ người dân làm hầm bioga nhưng người dân không làm  -Địa phương hàng năm tổ chức tập huấn kiến thức chăn nuôi.  -Phun thuốc khử độc tiêu trùng sau thiên tai.  -Hỗ trợ các hộ dân tiê phòng cho gia súc, gia cầm.  -Xã hỗ trợ vay vốn mở rộng phát triển chăn nuôi, khuyến khích chăn nuôi theo mô hình trang trại  -Tuyên truyền các hộ dân đưa xa chuống trại chăn nuôi ra khu vực sinh hoạt của gia đình.  **\*NTKN:** Đa số các hộ dân có kinh nghiệm chăn nuôi gia súc, gia cầm; chủ động tiêm phòng cho gia súc, gia cầm.  -Các chủ trang trại tự tìm đầu ra cho sản phẩm | -Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh khi thiên tai xảy ra  -Chuồng trại bị hư hỏng, trôi | Cao |
|  | Mỹ Thạnh | 203 | **\*VC**: -90% các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không làm hầm Bioga; Các hộ gia đình có thói quen làm khu vực chăn nuôi gần khu sinh hoạt  \***TCXH:**  -15% hộ dân không tiêm phỏng cho gia súc, gia cầm  -Không tìm được đầu ra cho sản phẩm; Các hộ gia đình chăn nuôi chủ yếu tự cung, tự cấp.  -Số lượt người tham gia tập huấn kỹ thuật chăn nuôi hàng năm thấp ( Đa số chị em ngại tham gia).  -Xã chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ dân xả thải chăn nuôi ra môi trường; -Năng lực cán bộ thú y xã hạn chế, kiêm nhiệm.  **\*NTKN:**  - Thiếu kiến thức chăm sóc, bảo vệ gia súc gia cầm trước thiên tai; Một số hộ không chủ động dự trữ thức ăn gia súc.  -Thải chất thải chăn nuôi môi trường.  -Người dân chủ quan không đưa gia súc, gia cầm lên nơi an toàn trước khi thiên tai xảy ra; | **\*VC**: Gia súc 9.135 con , gia cầm 10.456; -Một số hộ làm chuồng trại kiên cố;  **\*TCXH**: -Hỗ trợ người dân làm hầm biogas nhưng người dân không làm  -Địa phương hàng năm tổ chức tập huấn kiến thức chăn nuôi.  -Phun thuốc khử độc tiêu trùng sau thiên tai.  -Hỗ trợ các hộ dân tiê phòng cho gia súc, gia cầm.  -Xã hỗ trợ vay vốn mở rộng phát triển chăn nuôi, khuyến khích chăn nuôi theo mô hình trang trại  -Tuyên truyền các hộ dân đưa xa chuống trại chăn nuôi ra khu vực sinh hoạt của gia đình.  **\*NTKN:** Đa số các hộ dân có kinh nghiệm chăn nuôi gia súc, gia cầm; chủ động tiêm phòng cho gia súc, gia cầm. | -Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh khi thiên tai xảy ra  -Chuồng trại bị hư hỏng, trôi | Cao |
|  | Ngư Mỹ Thạnh | 101 | \***VC**; 95% các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không làm hầm Bioga; Đa số các hộ làm chuồng trại gần nơi sinh hoạt, ô nhiễm môi trường.  \***TCXH:**  -20% hộ dân không tiêm phỏng cho gia súc, gia cầm  -Không tìm được đầu ra cho sản phẩm; Các hộ gia đình chăn nuôi chủ yếu tự cung, tự cấp.  -Số lượt người tham gia tập huấn kỹ thuật chăn nuôi hàng năm thấp ( Đa số chị em ngại tham gia).  -Xã chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ dân xả thải chăn nuôi ra môi trường;  -Năng lực cán bộ thú y xã hạn chế, kiêm nhiệm.  **\*NTKN:**  - Thiếu kiến thức chăm sóc, bảo vệ gia súc gia cầm trước thiên tai; Một số hộ không chủ động dự trữ thức ăn gia súc.  -Thải chất thải chăn nuôi môi trường.  -Người dân chủ quan không đưa gia súc, gia cầm lên nơi an toàn trước khi thiên tai xảy ra; | \*VC: -Gia súc 4.516 con , gia cầm 5.253  **\*TCXH**: -Hỗ trợ người dân làm hầm bioga nhưng người dân không làm  -Địa phương hàng năm tổ chức tập huấn kiến thức chăn nuôi.  -Phun thuốc khử độc tiêu trùng sau thiên tai.  -Hỗ trợ các hộ dân tiê phòng cho gia súc, gia cầm.  -Xã hỗ trợ vay vốn mở rộng phát triển chăn nuôi, khuyến khích chăn nuôi theo mô hình trang trại  -Tuyên truyền các hộ dân đưa xa chuống trại chăn nuôi ra khu vực sinh hoạt của gia đình.  **\*NTKN:** Đa số các hộ dân có kinh nghiệm chăn nuôi gia súc, gia cầm; chủ động tiêm phòng cho gia súc, gia cầm. | Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh khi thiên tai xảy ra  -Chuồng trại bị hư hỏng, trôi | Cao |
|  | Cư Lạc | 79 | **\*VC**:-90% các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ không làm hầm Bioga;  \***TCXH:**  -15% hộ dân không tiêm phỏng cho gia súc, gia cầm  -Không tìm được đầu ra cho sản phẩm; Các hộ gia đình chăn nuôi chủ yếu tự cung, tự cấp.  -Số lượt người tham gia tập huấn kỹ thuật chăn nuôi hàng năm thấp ( Đa số chị em ngại tham gia).  -Xã chưa có biện pháp xử lý triệt để các hộ dân xả thải chăn nuôi ra môi trường;  -Năng lực cán bộ thú y xã hạn chế, kiêm nhiệm.  **\*NTKN:**  - Thiếu kiến thức chăm sóc, bảo vệ gia súc gia cầm trước thiên tai; Một số hộ không chủ động dự trữ thức ăn gia súc.  -Thải chất thải chăn nuôi môi trường.  -Người dân chủ quan không đưa gia súc, gia cầm lên nơi an toàn trước khi thiên tai xảy ra; | **\*VC**: Gia súc 3.555 con , gia cầm 4.008.  **\*TCXH**: -Hỗ trợ người dân làm hầm bioga nhưng người dân không làm  -Địa phương hàng năm tổ chức tập huấn kiến thức chăn nuôi.  -Phun thuốc khử độc tiêu trùng sau thiên tai.  -Hỗ trợ các hộ dân tiêm phòng cho gia súc, gia cầm.  -Xã hỗ trợ vay vốn mở rộng phát triển chăn nuôi, khuyến khích chăn nuôi theo mô hình trang trại  -Tuyên truyền các hộ dân đưa xa chuống trại chăn nuôi ra khu vực sinh hoạt của gia đình.  **\*NTKN:** Đa số các hộ dân có kinh nghiệm chăn nuôi gia súc, gia cầm; chủ động tiêm phòng cho gia súc, gia cầm. | -Gia súc, gia cầm bị chết, dịch bệnh khi thiên tai xảy ra  -Chuồng trại bị hư hỏng, trôi | Cao |
| …. | ***Ghi chú khác*:** -Từ 2015-2017 Hỗ trợ hộ nghèo về bò 21 hộ/2con/hộ; lợn 4 con/hộ; gia cầm 50 con/hộ ( hỗ trợ cho 50 hộ nghèo); Hỗ trợ hộ cận nghèo, hộ nghèo nuôi vịt trời 30 con/hộ/30 hộ;Hỗ trợ nuôi vịt xiêm 50 con/hộ/20/hộ; Hỗ trợ máy ấp trứng gia cầm. Hỗ trợ nâng cao chất lượng đàn lợn nái F1,Hỗ trợ giống gia súc, gia cầm; | | | | | |

## **Thủy Sản**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão,lụt, xâm nhập mặn, hạn | Hà Lạc | 25 | **\*VC:-**02 km đê ngăn mặn chưa được kiên cố hóa  -Diện tích nuôi trồng thủy sản ỏ phá Tam Giang phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên;  -Số hộ nuôi trồng thủy sản nước ngọt bờ bao chưa kiên cố;  **\*TCXH;**  -Chưa có quy hoạch nuôi chuyên canh, sản phẩm nuôi trồng không ổn định phụ thuộc vào giá cả thị trường, chưa khai thác được tiềm năng thế mạnh;  -Địa phương chưa định hướng được nuôi trồng thủy sản có giá trị kinh tế cao, nuôi trộng theo mô hình Vietgas;  -Công tác tuyên truyền bảo vệ nguồn lợi thủy sản, an toàn khi tham gia nuôi trồng đánh bắt còn hạn chế;  -Số lượt người được tập huấn kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu còn ít.  **\*NTKN**:  -Ý thức bảo vệ nguồn lợi thủy sản của một số người dân còn hạn chế, còn sử dụng phương tiện đánh bắt hủy diệt như lưới cào, kích điện...  -Chưa mạnh dạn đầu tư tìm kiếm thị trường, nuôi trồng các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao.  -80% lao động nuôi trồng, đánh bắt còn chủ quan chưa quan tâm đến an toàn lao động | **\*VC**:-Nuôi trồng thủy sản nước ngọt 08ha/25 hộ;  -Địa phương đã đầu tư điện đến bờ phá.  -Các hộ đầu tư máy tạo sóng, sục tăng ô xy cho thủy sản.  -Có 1,5km đê ngăn mặn được kiên cố;  **\*TCXH:** Hàng năm xã tổ chức tập huấn nuôi trồng thủy sản;  -Có chi hội nghề cá của xã hỗ trợ, giúp đỡ nhau.  -Khuyến cáo người dân nuôi trồng theo mùa vụ;  **\*NTKN**: Các hộ nuôi trồng có kinh nghiệm, chủ động đầu tư bờ bao, con giống và các phương tiện. | -Mất sản lượng, mất thu nhập;  -Vỡ bờ bao khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Hà Công | 16 | **\*VC:** -01 km đê ngăn mặn chưa được kiên cố hóa  -Diện tích nuôi trồng thủy sản ỏ phá Tam Giang phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên  -Số hộ nuôi trồng thủy sản nước ngọt bờ bao chưa kiên cố;  **\*TCXH;**  -Chưa có quy hoạch nuôi chuyên canh, sản phẩm nuôi trồng không ổn định phụ thuộc vào giá cả thị trường, chưa khai thác được tiềm năng thế mạnh;  -Địa phương chưa định hướng được nuôi trồng thủy sản có giá trị kinh tế cao, nuôi trộng theo mô hình Vietgas  -Công tác tuyên truyền bảo vệ nguồn lợi thủy sản, an toàn khi tham gia nuôi trồng đánh bắt còn hạn chế;  -Số lượt người được tập huấn kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu còn ít.  **\*NTKN**:  -Ý thức bảo vệ nguồn lợi thủy sản của một số người dân còn hạn chế, còn sử dụng phương tiện đánh bắt hủy diệt như lưới cào, kích điện...  -Chưa mạnh dạn đầu tư tìm kiếm thị trường, nuôi trồng các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao.  -80% lao động nuôi trồng, đánh bắt còn chủ quan chưa quan tâm đến an toàn lao động | \***VC**: -140 thuyền gắn máy đánh bắt; 140 thuyền không gắn máy  -Nuôi trồng thủy sản nước ngọt 2,5ha/16 hộ  -Địa phương đã đầu tư điện đến bờ phá.  **\*TCXH:** Hàng năm xã tổ chức tập huấn nuôi trồng thủy sản;  -Có chi hội nghề cá của xã hỗ trợ, giúp đỡ nhau.  -Khuyến cáo người dân nuôi trồng theo mùa vụ;  **\*NTKN**: Các hộ nuôi trồng có kinh nghiệm, chủ động đầu tư bờ bao, con giống và các phương tiện. | Hư hỏng tàu thuyền và ngư lưới cụ | Cao |
| …. | Tháp Nhuận | 41 | VC:-01 km đê ngăn mặn chưa được kiên cố hóa  -Diện tích nuôi trồng thủy sản ỏ phá Tam Giang phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên  -Số hộ nuôi trồng thủy sản nước ngọt bờ bao chưa kiên cố;  **\*TCXH;**  -Chưa có quy hoạch nuôi chuyên canh, sản phẩm nuôi trồng không ổn định phụ thuộc vào giá cả thị trường, chưa khai thác được tiềm năng thế mạnh;  -Địa phương chưa định hướng được nuôi trồng thủy sản có giá trị kinh tế cao, nuôi trộng theo mô hình Vietgas;  -Công tác tuyên truyền bảo vệ nguồn lợi thủy sản, an toàn khi tham gia nuôi trồng đánh bắt còn hạn chế;  -Số lượt người được tập huấn kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu còn ít.  **\*NTKN**:  -Ý thức bảo vệ nguồn lợi thủy sản của một số người dân còn hạn chế, còn sử dụng phương tiện đánh bắt hủy diệt như lưới cào, kích điện...  - Một số hộ thiếu kiến thức nuôi trồng, chủ yếu là nuôi theo phong trào.  -Chưa mạnh dạn đầu tư tìm kiếm thị trường, nuôi trồng các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao.  -80% lao động nuôi trồng, đánh bắt còn chủ quan chưa quan tâm đến an toàn lao động | \*VC:-Nuôi trồng thủy sản nước ngọt 3,6ha/41hộ  -Địa phương đã đầu tư điện đến bờ phá.  -Các hộ đầu tư máy tạo sóng, sục tăng ô xy cho thủy sản.  **\*TCXH:** Hàng năm xã tổ chức tập huấn nuôi trồng thủy sản;  -Có chi hội nghề cá của xã hỗ trợ, giúp đỡ nhau.  -Khuyến cáo người dân nuôi trồng theo mùa vụ;  **\*NTKN**: Các hộ nuôi trồng có kinh nghiệm, chủ động đầu tư bờ bao, con giống và các phương tiện. | -Mất sản lượng , mất thu nhập  -Vỡ bờ bao khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Thủy Lập | 27 | **\*VC**: -02 km đê ngăn mặn chưa được kiên cố hóa  -Diện tích nuôi trồng thủy sản ỏ phá Tam Giang phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên  -Số hộ nuôi trồng thủy sản nước ngọt bờ bao chưa kiên cố;  **\*TCXH;**  -Chưa có quy hoạch nuôi chuyên canh, sản phẩm nuôi trồng không ổn định phụ thuộc vào giá cả thị trường, chưa khai thác được tiềm năng thế mạnh;  -Địa phương chưa định hướng được nuôi trồng thủy sản có giá trị kinh tế cao, nuôi trộng theo mô hình Vietgas;  -Công tác tuyên truyền bảo vệ nguồn lợi thủy sản, an toàn khi tham gia nuôi trồng đánh bắt còn hạn chế;  -Số lượt người được tập huấn kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu còn ít.  **\*NTKN**:  -Ý thức bảo vệ nguồn lợi thủy sản của một số người dân còn hạn chế, còn sử dụng phương tiện đánh bắt hủy diệt như lưới cào, kích điện...  - Một số hộ thiếu kiến thức nuôi trồng, chủ yếu là nuôi theo phong trào.  -Chưa mạnh dạn đầu tư tìm kiếm thị trường, nuôi trồng các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao.  -80% lao động nuôi trồng, đánh bắt còn chủ quan chưa quan tâm đến an toàn lao động | **\*VC**:-Nuôi trồng thủy sản nước ngọt 7,5ha/27 hộ  -Địa phương đã đầu tư điện đến bờ phá.  -Các hộ đầu tư máy tạo sóng, sục tăng ô xy cho thủy sản.  **\*TCXH:** Hàng năm xã tổ chức tập huấn nuôi trồng thủy sản;  -Có chi hội nghề cá của xã hỗ trợ, giúp đỡ nhau.  -Khuyến cáo người dân nuôi trồng theo mùa vụ;  **\*NTKN**: Các hộ nuôi trồng có kinh nghiệm, chủ động đầu tư bờ bao, con giống và các phương tiện. | Mất sản lượng , mất thu nhập  -Vỡ bờ bao khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Mỹ Thạnh | 6 | **\*VC**:-Diện tích nuôi trồng thủy sản ỏ phá Tam Giang phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên  -Số hộ nuôi trồng thủy sản nước ngọt bờ bao chưa kiên cố;  - Không có các phương tện bảo hộ lao động  **\*TCXH;**  -Chưa có quy hoạch nuôi chuyên canh, sản phẩm nuôi trồng không ổn định phụ thuộc vào giá cả thị trường, chưa khai thác được tiềm năng thế mạnh;  -Địa phương chưa định hướng được nuôi trồng thủy sản có giá trị kinh tế cao/ nuôi trộng theo mô hình Vietgas;  -Công tác tuyên truyền bảo vệ nguồn lợi thủy sản, an toàn khi tham gia nuôi trồng đánh bắt còn hạn chế;  -Số lượt người được tập huấn kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu còn ít.  **\*NTKN**:  -Ý thức bảo vệ nguồn lợi thủy sản của một số người dân còn hạn chế, còn sử dụng phương tiện đánh bắt hủy diệt như lưới cào, kích điện...  - Một số hộ thiếu kiến thức nuôi trồng, chủ yếu là nuôi theo phong trào, tự phát.  -Chưa mạnh dạn đầu tư tìm kiếm thị trường, nuôi trồng các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao.  -80% lao động nuôi trồng, đánh bắt còn chủ quan chưa quan tâm đến an toàn lao động | **\*VC**: -Nuôi trồng thủy sản nước ngọt 2,5ha/6 hộ  --Nuôi trồng thủy sản 08ha/25 hộ;  -Địa phương đã đầu tư điện đến bờ phá.  -Các hộ đầu tư máy tạo sóng, sục tăng ô xy cho thủy sản.  **\*TCXH:** Hàng năm xã tổ chức tập huấn nuôi trồng thủy sản;  -Có chi hội nghề cá của xã hỗ trợ, giúp đỡ nhau.  -Khuyến cáo người dân nuôi trồng theo mùa vụ;  **\*NTKN**: Các hộ nuôi trồng có kinh nghiệm, chủ động đầu tư bờ bao, con giống và các phương tiện. | Mất sản lượng , mất thu nhập  -Vỡ bờ bao khi thiên tai xảy ra | Cao |
|  | Ngư Mỹ Thạnh | 108 | **\*VC**:-Diện tích nuôi trồng thủy sản ỏ phá Tam Giang phụ thuộc hoàn toàn vào thiên nhiên  -Số hộ nuôi trồng thủy sản nước ngọt bờ bao chưa kiên cố;  -Các phương tiện đánh bắt thô sơ, không có các trang thiết bị bảo hộ lao động; 90% lao động tham gia đánh bắt không có áo phao.  **\*TCXH;**  -Chưa có quy hoạch nuôi chuyên canh, sản phẩm nuôi trồng không ổn định phụ thuộc vào giá cả thị trường, chưa khai thác được tiềm năng thế mạnh;  -Địa phương chưa định hướng được nuôi trồng thủy sản có giá trị kinh tế cao, nuôi trộng theo mô hình Vietgas  -Công tác tuyên truyền bảo vệ nguồn lợi thủy sản, an toàn khi tham gia nuôi trồng đánh bắt còn hạn chế;  -Số lượt người được tập huấn kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu còn ít.  **\*NTKN**:  -Ý thức bảo vệ nguồn lợi thủy sản của một số người dân còn hạn chế, còn sử dụng phương tiện đánh bắt hủy diệt như lưới cào, kích điện...  -Chưa mạnh dạn đầu tư tìm kiếm thị trường, nuôi trồng các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao.  -80% lao động nuôi trồng, đánh bắt còn chủ quan chưa quan tâm đến an toàn lao động | **\*VC:** -0,5 km đê ngăn mặn đã được kiên cố  -159 thuyền gắn máy đánh bắt; 191 thuyền không gắn máy  -Nuôi cá lồng nước lợ 36 lồng/40 hộ /20ha  -Nuôi cá lồng nước ngọt 92 cái/68 hộ /24,1ha  -Địa phương đã đầu tư điện đến bờ phá.  **\*TCXH:** Hàng năm xã tổ chức tập huấn nuôi trồng thủy sản;  -Có chi hội nghề cá của xã hỗ trợ, giúp đỡ nhau.  -Khuyến cáo người dân nuôi trồng theo mùa vụ;  - Đã quy hoạch vùng đánh bắt nuôi trồng;  -Nhà nước đã đầu tư 40ha tạo nguồn lợi thủy sản bảo vệ môi trường và tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm cho nhân dân địa phương*.*  **\*NTKN**: Các hộ nuôi trồng có kinh nghiệm, chủ động đầu tư bờ bao, con giống và các phương tiện.  -Đa số người dân có kinh nghiệm trong đánh bắt;  -80% số lao động tham gia đánh bắt biết bơi.  -75% các hộ có ý thức bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường | -Mất sản lượng , mất thu nhập  -Hư hỏng tàu thuyền và các phương tiện đánh bắt | Cao |
|  | Cư Lạc |  | **\*VC:** Phương tiện tàu thuyền bé, chủ yếu là thuyền không gắn máy, các phương tiện thô sơ: nỏ sáo.  -90% lao động không có áo phao, không có các phương tiện bảo hộ llao động.  **\*TCXH:** -Công tác tuyên truyền kiến thức về bảo vệ tính mạng con người và bảo vệ nguồn lợi thủy sản chưa được làm thường xuyên;  -Số lượt người được tập huấn kiến thức sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn ít;  -Công tác tuyên truyền bảo vệ nguồn lợi thủy sản, an toàn khi tham gia nuôi trồng đánh bắt còn hạn chế;  -Số lượt người được tập huấn kiến thức, kỹ năng sơ cấp cứu còn ít.  **\*NTKN**:  -95% lao động tham gia nuôi trồng không có kiến thức sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn;  - Ý thức bảo vệ nguồn lợi thủy sản, tạo công ăn việc làm lâu dài cho người dân của một bộ phận người dân còn hạn chế.  -Chưa mạnh dạn đầu tư tìm kiếm thị trường, nuôi trồng các loại thủy sản có giá trị kinh tế cao.  -80% lao động nuôi trồng, đánh bắt còn chủ quan chưa quan tâm đến an toàn lao động | \***VC:** -1km đê ngăn mặn đã được kiên cố;  49 thuyền gắn máy đánh bắt; 133 thuyền không gắn máy, ngoài ra còn có các phương tiện đánh bắt khác: nò sáo...  **\*TCXH**:  -Thành lập các chi hội nghề cá hỗ trợ các hộ đánh bắt và nuôi trồng, giúp đỡ lẫn nhau.  - Đã quy hoạch vùng đánh bắt nuôi trồng;  -Nhà nước đã đầu tư 40ha tạo nguồn lợi thủy sản bảo vệ môi trường và tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm cho nhân dân địa phương*.*  **\*NTKN:** Đa số người dân có kinh nghiệm trong đánh bắt;  -80% số lao động tham gia đánh bắt biết bơi.  -75% các hộ có ý thức bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường | -Hư hỏng tàu thuyền và ngư lưới cụ | Cao |
| …. | ***Ghi chú khác:****Với diện tích mặt nước 940ha, các hộ sủ dụng các phương tiện đánh bắt rất đa dạng, thuyền, ngư lưới cụ. Ngoài ra còn khoảng 500 hộ tham gia đánh bắt bằng nó sáo, lừ.. Nhà nước đã đầu tư 40ha tạo nguồn lợi thủy sản bảo vệ môi trường và tăng thu nhập, tạo công ăn việc làm cho nhân dân địa phương.* | | | | | |

## **Du lịch**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
|  | Ngư Mỹ Thạnh  Cư Lạc | 8  2 | \*VC: Các nhà hàng tạm bợ chưa được đầu tư;  **\*TCXH**: Chưa quản lý được các hộ kinh doanh trong mùa du lịch;  -Chưa kiẻm tra thường xuyên về giá cả, an toàn thực phẩm.  -Việc đầu tư cho du lịch còn hạn chế, nhỏ chưa mang tính chuyên nghiệp.  **\*NTKN**:  - Thiếu kiến thức, kỹ năng về hướng dẫn du lịch  -Thiếu kiến thức, kinh nghiệm quảng bá du lịch  -Ý thức bảo vệ môi trường của người dân chưa tốt;  -Người lái đò chưa có bằng lái điều khiển phương tiện đường thủy; Đò đã cũ, thiếu áo phao, phao bơi;  - 100% các hộ kinh doanh du lịch chưa có kiến thức chuyên sâu về du lịch, dịch vụ; sử dụng tiếng anh còn hạn chế nên chưa thu hút được nhiều khách du lịch trong và ngoài nước; | **\*VC**: Có 6 nhà hàng phục vụ ăn uống, du lịch thường xuyên ( thôn Cư Lạc). Có nhà hàng Cồn Tộc).  -Thời gian du khách đông các hộ huy động thêm để phục vụ khách.  **\*TCXH:**  -Được dự án SODI đào tao dịch vụ nấu ăn 10 người (100% nữ); Đào tạo hướng dẫn viên du lịch ( 6 nữ) ( Đào tạo ngắn ngày thời gian 01 tháng).Đầu tư 01 thuyền chở khách du lịch trải nghiệm trên phá Tam Giang  -Phục vụ khách du lịch chủ yếu là du lịch cộng đồng ( tại nhà).  - Chủ phương tiện, nhà hàng đã được tập huấn sơ cấp cứu và cứu hộ cứu nạn;  **\*NTKN**: Các hộ kinh doanh du lịch đã được tập huấn ngắn ngày; Có kinh nghiệm làm du lịch cộng đồng. | - Nguy cơ đuối nước vào mùa du lịch  -Lều quán, nhà hàng bị hư hỏng | Trung bình |
| …. | ***Ghi chú khác:*** Du lịch tuy mới được hình thành, chưa được mở rộng, đầu tư về cơ sở hạ tầng, năng lực quản lý và năng lực hướng dẫn viên du lịch song về lâu dài đây là thế mạnh để phát triển kinh tế của địa phương. | | | | | |

## **Buôn bán và dịch vụ khác**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão, lụt | Sơn Công | 06 | **\*VC**: -Lều quán tạm bợ  -Thiếu vốn  -Không có kho để chứa hàng  -Hàng hóa còn để lẫn lộn giữa hàng hóa phục vụ ăn uống với phân bón, thức ăn gia súc  - Không có dụng cụ phòng CCC  **\*TCXH**: -Công tác kiểm tra giám sát chưa được làm thường xuyên;  -Chưa tổ chức được các lớp tập huấn về an toàn thực phẩm, Phòng cháy chữa cháy, kiến thức kỹ năng kinh doanh cho các hộ;  **\*NTKN**:  - Các hộ còn chủ quan chưa chủ động trong PCTT;  - Đa số các hộ kinh doanh thiếu kiến thức.  -Ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ người tiêu dùng của một số hộ kinh doanh còn hạn chế; | **\*VC:** Một số hộ buôn bán tại nhà.  **\*TCXH**:  - Chính quyền tạo điều kiện về thủ tục, về vay vốn kinh doanh  - Có chế độ miễn, giảm thuế cho các hộ bị thiệt hại vì thiên tai;  -Mỗi năm 1 lần các ngành chức năng có kiểm tra an toàn thực phẩm.  -Đa số các hộ đã được tập huấn kiến thức về PCTT, BĐKH  **\*NTKN**:  -Chủ động đầu tư hàng hóa, đa dạng hàng hóa  - Tự tìm đầu vào và đầu ra cho hàng hóa  -Đa số các hộ kinh doanh quan tâm đến chất lượng và an toàn cho người tiêu dùng. | -Lều quán bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Hàng hóa bị ẩm mốc, trôi, hư hỏng | Thấp |
|  | Hà Lạc | 23 | **\*VC**: -Lều quán tạm bợ  -Thiếu vốn  -Không có kho để chứa hàng  -Hàng hóa còn để lẫn lộn giữa hàng hóa phục vụ ăn uống với phân bón, thức ăn gia súc  - Không có dụng cụ phòng CCC  **\*TCXH**: -Công tác kiểm tra giám sát chưa được làm thường xuyên;  -Chưa tổ chức được các lớp tập huấn về an toàn thực phẩm, Phòng cháy chữa cháy, kiến thức kỹ năng kinh doanh cho các hộ;  **\*NTKN**:  - Các hộ còn chủ quan chưa chủ động trong PCTT;  - Đa số các hộ kinh doanh thiếu kiến thức.  -Ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ người tiêu dùng của một số hộ kinh doanh còn hạn chế; | **\*VC:** Một số hộ buôn bán tại nhà.  **\*TCXH**:  - Chính quyền tạo điều kiện về thủ tục, về vay vốn kinh doanh  - Có chế độ miễn, giảm thuế cho các hộ bị thiệt hại vì thiên tai;  -Mỗi năm 1 lần các ngành chức năng có kiểm tra an toàn thực phẩm.  -Đa số các hộ đã được tập huấn kiến thức về PCTT, BĐKH .  **\*NTKN**:  -Chủ động đầu tư hàng hóa, đa dạng hàng hóa  - Tự tìm đầu vào và đầu ra cho hàng hóa  -Đa số các hộ kinh doanh quan tâm đến chất lượng và an toàn cho người tiêu dùng. | -Lều quán bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Hàng hóa bị ẩm mốc, trôi, hư hỏng | Thấp |
|  | Hà Công | 21 | **\*VC**: -Lều quán tạm bợ  -Thiếu vốn  -Không có kho để chứa hàng  -Hàng hóa còn để lẫn lộn giữa hàng hóa phục vụ ăn uống với phân bón, thức ăn gia súc  - Không có dụng cụ phòng CCC  **\*TCXH**: -Công tác kiểm tra giám sát chưa được làm thường xuyên;  -Chưa tổ chức được các lớp tập huấn về an toàn thực phẩm, Phòng cháy chữa cháy, kiến thức kỹ năng kinh doanh cho các hộ;  **\*NTKN**:  - Các hộ còn chủ quan chưa chủ động trong PCTT;  - Đa số các hộ kinh doanh thiếu kiến thức.  -Ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ người tiêu dùng của một số hộ kinh doanh còn hạn chế; | **\*VC:** Một số hộ buôn bán tại nhà.  **\*TCXH**:  - Chính quyền tạo điều kiện về thủ tục, về vay vốn kinh doanh  - Có chế độ miễn, giảm thuế cho các hộ bị thiệt hại vì thiên tai;  -Mỗi năm 1 lần các ngành chức năng có kiểm tra an toàn thực phẩm.  -Đa số các hộ đã được tập huấn kiến thức về PCTT, BĐKH  **\*NTKN**:  -Chủ động đầu tư hàng hóa, đa dạng hàng hóa  - Tự tìm đầu vào và đầu ra cho hàng hóa  -Đa số các hộ kinh doanh quan tâm đến chất lượng và an toàn cho người tiêu dùng. | -Lều quán bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Hàng hóa bị ẩm mốc, trôi, hư hỏng | Thấp |
|  | Tháp Nhuận | 35 | **\*VC**: -Lều quán tạm bợ  -Thiếu vốn  -Không có kho để chứa hàng  -Hàng hóa còn để lẫn lộn giữa hàng hóa phục vụ ăn uống với phân bón, thức ăn gia súc  - Không có dụng cụ phòng CCC  **\*TCXH**: -Công tác kiểm tra giám sát chưa được làm thường xuyên;  -Chưa tổ chức được các lớp tập huấn về an toàn thực phẩm, Phòng cháy chữa cháy, kiến thức kỹ năng kinh doanh cho các hộ;  **\*NTKN**:  - Các hộ còn chủ quan chưa chủ động trong PCTT;  - Đa số các hộ kinh doanh thiếu kiến thức.  -Ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ người tiêu dùng của một số hộ kinh doanh còn hạn chế; | **\*VC:** Một số hộ buôn bán tại nhà.  **\*TCXH**:  - Chính quyền tạo điều kiện về thủ tục, về vay vốn kinh doanh  - Có chế độ miễn, giảm thuế cho các hộ bị thiệt hại vì thiên tai;  -Mỗi năm 1 lần các ngành chức năng có kiểm tra an toàn thực phẩm.  -Đa số các hộ đã được tập huấn kiến thức về PCTT, BĐKH  **\*NTKN**:  -Chủ động đầu tư hàng hóa, đa dạng hàng hóa  - Tự tìm đầu vào và đầu ra cho hàng hóa  -Đa số các hộ kinh doanh quan tâm đến chất lượng và an toàn cho người tiêu dùng. | -Lều quán bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Hàng hóa bị ẩm mốc, trôi, hư hỏng | Thấp |
|  | Thủy Lập | 42 | **\*VC**: -Lều quán tạm bợ  -Thiếu vốn  -Không có kho để chứa hàng  -Hàng hóa còn để lẫn lộn giữa hàng hóa phục vụ ăn uống với phân bón, thức ăn gia súc  - Không có dụng cụ phòng CCC  **\*TCXH**: -Công tác kiểm tra giám sát chưa được làm thường xuyên;  -Chưa tổ chức được các lớp tập huấn về an toàn thực phẩm, Phòng cháy chữa cháy, kiến thức kỹ năng kinh doanh cho các hộ;  **\*NTKN**:  - Các hộ còn chủ quan chưa chủ động trong PCTT;  - Đa số các hộ kinh doanh thiếu kiến thức.  -Ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ người tiêu dùng của một số hộ kinh doanh còn hạn chế; | **\*VC:** Một số hộ buôn bán tại nhà.  **\*TCXH**:  - Chính quyền tạo điều kiện về thủ tục, về vay vốn kinh doanh  - Có chế độ miễn, giảm thuế cho các hộ bị thiệt hại vì thiên tai;  -Mỗi năm 1 lần các ngành chức năng có kiểm tra an toàn thực phẩm.  -Đa số các hộ đã được tập huấn kiến thức về PCTT, BĐKH  **\*NTKN**:  -Chủ động đầu tư hàng hóa, đa dạng hàng hóa  - Tự tìm đầu vào và đầu ra cho hàng hóa  -Đa số các hộ kinh doanh quan tâm đến chất lượng và an toàn cho người tiêu dùng. | -Lều quán bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Hàng hóa bị ẩm mốc, trôi, hư hỏng | Thấp |
|  | Mỹ Thạnh | 22 | **\*VC**: -Lều quán tạm bợ  -Thiếu vốn  -Không có kho để chứa hàng  -Hàng hóa còn để lẫn lộn giữa hàng hóa phục vụ ăn uống với phân bón, thức ăn gia súc  - Không có dụng cụ phòng CCC  **\*TCXH**: -Công tác kiểm tra giám sát chưa được làm thường xuyên;  -Chưa tổ chức được các lớp tập huấn về an toàn thực phẩm, Phòng cháy chữa cháy, kiến thức kỹ năng kinh doanh cho các hộ;  **\*NTKN**:  - Các hộ còn chủ quan chưa chủ động trong PCTT;  - Đa số các hộ kinh doanh thiếu kiến thức.  -Ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ người tiêu dùng của một số hộ kinh doanh còn hạn chế; | **\*VC:** Một số hộ buôn bán tại nhà.  **\*TCXH**:  - Chính quyền tạo điều kiện về thủ tục, về vay vốn kinh doanh  - Có chế độ miễn, giảm thuế cho các hộ bị thiệt hại vì thiên tai;  -Mỗi năm 1 lần các ngành chức năng có kiểm tra an toàn thực phẩm.  -Đa số các hộ đã được tập huấn kiến thức về PCTT, BĐKH  **\*NTKN**:  -Chủ động đầu tư hàng hóa, đa dạng hàng hóa  - Tự tìm đầu vào và đầu ra cho hàng hóa  -Đa số các hộ kinh doanh quan tâm đến chất lượng và an toàn cho người tiêu dùng. | -Lều quán bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Hàng hóa bị ẩm mốc, trôi, hư hỏng | Thấp |
| …. | Ngư Mỹ Thạnh | 24 | **\*VC**: -Lều quán tạm bợ  -Thiếu vốn  -Không có kho để chứa hàng  -Hàng hóa còn để lẫn lộn giữa hàng hóa phục vụ ăn uống với phân bón, thức ăn gia súc  - Không có dụng cụ phòng CCC  **\*TCXH**: -Công tác kiểm tra giám sát chưa được làm thường xuyên;  -Chưa tổ chức được các lớp tập huấn về an toàn thực phẩm, Phòng cháy chữa cháy, kiến thức kỹ năng kinh doanh cho các hộ;  **\*NTKN**:  - Các hộ còn chủ quan chưa chủ động trong PCTT;  - Đa số các hộ kinh doanh thiếu kiến thức.  -Ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ người tiêu dùng của một số hộ kinh doanh còn hạn chế; | **\*VC:** Một số hộ buôn bán tại nhà.  **\*TCXH**:  - Chính quyền tạo điều kiện về thủ tục, về vay vốn kinh doanh  - Có chế độ miễn, giảm thuế cho các hộ bị thiệt hại vì thiên tai;  -Mỗi năm 1 lần các ngành chức năng có kiểm tra an toàn thực phẩm.  -Đa số các hộ đã được tập huấn kiến thức về PCTT, BĐKH  **\*NTKN**:  -Chủ động đầu tư hàng hóa, đa dạng hàng hóa  - Tự tìm đầu vào và đầu ra cho hàng hóa  -Đa số các hộ kinh doanh quan tâm đến chất lượng và an toàn cho người tiêu dùng. | -Lều quán bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Hàng hóa bị ẩm mốc, trôi, hư hỏng | Thấp |
|  | Cư Lạc | 46 | **\*VC**: -Lều quán tạm bợ  -Thiếu vốn  -Không có kho để chứa hàng  -Hàng hóa còn để lẫn lộn giữa hàng hóa phục vụ ăn uống với phân bón, thức ăn gia súc  - Không có dụng cụ phòng CCC  **\*TCXH**: -Công tác kiểm tra giám sát chưa được làm thường xuyên;  -Chưa tổ chức được các lớp tập huấn về an toàn thực phẩm, Phòng cháy chữa cháy, kiến thức kỹ năng kinh doanh cho các hộ;  **\*NTKN**:  - Các hộ còn chủ quan chưa chủ động trong PCTT;  - Đa số các hộ kinh doanh thiếu kiến thức.  -Ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ người tiêu dùng của một số hộ kinh doanh còn hạn chế; | **\*VC:** Một số hộ buôn bán tại nhà.  **\*TCXH**:  - Chính quyền tạo điều kiện về thủ tục, về vay vốn kinh doanh  - Có chế độ miễn, giảm thuế cho các hộ bị thiệt hại vì thiên tai;  -Mỗi năm 1 lần các ngành chức năng có kiểm tra an toàn thực phẩm.  -Đa số các hộ đã được tập huấn kiến thức về PCTT, BĐKH  **\*NTKN**:  -Chủ động đầu tư hàng hóa, đa dạng hàng hóa  - Tự tìm đầu vào và đầu ra cho hàng hóa  -Đa số các hộ kinh doanh quan tâm đến chất lượng và an toàn cho người tiêu dùng. | -Lều quán bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra  -Hàng hóa bị ẩm mốc, trôi, hư hỏng | Thấp |
| …. | ***Ghi chú khác***: Riêng thôn Thủy Lập có 335 hộ làm nghề mây tre đan ( đã được UBND tỉnh có quyết định công nhận là làng nghề truyền thống),đã tạo công ăn việc làm thêm cho các hộ đặc biệt là phụ nữ tăng thêm thu nhập gia đình, tận dụng được nhân công lúc nhàn rỗi và nguyên vật liệu sẵn có. Tuy nhiên 100% hộ làm bằng thủ công chưa được đầu tư máy móc, chưa tìm được đầu ra ổn định; | | | | | |

## **Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Bão, lụt | Sơn Công | 82 | **\*VC:** -Đường đây điện vào các hộ chưa đảm bảo an toàn  **\*TCXH**:  - Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT cho người dân chưa đa dạng, phù hợp với các đối tượng dễ bị tổn thương.  -Không có âm ly, di động và các phương tiện cảnh báo khác  -Thôn chưa hướng dẫn các hộ xây dựng kế hoạch PCTT, đa số người dân không biết phương châm 4 tại chỗ;  -Sự phối kết hợp giữa các đoàn thể và chính quyền địa phương tổ chức tuyền thông kiến thức PCTT, BĐKH đến người dân còn hạn chế.  -Các đoàn thể: Mặt trận, đoàn thanh niên, Hội Nông dân chưa đưa nội dung tuyền thông kiến thức PCTT, BĐKH vào sinh hoạt chuyên đề/ tổ chức các hội thi tìm hiểu.  \*NTKN:  - Người dân còn thờ ơ, chưa quan tâm theo dõi thông tin diễn biến của thiên tai;  - 50% chị em phụ nữ không quan tâm đến PCTT, BĐKH, chị em ít tham gia các buổi tập huấn, truyền thông ( chủ yếu là nam);  -95% hộ gia đình không có ra điô cặp nhật diễn biến thiên tai khi mất điện. | **\*VC:** -Hệ thống loa truyền thanh phủ khắp đều 8/8 thôn  -100% hộ có ti vi, điện thoại  -5% hộ gia đình có radio  - 80% hộ dân quan tâm đến thời tiết, diễn biến của thiên tai  **\*TCXH**:  -Đã tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH trên hệ thống loa truyền thanh; Cán bộ thôn có hiểu biết kiến thức về PTTT;  -Thôn/xã xây dựng kế hoạch PCTT;  -Phân công các thành viên phụ trách các hộ gia đình khi cần thiết chuyển thông tin bằng hình thức đến tận hộ gia đình.  **\*NTKN**:  -Đa số hô dân đã được tham gia tập huấn kiến thức PCTT do dự án Lucxambua hỗ trợ.  -Đa số các hộ dân có kinh nghiệm trong PCTT.  -70% hộ dân chấp hành tốt lệnh điều động, sơ tán, chuẩn bị lương thực, thực phẩm ... | -Gẫy đổ hệ thống đường dây khi thiên tai xảy ra  -Hệ thống loa truyền thanh bị hư hỏng ( rỉ) | Thấp |
| …. | Hà Lạc | 362 | **\*VC:** -Đường đây điện vào các hộ chưa đảm bảo an toàn  **\*TCXH**:  - Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT cho người dân chưa đa dạng, phù hợp với các đối tượng dễ bị tổn thương.  -Không có âm ly, di động và các phương tiện cảnh báo khác  -Thôn chưa hướng dẫn các hộ xây dựng kế hoạch PCTT, đa số người dân không biết phương châm 4 tại chỗ;  -Sự phối kết hợp giữa các đoàn thể và chính quyền địa phương tổ chức tuyền thông kiến thức PCTT, BĐKH đến người dân còn hạn chế.  -Các đoàn thể: Mặt trận, đoàn thanh niên, Hội Nông dân chưa đưa nội dung tuyền thông kiến thức PCTT, BĐKH vào sinh hoạt chuyên đề/ tổ chức các hội thi tìm hiểu.  \*NTKN:  - Người dân còn thờ ơ, chưa quan tâm theo dõi thông tin diễn biến của thiên tai;  - 50% chị em phụ nữ không quan tâm đến PCTT, BĐKH, chị em ít tham gia các buổi tập huấn, truyền thông ( chủ yếu là nam);  -95% hộ gia đình không có ra điô cặp nhật diễn biến thiên tai khi mất điện. | **\*VC:** -Hệ thống loa truyền thanh phủ khắp đều 8/8 thôn  -100% hộ có ti vi, điện thoại  -5% hộ gia đình có radio  - 80% hộ dân quan tâm đến thời tiết, diễn biến của thiên tai  **\*TCXH**:  -Đã tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH trên hệ thống loa truyền thanh; Cán bộ thôn có hiểu biết kiến thức về PTTT;  -Thôn/xã xây dựng kế hoạch PCTT;  -Phân công các thành viên phụ trách các hộ gia đình khi cần thiết chuyển thông tin bằng hình thức đến tận hộ gia đình.  **\*NTKN**:  -Đa số hô dân đã được tham gia tập huấn kiến thức PCTT do dự án Lucxambua hỗ trợ.  -Đa số các hộ dân có kinh nghiệm trong PCTT.  -70% hộ dân chấp hành tốt lệnh điều động, sơ tán, chuẩn bị lương thực, thực phẩm ... | -Gẫy đổ hệ thống đường dây khi thiên tai xảy ra  -Hệ thống loa truyền thanh bị hư hỏng ( rỉ) | Thấp |
|  | Hà Công | 125 | **\*VC:** -Đường đây điện vào các hộ chưa đảm bảo an toàn  -Không có âm ly, di động và các phương tiện cảnh báo khác;  **\*TCXH**:  - Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT cho người dân chưa đa dạng, phù hợp với các đối tượng dễ bị tổn thương.  -Thôn chưa hướng dẫn các hộ xây dựng kế hoạch PCTT, đa số người dân không biết phương châm 4 tại chỗ;  -Sự phối kết hợp giữa các đoàn thể và chính quyền địa phương tổ chức tuyền thông kiến thức PCTT, BĐKH đến người dân còn hạn chế.  -Các đoàn thể: Mặt trận, đoàn thanh niên, Hội Nông dân chưa đưa nội dung tuyền thông kiến thức PCTT, BĐKH vào sinh hoạt chuyên đề/ tổ chức các hội thi tìm hiểu.  \*NTKN:  - Người dân còn thờ ơ, chưa quan tâm theo dõi thông tin diễn biến của thiên tai;  - 50% chị em phụ nữ không quan tâm đến PCTT, BĐKH, chị em ít tham gia các buổi tập huấn, truyền thông ( chủ yếu là nam);  -95% hộ gia đình không có ra điô cặp nhật diễn biến thiên tai khi mất điện. | **\*VC:** -Hệ thống loa truyền thanh phủ khắp đều 8/8 thôn  -100% hộ có ti vi, điện thoại  -5% hộ gia đình có radio  - 80% hộ dân quan tâm đến thời tiết, diễn biến của thiên tai  **\*TCXH**:  -Đã tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH trên hệ thống loa truyền thanh; Cán bộ thôn có hiểu biết kiến thức về PTTT;  -Thôn/xã xây dựng kế hoạch PCTT;  -Phân công các thành viên phụ trách các hộ gia đình khi cần thiết chuyển thông tin bằng hình thức đến tận hộ gia đình.  **\*NTKN**:  -Đa số hô dân đã được tham gia tập huấn kiến thức PCTT do dự án Lucxambua hỗ trợ.  -Đa số các hộ dân có kinh nghiệm trong PCTT.  -70% hộ dân chấp hành tốt lệnh điều động, sơ tán, chuẩn bị lương thực, thực phẩm ... | Gẫy đổ hệ thống đường dây khi thiên tai xảy ra  -Hệ thống loa truyền thanh bị hư hỏng ( rỉ) | Thấp |
|  | Tháp Nhuận | 284 | \*VC: -Không có âm ly, di động và các phương tiện cảnh báo khác.  - Đường đây điện vào các hộ chưa đảm bảo an toàn;  **\*TCXH:**  - Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT cho người dân chưa đa dạng, phù hợp với các đối tượng dễ bị tổn thương.  -Thôn chưa hướng dẫn các hộ xây dựng kế hoạch PCTT, đa số người dân không biết phương châm 4 tại chỗ;  -30% chị em phụ nữ, 20% hộ dân không quan tâm đến truyền thông., thời tiết;  \*NTKN:  -95% Hộ nuôi trồng không có phương tiện cảnh báo  -95% hộ gia đình không có ra điô cặp nhật diễn biến thiên tai khi mất điện. | -Hệ thống loa truyền thanh phủ khắp đều 8/8 thôn  -100% hộ có ti vi, điện thoại  -5% hộ gia đình có radio  - 80% hộ dân quan tâm đến thời tiết, diễn biến của thiên tai  -Đã tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH trên hệ thống loa truyền thanh; Cán bộ thôn có hiểu biết kiến thức về PTTT;  -Thôn/xã xây dựng kế hoạch PCTT;  -Phân công các thành viên phụ trách các hộ gia đình | -Gẫy đổ hệ thống đường dây khi thiên tai xảy ra  -Hệ thống loa truyền thanh bị hư hỏng ( rỉ) | Thấp |
|  | Thủy Lập | 580 | **\*VC:** -Đường đây điện vào các hộ chưa đảm bảo an toàn  **\*TCXH**:  - Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT cho người dân chưa đa dạng, phù hợp với các đối tượng dễ bị tổn thương.  -Không có âm ly, di động và các phương tiện cảnh báo khác  -Thôn chưa hướng dẫn các hộ xây dựng kế hoạch PCTT, đa số người dân không biết phương châm 4 tại chỗ;  -Sự phối kết hợp giữa các đoàn thể và chính quyền địa phương tổ chức tuyền thông kiến thức PCTT, BĐKH đến người dân còn hạn chế.  -Các đoàn thể: Mặt trận, đoàn thanh niên, Hội Nông dân chưa đưa nội dung tuyền thông kiến thức PCTT, BĐKH vào sinh hoạt chuyên đề/ tổ chức các hội thi tìm hiểu.  \*NTKN:  - Người dân còn thờ ơ, chưa quan tâm theo dõi thông tin diễn biến của thiên tai;  - 50% chị em phụ nữ không quan tâm đến PCTT, BĐKH, chị em ít tham gia các buổi tập huấn, truyền thông ( chủ yếu là nam);  -95% hộ gia đình không có ra điô cặp nhật diễn biến thiên tai khi mất điện. | **\*VC:** -Hệ thống loa truyền thanh phủ khắp đều 8/8 thôn  -100% hộ có ti vi, điện thoại  -5% hộ gia đình có radio  - 80% hộ dân quan tâm đến thời tiết, diễn biến của thiên tai  **\*TCXH**:  -Đã tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH trên hệ thống loa truyền thanh; Cán bộ thôn có hiểu biết kiến thức về PTTT;  -Thôn/xã xây dựng kế hoạch PCTT;  -Phân công các thành viên phụ trách các hộ gia đình khi cần thiết chuyển thông tin bằng hình thức đến tận hộ gia đình.  **\*NTKN**:  -Đa số hô dân đã được tham gia tập huấn kiến thức PCTT do dự án Lucxambua hỗ trợ.  -Đa số các hộ dân có kinh nghiệm trong PCTT.  -70% hộ dân chấp hành tốt lệnh điều động, sơ tán, chuẩn bị lương thực, thực phẩm ... | Gẫy đổ hệ thống đường dây khi thiên tai xảy ra  -Hệ thống loa truyền thanh bị hư hỏng ( rỉ) | Thấp |
|  | Mỹ Thạnh | 258 | **\*VC:** -Đường đây điện vào các hộ chưa đảm bảo an toàn;  -Không có âm ly, di động và các phương tiện cảnh báo khác;  **\*TCXH**:  - Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT cho người dân chưa đa dạng, phù hợp với các đối tượng dễ bị tổn thương.  -Thôn chưa hướng dẫn các hộ xây dựng kế hoạch PCTT, đa số người dân không biết phương châm 4 tại chỗ;  -Sự phối kết hợp giữa các đoàn thể và chính quyền địa phương tổ chức tuyền thông kiến thức PCTT, BĐKH đến người dân còn hạn chế.  -Các đoàn thể: Mặt trận, đoàn thanh niên, Hội Nông dân chưa đưa nội dung tuyền thông kiến thức PCTT, BĐKH vào sinh hoạt chuyên đề/ tổ chức các hội thi tìm hiểu.  \***NTKN:**  - Người dân còn thờ ơ, chưa quan tâm theo dõi thông tin diễn biến của thiên tai;  - 50% chị em phụ nữ không quan tâm đến PCTT, BĐKH, chị em ít tham gia các buổi tập huấn, truyền thông ( chủ yếu là nam);  -95% hộ gia đình không có ra điô cặp nhật diễn biến thiên tai khi mất điện. | **\*VC:** -Hệ thống loa truyền thanh phủ khắp đều 8/8 thôn  -100% hộ có ti vi, điện thoại;  -5% hộ gia đình có radio  - 80% hộ dân quan tâm đến thời tiết, diễn biến của thiên tai  **\*TCXH**:  -Đã tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH trên hệ thống loa truyền thanh; Cán bộ thôn có hiểu biết kiến thức về PTTT;  -Thôn/xã xây dựng kế hoạch PCTT;  -Phân công các thành viên phụ trách các hộ gia đình khi cần thiết chuyển thông tin bằng hình thức đến tận hộ gia đình.  **\*NTKN**:  -Đa số hô dân đã được tham gia tập huấn kiến thức PCTT do dự án Lucxambua hỗ trợ.  -Đa số các hộ dân có kinh nghiệm trong PCTT.  -70% hộ dân chấp hành tốt lệnh điều động, sơ tán, chuẩn bị lương thực, thực phẩm ... | Gẫy đổ hệ thống đường dây khi thiên tai xảy ra  -Hệ thống loa truyền thanh bị hư hỏng ( rỉ) | Thấp |
|  | Ngư Mỹ Thạnh | 222 | **\*VC:** -Đường đây điện vào các hộ chưa đảm bảo an toàn;  -Không có âm ly, di động và các phương tiện cảnh báo khác;  **\*TCXH**:  - Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT cho người dân chưa đa dạng, phù hợp với các đối tượng dễ bị tổn thương.  -Thôn chưa hướng dẫn các hộ xây dựng kế hoạch PCTT, đa số người dân không biết phương châm 4 tại chỗ;  -Sự phối kết hợp giữa các đoàn thể và chính quyền địa phương tổ chức tuyền thông kiến thức PCTT, BĐKH đến người dân còn hạn chế.  -Các đoàn thể: Mặt trận, đoàn thanh niên, Hội Nông dân chưa đưa nội dung tuyền thông kiến thức PCTT, BĐKH vào sinh hoạt chuyên đề/ tổ chức các hội thi tìm hiểu.  **\*NTKN**:  - Người dân còn thờ ơ, chưa quan tâm theo dõi thông tin diễn biến của thiên tai;  - 50% chị em phụ nữ không quan tâm đến PCTT, BĐKH, chị em ít tham gia các buổi tập huấn, truyền thông ( chủ yếu là nam);  -95% hộ gia đình không có ra điô cặp nhật diễn biến thiên tai khi mất điện. | **\*VC:** -Hệ thống loa truyền thanh phủ khắp đều 8/8 thôn  -100% hộ có ti vi, điện thoại  -5% hộ gia đình có radio  - 80% hộ dân quan tâm đến thời tiết, diễn biến của thiên tai  **\*TCXH**:  -Đã tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH trên hệ thống loa truyền thanh; Cán bộ thôn có hiểu biết kiến thức về PTTT;  -Thôn/xã xây dựng kế hoạch PCTT;  -Phân công các thành viên phụ trách các hộ gia đình khi cần thiết chuyển thông tin bằng hình thức đến tận hộ gia đình.  **\*NTKN**:  -Đa số hô dân đã được tham gia tập huấn kiến thức PCTT do dự án Lucxambua hỗ trợ.  -Đa số các hộ dân có kinh nghiệm trong PCTT.  -70% hộ dân chấp hành tốt lệnh điều động, sơ tán, chuẩn bị lương thực, thực phẩm ... | Gẫy đổ hệ thống đường dây khi thiên tai xảy ra  -Hệ thống loa truyền thanh bị hư hỏng ( rỉ) | Thấp |
|  | Cư Lạc | 118 | **\*VC:** -Đường đây điện vào các hộ chưa đảm bảo an toàn  **\*TCXH**:  - Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT cho người dân chưa đa dạng, phù hợp với các đối tượng dễ bị tổn thương.  -Không có âm ly, di động và các phương tiện cảnh báo khác  -Thôn chưa hướng dẫn các hộ xây dựng kế hoạch PCTT, đa số người dân không biết phương châm 4 tại chỗ;  -Sự phối kết hợp giữa các đoàn thể và chính quyền địa phương tổ chức tuyền thông kiến thức PCTT, BĐKH đến người dân còn hạn chế.  -Các đoàn thể: Mặt trận, đoàn thanh niên, Hội Nông dân chưa đưa nội dung tuyền thông kiến thức PCTT, BĐKH vào sinh hoạt chuyên đề/ tổ chức các hội thi tìm hiểu.  **\*NTKN**:  - Người dân còn thờ ơ, chưa quan tâm theo dõi thông tin diễn biến của thiên tai;  - 50% chị em phụ nữ không quan tâm đến PCTT, BĐKH, chị em ít tham gia các buổi tập huấn, truyền thông ( chủ yếu là nam);  -95% hộ gia đình không có ra điô cặp nhật diễn biến thiên tai khi mất điện. | **\*VC:** -Hệ thống loa truyền thanh phủ khắp đều 8/8 thôn  -100% hộ có ti vi, điện thoại  -5% hộ gia đình có radio  - 80% hộ dân quan tâm đến thời tiết, diễn biến của thiên tai  **\*TCXH**:  -Đã tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH trên hệ thống loa truyền thanh; Cán bộ thôn có hiểu biết kiến thức về PTTT;  -Thôn/xã xây dựng kế hoạch PCTT;  -Phân công các thành viên phụ trách các hộ gia đình khi cần thiết chuyển thông tin bằng hình thức đến tận hộ gia đình.  **\*NTKN**:  -Đa số hô dân đã được tham gia tập huấn kiến thức PCTT do dự án Lucxambua hỗ trợ.  -Đa số các hộ dân có kinh nghiệm trong PCTT.  -70% hộ dân chấp hành tốt lệnh điều động, sơ tán, chuẩn bị lương thực, thực phẩm ... | Gẫy đổ hệ thống đường dây khi thiên tai xảy ra  -Hệ thống loa truyền thanh bị hư hỏng ( rỉ) | Thấp |

## **Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt, bão, hạn hán, rét đậm rét hại | Sơn công | 82 | **\*VC**:-Thiếu các phương tiện và trang bị cứu hộ cứu nạn cho đội xung kích, tổ thường trực  -Không có kinh phí hoạt động;  **\*TCXH**: Lưc lượng xung kích hoạt động kém hiệu quả.  - Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, thiếu trang thiết bị, chưa được trang bị bảo hộ lao động  - Phụ nữ ít tham gia công tác PCTT.  **\*NTKN**:  -Người dân còn chủ quan chưa chủ động PCTT ( Di dời, chằng chống nhà cửa, dự trữ lương thực); | **VC:** Có các điểm sơ tán (nhà kiên cố các hộ )  **\*TCXH:**  - Có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm, KH cụ thể cho từng địa bàn khu dân cư thực hiện phương châm 4 tại chỗ;  -Tổ thường trực, đội xung kích đã được tập huấn kiến thức PCTT năm 2014,2015, 2016  -Ban lãnh đạo thôn đã tham gia diễn tập năm 2015 tại thôn Ngư Mỹ Thạnh;  Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, trục phòng chống thiên tai 2424 khi có lệnh của BCHPCTT & TKCHCN xã  -Hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh neo đơn trước, sau thiên tai; thăm hỏi, động viên kịp thời những gia đình bị thiệt hại, đánh giá thiệt hại và báo cáo về BCHPCTT&TKCHCN xã;  **\*NTKN**:  -Đa số các hộ dự trữ lương thực 5-7 ngày ăn; Chủ động chằng chống gia cố nhà cửa trước thiên tai;  - Đa số người dân có kinh nghiệm phòng chống thiên tai. | Đội xung kích, tổ thường trực có nguy cơ bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ PCTT | Trung bình |
|  | Hà Lạc | 362 | **\*VC**:-Thiếu các phương tiện và trang bị cứu hộ cứu nạn cho đội xung kích, tổ thường trực  -Không có kinh phí hoạt động;  **\*TCXH**: Lưc lượng xung kích hoạt động kém hiệu quả.  - Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, thiếu trang thiết bị, chưa được trang bị bảo hộ lao động;  - Phụ nữ ít tham gia công tác PCTT.  **\*NTKN**:  -Người dân còn chủ quan chưa chủ động PCTT ( Di dời, chằng chống nhà cửa, dự trữ lương thực); | **\*VC:** Có các điểm sơ tán (nhà kiên cố các hộ ); Có trường mầm non kiên cố làm nơi sơ tán cho các hộ dân.  **\*TCXH:**  - Có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm, KH cụ thể cho từng địa bàn khu dân cư thực hiện phương châm 4 tại chỗ;  -Tổ thường trực, đội xung kích đã được tập huấn kiến thức PCTT năm 2014,2015, 2016  -Ban lãnh đạo thôn đã tham gia diễn tập năm 2015 tại thôn Ngư Mỹ Thạnh;  Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, trục phòng chống thiên tai 2424 khi có lệnh của BCHPCTT & TKCHCN xã  -Hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh neo đơn trước, sau thiên tai; thăm hỏi, động viên kịp thời những gia đình bị thiệt hại, đánh giá thiệt hại và báo cáo về BCHPCTT&TKCHCN xã;  **NTKN**:  -Đa số các hộ dự trữ lương thực 5-7 ngày ăn; Chủ động chằng chống gia cố nhà cửa trước thiên tai;  - Đa số người dân có kinh nghiệm phòng chống thiên tai. | -Đội xung kích, tổ thường trực có nguy cơ bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ PCTT | Trung bình |
|  | Hà Công | 125 | **\*VC**:-Thiếu các phương tiện và trang bị cứu hộ cứu nạn cho đội xung kích, tổ thường trực  -Không có kinh phí hoạt động;  **\*TCXH**: Lưc lượng xung kích hoạt động kém hiệu quả.  - Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, thiếu trang thiết bị, chưa được trang bị bảo hộ lao động;  - Phụ nữ ít tham gia công tác PCTT.  **\*NTKN**:  -Người dân còn chủ quan chưa chủ động PCTT ( Di dời, chằng chống nhà cửa, dự trữ lương thực); | **VC:** Có các điểm sơ tán (nhà kiên cố các hộ )  **\*TCXH:**  - Có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm, KH cụ thể cho từng địa bàn khu dân cư thực hiện phương châm 4 tại chỗ;  -Tổ thường trực, đội xung kích đã được tập huấn kiến thức PCTT năm 2014,2015, 2016  -Ban lãnh đạo thôn đã tham gia diễn tập năm 2015 tại thôn Ngư Mỹ Thạnh;  Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, trục phòng chống thiên tai 2424 khi có lệnh của BCHPCTT & TKCHCN xã  -Hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh neo đơn trước, sau thiên tai; thăm hỏi, động viên kịp thời những gia đình bị thiệt hại, đánh giá thiệt hại và báo cáo về BCHPCTT&TKCHCN xã;  **\*NTKN**:  -Đa số các hộ dự trữ lương thực 5-7 ngày ăn; Chủ động chằng chống gia cố nhà cửa trước thiên tai;  - Đa số người dân có kinh nghiệm phòng chống thiên tai. | Đội xung kích, tổ thường trực có nguy cơ bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ PCTT | Trung bình |
|  | Tháp Nhuận | 284 | **\*VC**:-Thiếu các phương tiện và trang bị cứu hộ cứu nạn cho đội xung kích, tổ thường trực  -Không có kinh phí hoạt động;  **\*TCXH**: Lưc lượng xung kích hoạt động kém hiệu quả.  - Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, thiếu trang thiết bị, chưa được trang bị bảo hộ lao động  - Phụ nữ ít tham gia công tác PCTT.  **\*NTKN**:  -Người dân còn chủ quan chưa chủ động PCTT ( Di dời, chằng chống nhà cửa, dự trữ lương thực); | **\*VC:** Có các điểm sơ tán (nhà kiên cố các hộ )  **\*TCXH:**  - Có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm, KH cụ thể cho từng địa bàn khu dân cư thực hiện phương châm 4 tại chỗ;  -Tổ thường trực, đội xung kích đã được tập huấn kiến thức PCTT năm 2014,2015, 2016  -Ban lãnh đạo thôn đã tham gia diễn tập năm 2015 tại thôn Ngư Mỹ Thạnh;  Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, trục phòng chống thiên tai 2424 khi có lệnh của BCHPCTT & TKCHCN xã  -Hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh neo đơn trước, sau thiên tai; thăm hỏi, động viên kịp thời những gia đình bị thiệt hại, đánh giá thiệt hại và báo cáo về BCHPCTT&TKCHCN xã;  **\*NTKN**:  -Đa số các hộ dự trữ lương thực 5-7 ngày ăn; Chủ động chằng chống gia cố nhà cửa trước thiên tai;  - Đa số người dân có kinh nghiệm phòng chống thiên tai. | Đội xung kích, tổ thường trực có nguy cơ bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ PCTT | Trung bình |
|  | Thủy Lập | 580 | **\*VC**:-Thiếu các phương tiện và trang bị cứu hộ cứu nạn cho đội xung kích, tổ thường trực;  -Không có kinh phí hoạt động;  **\*TCXH**: Lưc lượng xung kích hoạt động kém hiệu quả.  - Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, thiếu trang thiết bị, chưa được trang bị bảo hộ lao động  - Phụ nữ ít tham gia công tác PCTT.  **\*NTKN**:  -Người dân còn chủ quan chưa chủ động PCTT ( Di dời, chằng chống nhà cửa, dự trữ lương thực); | **\*VC:** Có các điểm sơ tán (nhà kiên cố các hộ ); Trường mầm non, THCS, trạm y tế, UBND xã đóng trên địa bàn là địa điểm di dời sơ tán khi có thiên tai.  **\*TCXH:**  - Có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm, KH cụ thể cho từng địa bàn khu dân cư thực hiện phương châm 4 tại chỗ;  -Tổ thường trực, đội xung kích đã được tập huấn kiến thức PCTT năm 2014,2015, 2016  -Ban lãnh đạo thôn đã tham gia diễn tập năm 2015 tại thôn Ngư Mỹ Thạnh;  Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, trục phòng chống thiên tai 2424 khi có lệnh của BCHPCTT & TKCHCN xã  -Hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh neo đơn trước, sau thiên tai; thăm hỏi, động viên kịp thời những gia đình bị thiệt hại, đánh giá thiệt hại và báo cáo về BCHPCTT&TKCHCN xã;  **\*NTKN**:  -Đa số các hộ dự trữ lương thực 5-7 ngày ăn; Chủ động chằng chống gia cố nhà cửa trước thiên tai;  - Đa số người dân có kinh nghiệm phòng chống thiên tai. | Đội xung kích, tổ thường trực có nguy cơ bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ PCTT | Trung bình |
|  | Mỹ Thạnh | 258 | **\*VC**:-Thiếu các phương tiện và trang bị cứu hộ cứu nạn cho đội xung kích, tổ thường trực;  -Không có kinh phí hoạt động;  **\*TCXH**: Lưc lượng xung kích hoạt động kém hiệu quả.  - Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, thiếu trang thiết bị, chưa được trang bị bảo hộ lao động  - Phụ nữ ít tham gia công tác PCTT.  **\*NTKN**:  -Người dân còn chủ quan chưa chủ động PCTT ( Di dời, chằng chống nhà cửa, dự trữ lương thực); | **\*VC:** Có các điểm sơ tán (nhà kiên cố các hộ ); Trường mầm non đóng trên địa bàn là địa điểm di dời sơ tán khi có thiên tai.  **\*TCXH:**  - Có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm, KH cụ thể cho từng địa bàn khu dân cư thực hiện phương châm 4 tại chỗ;  -Tổ thường trực, đội xung kích đã được tập huấn kiến thức PCTT năm 2014,2015, 2016  -Ban lãnh đạo thôn đã tham gia diễn tập năm 2015 tại thôn Ngư Mỹ Thạnh;  Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, trục phòng chống thiên tai 2424 khi có lệnh của BCHPCTT & TKCHCN xã  -Hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh neo đơn trước, sau thiên tai; thăm hỏi, động viên kịp thời những gia đình bị thiệt hại, đánh giá thiệt hại và báo cáo về BCHPCTT&TKCHCN xã;  **\*NTKN**:  -Đa số các hộ dự trữ lương thực 5-7 ngày ăn; Chủ động chằng chống gia cố nhà cửa trước thiên tai;  - Đa số người dân có kinh nghiệm phòng chống thiên tai. | Đội xung kích, tổ thường trực có nguy cơ bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ PCTT | Trung bình |
|  | Ngư Mỹ Thạnh | 222 | **\*VC**:-Thiếu các phương tiện và trang bị cứu hộ cứu nạn cho đội xung kích, tổ thường trực  -Không có kinh phí hoạt động;  **\*TCXH**: Lưc lượng xung kích hoạt động kém hiệu quả.  - Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, thiếu trang thiết bị, chưa được trang bị bảo hộ lao động  - Phụ nữ ít tham gia công tác PCTT.  **\*NTKN**:  -Người dân còn chủ quan chưa chủ động PCTT ( Di dời, chằng chống nhà cửa, dự trữ lương thực); | **\*VC:** Có các điểm sơ tán (nhà kiên cố các hộ )  **\*TCXH:**  - Có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm, KH cụ thể cho từng địa bàn khu dân cư thực hiện phương châm 4 tại chỗ;  -Tổ thường trực, đội xung kích đã được tập huấn kiến thức PCTT năm 2014,2015, 2016  -Ban lãnh đạo thôn đã tham gia diễn tập năm 2015 đã tổ chức diễn tập PCTT  -Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, trục phòng chống thiên tai 2424 khi có lệnh của BCHPCTT & TKCHCN xã  -Hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh neo đơn trước, sau thiên tai; thăm hỏi, động viên kịp thời những gia đình bị thiệt hại, đánh giá thiệt hại và báo cáo về BCHPCTT&TKCHCN xã;  **NTKN**:  -Đa số các hộ dự trữ lương thực 5-7 ngày ăn; Chủ động chằng chống gia cố nhà cửa trước thiên tai;  - Đa số người dân có kinh nghiệm phòng chống thiên tai.  -Năm 2015 các hộ dân đã được tham gia diễn tập PCTT | Đội xung kích, tổ thường trực có nguy cơ bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ PCTT | Trung bình |
|  | Cư Lạc | 218 | **\*VC**:-Thiếu các phương tiện và trang bị cứu hộ cứu nạn cho đội xung kích, tổ thường trực  -Không có kinh phí hoạt động;  **\*TCXH**: Lưc lượng xung kích hoạt động kém hiệu quả.  - Đội XK thường xuyên thay đổi, một số chưa được đào tạo kiến thức kỹ năng PCTT, thiếu trang thiết bị, chưa được trang bị bảo hộ lao động  - Phụ nữ ít tham gia công tác PCTT.  **\*NTKN**:  -Người dân còn chủ quan chưa chủ động PCTT ( Di dời, chằng chống nhà cửa, dự trữ lương thực); | **\*VC:** Có các điểm sơ tán (nhà kiên cố các hộ ) cho các hộ trong thôn;  **\*TCXH:**  - Có xây dựng kế hoạch PCTT hàng năm, KH cụ thể cho từng địa bàn khu dân cư thực hiện phương châm 4 tại chỗ;  -Tổ thường trực, đội xung kích đã được tập huấn kiến thức PCTT năm 2014,2015, 2016  -Ban lãnh đạo thôn đã tham gia diễn tập năm 2015 tại thôn Ngư Mỹ Thạnh;  Phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, trục phòng chống thiên tai 2424 khi có lệnh của BCHPCTT & TKCHCN xã  -Hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh neo đơn trước, sau thiên tai; thăm hỏi, động viên kịp thời những gia đình bị thiệt hại, đánh giá thiệt hại và báo cáo về BCHPCTT&TKCHCN xã;  **NTKN**:  -Đa số các hộ dự trữ lương thực 5-7 ngày ăn; Chủ động chằng chống gia cố nhà cửa trước thiên tai;  - Đa số người dân có kinh nghiệm phòng chống thiên tai. | -Đội xung kích, tổ thường trực có nguy cơ bị tai nạn khi thực hiện nhiệm vụ PCTT | Trung bình |

## **Giới trong PCTT và BĐKH**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Loại hình Thiên tai/BĐKH** | **Tên Thôn** | **Tổng số hộ** | **TTDBTT** | **Năng lực PCTT TƯBĐKH (Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **Mức độ**  *(Cao, Trung Bình, Thấp)* |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) |
| Lụt, bão, rét hại , hạn hán | Sơn Công |  | -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 11  -Phụ nữ đơn thân:09  -Các hộ gia đình có nhà ỏ thiếu kiên cố; 90% phụ nữ không biết bơi  - Thiếu nhân lực di dời sơ tán, PCTT;  -Thiếu việc làm, thu nhập thấp; đa số các hộ nghèo phụ nữ là trụ cột gia đình  - Phụ nữ ít tham gia tập huấn ( 70% nam tham gia tập huấn).  -Một số ít chị em không quan tâm đến hoạt động PCTT và hoạt động xã hội  -Truyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH chưa được quan tâm, chưa đưa vào sinh hoạt chuyên đề, tiêu chí thi đua của Hội.  -Hội phụ nữ tham gia PCTT theo kế hoạch PCTT của xã, chưa XD kế hoạch PCTT theo chức năng nhiệm vụ của Hội. | - Được hỗ trợ vay vốn phát triển kinh tế hộ gia đình;  -Đa số chị em phụ nữ cần cù chịu khó.  -Phụ nữ tham gia tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương.  - Phụ nữ chịu trách nhiệm quản lý chi tiêu trong gia đình.  -Nam giới quyết định các công việc lớn trong gia đình.  -Vai trò lãnh đạo nam nhiều hơn | -Nhà ở bị sập, hư hỏng  - Thiếu việc làm, thu nhập thấp.  -Sức khỏe bị giảm sút sau thiên tai  -Người có nguy cơ bị thương, chết | Cao |
|  | Hà Lạc | 362 | -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 46  -Phụ nữ đơn thân :65  -Các hộ gia đình có nhà ỏ thiếu kiên cố; 90% phụ nữ không biết bơi  - Thiếu nhân lực di dời sơ tán, PCTT;  -Thiếu việc làm, thu nhập thấp; đa số các hộ nghèo phụ nữ là trụ cột gia đình  - Phụ nữ ít tham gia tập huấn ( 70% nam tham gia tập huấn).  -Một số ít chị em không quan tâm đến hoạt động PCTT và hoạt động xã hội  -Truyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH chưa được quan tâm, chưa đưa vào sinh hoạt chuyên đề, tiêu chí thi đua của Hội.  -Hội phụ nữ tham gia PCTT theo kế hoạch PCTT của xã, chưa XD kế hoạch PCTT theo chức năng nhiệm vụ của Hội. | - Được hỗ trợ vay vốn phát triển kinh tế hộ gia đình;  -Đa số chị em phụ nữ cần cù chịu khó.  -Phụ nữ tham gia tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương.  - Phụ nữ chịu trách nhiệm quản lý chi tiêu trong gia đình.  -Nam giới quyết định các công việc lớn trong gia đình.  -Vai trò lãnh đạo nam nhiều hơn | -Nhà ở bị sập, hư hỏng  - Thiếu việc làm, thu nhập thấp.  -Sức khỏe bị giảm sút sau thiên tai  -Người có nguy cơ bị thương, chết  -Nguy cơ mắc các bệnh phụ khoa | Cao |
|  | Hà Công | 125 | -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 8  -Phụ nữ đơn thân 12  -Các hộ gia đình có nhà ỏ thiếu kiên cố; 90% phụ nữ không biết bơi  - Thiếu nhân lực di dời sơ tán, PCTT;  -Thiếu việc làm, thu nhập thấp; đa số các hộ nghèo phụ nữ là trụ cột gia đình  - Phụ nữ ít tham gia tập huấn ( 70% nam tham gia tập huấn).  -Một số ít chị em không quan tâm đến hoạt động PCTT và hoạt động xã hội  -Truyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH chưa được quan tâm, chưa đưa vào sinh hoạt chuyên đề, tiêu chí thi đua của Hội.  -Hội phụ nữ tham gia PCTT theo kế hoạch PCTT của xã, chưa XD kế hoạch PCTT theo chức năng nhiệm vụ của Hội. | - Được hỗ trợ vay vốn phát triển kinh tế hộ gia đình;  -Đa số chị em phụ nữ cần cù chịu khó.  -Phụ nữ tham gia tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương.  - Phụ nữ chịu trách nhiệm quản lý chi tiêu trong gia đình.  -Nam giới quyết định các công việc lớn trong gia đình.  -Vai trò lãnh đạo nam nhiều hơn | -Nhà ở bị sập, hư hỏng  - Thiếu việc làm, thu nhập thấp.  -Sức khỏe bị giảm sút sau thiên tai  -Người có nguy cơ bị thương, chết  -Nguy cơ mắc các bệnh phụ khoa | Cao |
|  | Tháp Nhuận | 284 | -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 28  -Phụ nữ đơn thân 28  -Các hộ gia đình có nhà ỏ thiếu kiên cố; 90% phụ nữ không biết bơi  - Thiếu nhân lực di dời sơ tán, PCTT;  -Thiếu việc làm, thu nhập thấp; đa số các hộ nghèo phụ nữ là trụ cột gia đình  - Phụ nữ ít tham gia tập huấn ( 70% nam tham gia tập huấn).  -Một số ít chị em không quan tâm đến hoạt động PCTT và hoạt động xã hội  -Truyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH chưa được quan tâm, chưa đưa vào sinh hoạt chuyên đề, tiêu chí thi đua của Hội.  -Hội phụ nữ tham gia PCTT theo kế hoạch PCTT của xã, chưa XD kế hoạch PCTT theo chức năng nhiệm vụ của Hội. | - Được hỗ trợ vay vốn phát triển kinh tế hộ gia đình;  -Đa số chị em phụ nữ cần cù chịu khó.  -Phụ nữ tham gia tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương.  - Phụ nữ chịu trách nhiệm quản lý chi tiêu trong gia đình.  -Nam giới quyết định các công việc lớn trong gia đình.  -Vai trò lãnh đạo nam nhiều hơn | -Nhà ở bị sập, hư hỏng  - Thiếu việc làm, thu nhập thấp.  -Sức khỏe bị giảm sút sau thiên tai  -Người có nguy cơ bị thương, chết | Cao |
|  | Thủy Lập | 580 | -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 71  -Phụ nữ đơn thân 92  -Các hộ gia đình có nhà ỏ thiếu kiên cố; 90% phụ nữ không biết bơi  - Thiếu nhân lực di dời sơ tán, PCTT;  -Thiếu việc làm, thu nhập thấp; đa số các hộ nghèo phụ nữ là trụ cột gia đình  - Phụ nữ ít tham gia tập huấn ( 70% nam tham gia tập huấn).  -Một số ít chị em không quan tâm đến hoạt động PCTT và hoạt động xã hội  -Truyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH chưa được quan tâm, chưa đưa vào sinh hoạt chuyên đề, tiêu chí thi đua của Hội.  -Hội phụ nữ tham gia PCTT theo kế hoạch PCTT của xã, chưa XD kế hoạch PCTT theo chức năng nhiệm vụ của Hội. | - Được hỗ trợ vay vốn phát triển kinh tế hộ gia đình;  -Đa số chị em phụ nữ cần cù chịu khó.  -Phụ nữ tham gia tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương.  - Phụ nữ chịu trách nhiệm quản lý chi tiêu trong gia đình.  -Nam giới quyết định các công việc lớn trong gia đình.  -Vai trò lãnh đạo nam nhiều hơn | -Nhà ở bị sập, hư hỏng  - Thiếu việc làm, thu nhập thấp.  -Sức khỏe bị giảm sút sau thiên tai  -Người có nguy cơ bị thương, chết | Cao |
|  | Mỹ Thạnh | 258 | -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 21  -Phụ nữ đơn thân 36  -Các hộ gia đình có nhà ỏ thiếu kiên cố; 90% phụ nữ không biết bơi  - Thiếu nhân lực di dời sơ tán, PCTT;  -Thiếu việc làm, thu nhập thấp; đa số các hộ nghèo phụ nữ là trụ cột gia đình  - Phụ nữ ít tham gia tập huấn ( 70% nam tham gia tập huấn).  -Một số ít chị em không quan tâm đến hoạt động PCTT và hoạt động xã hội  -Truyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH chưa được quan tâm, chưa đưa vào sinh hoạt chuyên đề, tiêu chí thi đua của Hội.  -Hội phụ nữ tham gia PCTT theo kế hoạch PCTT của xã, chưa XD kế hoạch PCTT theo chức năng nhiệm vụ của Hội. | - Được hỗ trợ vay vốn phát triển kinh tế hộ gia đình;  -Đa số chị em phụ nữ cần cù chịu khó.  -Phụ nữ tham gia tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương.  - Phụ nữ chịu trách nhiệm quản lý chi tiêu trong gia đình.  -Nam giới quyết định các công việc lớn trong gia đình.  -Vai trò lãnh đạo nam nhiều hơn | -Nhà ở bị sập, hư hỏng  - Thiếu việc làm, thu nhập thấp.  -Sức khỏe bị giảm sút sau thiên tai  -Người có nguy cơ bị thương, chết | Cao |
|  | Ngư Mỹ Thạnh | 222 | -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 13  -Phụ nữ đơn thân 31  -Các hộ gia đình có nhà ỏ thiếu kiên cố; 90% phụ nữ không biết bơi  - Thiếu nhân lực di dời sơ tán, PCTT;  -Thiếu việc làm, thu nhập thấp; đa số các hộ nghèo phụ nữ là trụ cột gia đình  - Phụ nữ ít tham gia tập huấn ( 70% nam tham gia tập huấn).  -Một số ít chị em không quan tâm đến hoạt động PCTT và hoạt động xã hội  -Truyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH chưa được quan tâm, chưa đưa vào sinh hoạt chuyên đề, tiêu chí thi đua của Hội.  -Hội phụ nữ tham gia PCTT theo kế hoạch PCTT của xã, chưa XD kế hoạch PCTT theo chức năng nhiệm vụ của Hội. | - Được hỗ trợ vay vốn phát triển kinh tế hộ gia đình;  -Đa số chị em phụ nữ cần cù chịu khó.  -Phụ nữ tham gia tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương.  - Phụ nữ chịu trách nhiệm quản lý chi tiêu trong gia đình.  -Nam giới quyết định các công việc lớn trong gia đình.  -Vai trò lãnh đạo nam nhiều hơn | -Nhà ở bị sập, hư hỏng  - Thiếu việc làm, thu nhập thấp.  -Sức khỏe bị giảm sút sau thiên tai  -Người có nguy cơ bị thương, chết  -Nguy cơ mắc các bệnh phụ khoa | Cao |
| …. | Cư Lạc | 218 | -Phụ nữ làm trụ cột gia đình 28  -Phụ nữ đơn thân 22  -Các hộ gia đình có nhà ỏ thiếu kiên cố; 90% phụ nữ không biết bơi  - Thiếu nhân lực di dời sơ tán, PCTT;  -Thiếu việc làm, thu nhập thấp; đa số các hộ nghèo phụ nữ là trụ cột gia đình  - Phụ nữ ít tham gia tập huấn ( 70% nam tham gia tập huấn).  -Một số ít chị em không quan tâm đến hoạt động PCTT và hoạt động xã hội  -Truyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH chưa được quan tâm, chưa đưa vào sinh hoạt chuyên đề, tiêu chí thi đua của Hội.  -Hội phụ nữ tham gia PCTT theo kế hoạch PCTT của xã, chưa XD kế hoạch PCTT theo chức năng nhiệm vụ của Hội. | - Được hỗ trợ vay vốn phát triển kinh tế hộ gia đình;  -Đa số chị em phụ nữ cần cù chịu khó.  -Phụ nữ tham gia tất cả các hoạt động kinh tế - xã hội của địa phương.  - Phụ nữ chịu trách nhiệm quản lý chi tiêu trong gia đình.  -Nam giới quyết định các công việc lớn trong gia đình.  -Vai trò lãnh đạo nam nhiều hơn | -Nhà ở bị sập, hư hỏng  - Thiếu việc làm, thu nhập thấp.  -Sức khỏe bị giảm sút sau thiên tai  -Nguy cơ mắc các bệnh phụ khoa | Cao |
| …. | ***Ghi chú khác*** | | | | | |

## **Các lĩnh vực/ngành then chốt khác: Không có**

# **Tổng hợp kết quả đánh giá và đề xuất giải pháp**

1. Tổng hợp Kết quả phân tích nguyên nhân rủi ro thiên tai/BĐKH

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thứ tự ưu tiên (\*)** | **Rủi ro thiên tai/BĐKH** | **TTDBTD** | **Nguyên nhân** | **Giải pháp** |
| **1** | - Nhà ở vùng nguy cơ cao, nhà kém an toàn, có nguy cơ bị sụp đổ, hư hỏng | -Số nhà bán kiên cố: 1.331 nhà, Nhà thiếu kiên cố: 183 nhà và 05 nhà đơn sơ bị hư hỏng, tốc mái khi thiên tai xảy ra;  -Số phụ nữ làm trụ cột gia đình: 226 người: Sơn Công 11; Hà Lạc 46; Hà Công 8; Tháp Nhuận 28, Thủy Lập 71, Mỹ Thạnh 21; Ngư Mỹ Thạnh 13; Cư Lạc 28.  -Số phụ nữ đơn thân: **249** người. Trong đó thôn Sơn Công 09, Hà Lạc 65, Hà Công 12, Tháp Nhuận 28, Thủy Lập 92, Mỹ Thạnh 36, Ngư Mỹ Thạnh 31, Cư lạc 22;  -Hộ nghèo 173 hộ. Trong đó thôn Sơn Công 11, Hà Lạc 39, Hà Công 08, Tháp Nhuận 25, Thủy Lập 44; Mỹ Thạnh: 19; Ngư Mỹ Thạnh : 1; Cư Lạc: 4 | - Thiếu kinh phí, kinh tế còn nhiều khó khăn, chưa xây dựng được nhà kiên cố  - Vùng nhân dân ở thấp trũng  -Một số hộ chủ quan không gia cố, chằng chống nhà cửa trước thiên tai  -Thiếu nhân lực chằng chống nhà cửa đặc biệt các hộ đơn thân, phụ nữ là trụ cột gia đình.  -Có 70% hộ gia đình không có kiến thức, kinh nghiệm chằng chống nhà cửa.  -Phong tục tập quán của người dân địa phương thích sinh sống thuận lợi cho canh tác, đất đai của ông bà để lại  -Thiếu nguồn quỹ đất( thôn Ngư Mỹ Thạnh, thôn cư Lạc  -Một số hộ còn trông chờ, ỷ lại, tách hộ để trông chờ hỗ trợ của nhà nước.  -Khả năng vận động nguồn lực còn hạn chế;  -Thiếu kiến thức, kỹ năng chàng chống nhà cửa. | - Hỗ trợ kinh phí để gia cố nhà cửa  - Hỗ trợ vay vốn để xây dựng nhà an toàn.  -Hỗ trợ nhân lực chằng chống nhà cửa trước khi thiên tai xảy ra;  - Hỗ trợ nhân công và nguyên vật liệu để xây dựng hoặc gia cố nhà cửa cho các hộ phụ nữ đơn thân, phụ nữ trụ cột gia đình, hộ nghèo ( thiếu nhân lực);  -Tuyên truyền, phổ biến kiến thức kỹ năng về chằng chống nhà cửa, xây dựng nhà an toàn cho các hộ.  -Tập huấn, tuyên truyền kiến thức PCTT, thích ứng với biến đổi khi hậu cho các hộ dân; các hộ có phụ nữ là trụ cột gia đình, phụ nữ đơn thân.  -Phổ biến, vận động nhân dân thường xuyên nghe các thông tin diễn biến của thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng, thông tin của Ban Chỉ huy PCTT địa phương, các hộ dân phải có trách nhiệm chằng chống nhà cửa, di dời khi có lệnh của địa phương;  -Hướng dẫn vận động cáchooj gia đình XD nhà an toàn. |
| **2** | Mất mùa, giảm năng suất lúa, hoa màu | - Diện tích đất nông nghiệp nằm ở vùng thấp trũng  -Đa số hộ dân còn thiếu kiến thức, khoa học kỹ thuật trồng và chăm sóc lúa hoa màu.  - Chưa có quy hoạch vùng trồng rau màu an toàn , công nghệ cao  - Còn 6,8 km kênh mương thủy lợi làm bằng đất, chưa được kiên cố, bê tông hóa; Hệ thống thủy lợi xuống cấp. | -Hệ thống thoát nước ách tắc, hư hỏng  - Chưa thường xuyên nạo vét kênh mương gây cản trở dòng chảy  -Chưa có hệ thống sản xuất công nghệ cao;  - Một số hộ còn chủ quan trong lịch thời vụ và chọn giống, sản xuất theo phong trào không theo sự khuyến cáo của địa phương  - Chưa liên doanh, liên kết tìm đầu ra cho ra cho sản phẩm | - Hỗ trợ kinh phí để kiên cố hóa kênh mương  - Thường xuyên nạo vét các kênh mương nội đồng.  - Kịp thời cung cấp các loại giống và các chính sách hỗ trợ giống lúa và giống cây trồng năng suất cao. Mở rộng diện tích trồng lúa theo mô hình Việt GAP  - Tuyên truyền và áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất.  -Khuyến cáo các hộ dân dự trữ giống hoa màu ngắn ngày thay thế khi bị thiên tai  - Hướng dẫn tập huấn kỹ thuật phòng tránh rét cho cây trồng vật nuôi.  -Nhân rộng mô hình trồng trọt chăn nuôi, liên doanh, liên kết tìm đầu ra cho sản phẩm.  -Mở rộng làng nghề truyền thống; dạy nghề cho chị em phụ nữ tăng thêm thu nhập, từng bước nâng cao chất lượng cuộc sống;  -Hỗ trợ sinh kế cho phụ nữ nghèo, phụ nữ trụ cột gia đình. |
| **3** | Nguy cơ bùng phát dịch bênh ở người | - Còn lại 363 hộ đang sử dụng nhà vệ sinh tạm  - Thiếu kiến thức về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe;  -Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ còn xả thải trực tiếp ra môi trường | -Ý thức bảo vệ môi trường, quan tâm đến sức khỏe còn hạn chế; hàng năm không đi khám sức khỏe định.  -Tâm lý chủ quan, trông chờ ỉ lại của người dân;  -Chưa chấp hành tốt công tác tiêm phòng;  -Biện pháp xử lý vi phạm môi trường thiếu cương quyết.  -Chưa có biện pháp xử lý triệt để với các hộ dân chăn nuôi gây ô nhiễm môi trường; | -Phát động chiến dịch vệ sinh môi trường.  -Vận động người dân làm tốt công tác VSMT.  -Tăng cường xử lý triệt để các hộ không chấp hành  -Quan tâm có chế độ ưu tiên cho người nghèo, hộ cận nghèo.  -Nâng cao ý thức tự giác của cộng đồng  -Tuyên truyền kiến thức vệ sinh, sức khỏe, môi trường trong và sau thiên tai.  -Tuyên truyền, hướng dẫn kiến thức sức khỏe sinh sản cho chị em phụ nữ, vận động chị em tích cực tham gia các hoạt động. |
| **4** | Gia súc, gia cầm bị chết, trôi, dịch bệnh khi bão, lụt xảy ra | - Đa số chuồng trại làm tạm bợ  - Một số hộ chủ quan, thiếu kiến thức phòng trừ bệnh cho gia súc, gia cầm .  - Đa số các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chưa mạnh dạn đầu tư vốn chăn nuôi tập trung.  - Chưa tìm được đầu ra ổn định  Đa | - Chuồng trại chưa được kiên cố  - Một số hộ vẫn còn chủ quan, chưa tuân thủ theo lịch tiêm phòng dịch bệnh gia súc gia cầm  - Việc chôn, lấp xác súc vật, gia súc gia cầm chưa triệt để, vẫn còn hiện tượng vứt bừa bãi gây ô nhiễm môi trường  - Thiếu kiến thức, kỹ thuật chăn nuôi (chủ yếu theo kinh nghiệm).  -Chưa tập trung chăn nuôi thành hàng hóa, chưa liên doanh, liên kết để tìm đầu ra ổn định  - Chưa dự trữ thức ăn cho gia súc, chưa có nguồn thức ăn ổn định | - Tuyên truyền vận động các hộ chủ động gia cố chuồng trại đảm bảo; sơ tán gia súc, gia cầm khi cần thiết;  - Chuyển giao khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi, đinh hướng chăn nuôi gia súc, gia cầm có giá trị kinh tế cao.  - Quy hoạch Nhân rộng mô hình chăn nuôi theo hình thức gia trại, trang trại  -Quy hoạch diện tích trồng cỏ, hướng dẫn người dân dự trữ thức ăn cho gia súc gia cầm.  - Hỗ trợ cung cấp con giống tốt đạt năng suất cao cho người dân.  - Có các biện pháp chế tài đối với các hộ chưa chấp hành theo lịch tiêm phòng dịch bệnh.  - Phun tiêu độc khử trùng chuồng trại sau thiên tai |
| **5** | Đường giao thông liên thôn bị sạt lở khi thiên tai xảy ra | - 1km đường giao thông liên xã, 9,9km đường liên thôn, 21,5 km đường nội đồng chưa được kiên cố bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra | - Chưa có kinh phí đầu tư XD  - Khả năng vận động nguồn lực còn thấp; Một bộ phận người dân chưa tích cực tham gia đóng góp | -Vận động nguồn kinh phí để xây dựng đường giao thông liên thôn từ các chương trình, dự án .  -Vận động nhân dân tham gia đóng góp, bảo quản sử dụng đường giao thông liên thôn. |
| **6** | Nhà văn 8/8 thôn có nguy cơ bị tốc mái, sụp đổ | - Nhà văn hóa bán kiên cố, xây dựng đã lâu, bị xuống cấp: Thôn Hà Công, Mỹ Thạnh | - Chưa có kinh phí đầu tư, nâng cấp  - Nguồn kinh phí của Nhà nước đang còn hạn chế.  - Khả năng vận động nguồn lực tại chỗ còn hạn chế. | - Vận động nhân dân đóng góp cùng với Nhà nước tu sửa, nâng cấp.  - Kêu gọi các tổ chức, cá nhân xây dựng 02 nhà văn hóa thôn: Hà Công, Mỹ Thạnh; |
| **7** | Lều quán, cơ sở buôn bán dịch vụ du lịch bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra | -Có 10 hộ kinh doanh du lịch nằm ven Phá Tam Giang  -6 nhà hàng kinh doanh ăn uống, dịch vụ cưới khu du lịch  -Lều quán tạm bợ | -Thiếu kiến thức PCTT, BĐKH  - Các hộ dân chủ quan chưa chủ động di dời sơ tán  -Lều quán chưa được đầu tư  -Không có nơi để cất giữ hàng hóa khi thiên tai xảy ra | -Tuyên truyền, tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH  -Vận động các hộ kinh doanh khu vực chợ, khu du lịch cần chủ động chằng chống, gia cố và di dời khi có thông báo diễn biến thiên tai  -Trang bị đầy đủ các phương tiện cứu hộ cứu nạn, các phương tiện cảnh báo sớm  -Tập huấn, đào tạo nghề về du lịch, dịch vụ thương mại, kinh doanh ăn uống cho chị em phụ nữ, tạo việc làm cho chị em.  -Mở rộng, kêu gọi đầu tư khu du lịch, quảng bá thương hiệu du lịch, thành lập hợp tác xã dịch vụ vận tải du lịch đường biển. |
| **8** | Hệ thống thủy lợi, đê ngăn mặn bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra | - Hệ thống kênh mương chưa kiên cố **6,8 km** tại các thôn; Công Sơn 0,8, Hà lạc 1,8;Hà Công:0;Tháp Nhuận 1,2 Thủy Lập 2,3; Mỹ Thạnh 0,7km;  -6km đê bao ngăn mặn ( đường quốc phòng) bị sạt lở hư hỏng khi thiên tai xảy ra | - Không được nạo vét thường xuyên  - Chưa được đầu tư xây dựng  - Một số hộ tham gia đóng góp còn hạn chế  -Chưa vận động được nguồn lực để xây dựng | - Cần có kế hoạch nạo vét thường xuyên  - Vận động nhân dân tham gia đóng góp cùng với ngồn vốn của Nhà nước để đầu tư xây dựng hệ thống kênh mương.  -Kiên cố hóa 6,8 km kênh mương  -Kiên cố hóa 6km đê ngăn mặn |
| **9** | Ô nhiễm môi trường, sau bão, lụt | - Còn lại 363 hộ đang sử dụng nhà vệ sinh tạm  - Ý thức bảo vệ môi trường của một số hộ dân còn hạn chế.  -Chưa có hệ thống cống rãnh thoát nước sinh hoạt | - Do địa phương ỏ cuối sông Ô lâu, rác thải từ thượng nguồn đổ về;  -Một số hộ sử dụng thuốc trừ sâu, thuốc tẩy lừ chưa đúng quy trình  -Các hộ chăn nuôi thải trực tiếp ra môi trường.  -Hộ nghèo, cận nghèo chưa có kinh phí xây dựng nhà vệ sinh;  -Do tập quán sinh sống của người dân  -Một số hộ dân còn trông chờ, ỷ lại  -Các hộ dân chưa chủ động khơi thông cống rãnh, phát quang bụi rậm xung quanh nhà.  - Thiếu kiến thức về vệ sinh môi trường, BĐKH.  - Công tác tuyên truyền vận động về vệ sinh phòng bệnh còn hạn chế, đặc biệt trước trong và sau thiên tai xảy ra  -Khu vực chợ còn chưa đảm bảo vệ sinh, một số hộ kinh doanh còn chưa chấp hành tốt công tác VSMT còn xả rác bừa bãi | - Có kế hoạch tiêu độc, khử trùng thường xuyên ; Huy động nguồn nhân lực, phương tiện, bố trí kinh phí để xử lý môi trường;  -Trồng rừng ngập nước, hạn chế rác bèo  - Tuyên truyền, vận động nhân dân dọn dẹp làm vệ sinh môi trường. Tập huấn kiến thức bảo vệ môi trường;  - Tuyên truyền, vận động người dân phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh xung quanh nơi ở, khu dân cư;  -Quy hoạch,hướng dẫn các hộ xây dựng cống rãnh thoát nýớc, xử lý nước thải sinh hoạt.  -Có biện pháp xử lý đối với các hộ kinh doanh khu vực chợ không chấp hành vệ sinh môi trường; quy ước làng, xã  -Tập huấn kiến thức VSMT, nước sạch;  -Vận động nhân dân không đốt rác, không đốt rơm rạ sau khi thu hoạch.  - Vận động hỗ trợ các hộ nghèo XD nhà vệ sinh |
| **10** | Người có thể bị thương, chết khi thiên tai xảy ra | - Số đối tượng dễ bị tổn thương cao : 2.574 người; Số phụ nữ làm trụ cột gia đình: 226 người; Số phụ nữ đơn thân: **249** người; Hộ nghèo 173 hộ; Hộ Cận nghèo: Nghèo 20;  -01 đò ngang tại khu du lịch Cồn tộc đi xã Quảng Ngạn nguy cơ cao khi thiên tai xảy ra.  -8/8 thôn có nhà văn hóa là nhà bán kiên cố ( nhà văn hóa thôn Mỹ Thạnh xuống cấp, có nguy cơ mất an toàn);  - Thiếu các trang thiết bị cá nhân về cứu hộ cứu nạn từ xã đến các thôn.  -Thiếu kiến thức PCTT, BĐKH; thiếu kinh nghiệm, năng lực PCTT, thích ứng BĐKH ; | -Một số các hộ dân còn chủ quan, thiếu kiến thức PCTT, BĐKH  -Các hộ còn chưa chủ động chặt tỉa cành cây, chằng chống nhà cửa trước khi thiên tai; Khi đi đánh bắt không mang áo phao và các phương tiện cảnh báo.  -Các hộ dân chưa chủ động trang bị bảo hộ cá nhân, cứu hộ cứu nạn  -Thay đổi thời tiết đột ngột, khả năng thích ứng của các đối tượng DBTT thấp  -Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH, sức khỏe vệ sinh môi trường còn hạn chế.  -Cầu ngang thôn Thủy lập hẹp thấp mất an toàn khi thiên tai xảy ra.  -Công tác tuyền thông kiến thức PCTT, BĐKH trong các nhà trường chưa được làm thường xuyên;  -Các trường thiếu tài liệu truyền thông, góc giảm thiểu RRTT; | -Tiếp tục kêu goi vận động nguồn lực xây dựng nhà tránh trú cộng đồng thôn Mỹ Thạnh  -Mua sắm trang thiết bị cứu hộ cứu nạn cho lực lượng tham gia công tác PCTT từ xã đến thôn  -Nâng cao kiến thức về PCTT, Cứu hộ cứu nạn cho người dân  -Tổ chức diễn tập PCTT, BĐKH.  -Vận động các hộ đánh bắt mua sắm trang thiết bị cứu hộ cứu nạn và phương tiện cảnh báo  -Di dời các hộ dân ở vùng nguy cơ cao đến nơi ở an toàn  - Không cho vận hành đò ngang khi có diến biến của thiên tai.  -Cắm biển cảnh báo tại khu cầu giữa thôn Thủy Lập không cho xe qua lại  -Tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH, Giới, bảo vệ môi trường, sơ cấp cứu cho giáo viên và HS;  -Hướng dẫn, hỗ trợ các nhà trường xây dựng góc giảm thiểu RRTT.  -Thường xuyên kiểm tra đò ngang để đảm bảo an toàn cho du khách và người dân. |
| **11** | Thuyền, ngư lưới cụ bị hư hỏng, mất mùa, giảm năng suất nuôi trồng và đánh bắt. | -300 thuyền máy, 444 thuyền không gắn máy tham gia đánh bắt;  - Có số hộ đánh bắt 293 với 744 phương tiện ( thuyền); 500 hộ đánh bắt bằng lừ nỏ sáo;  -115 hộ nuôi trồng thủy sản mặt nước và nuôi cá lồng  -6km đê bao ngăn mặn chưa kiên cố | -Người dân chủ quan không chủ động đưa ngư lưới cụ vào nơi an toàn  -Hệ thống âu thuyền chưa đảm bảo;  -Thiếu kiến thức, kỹ năng neo đậu tàu thuyền  -Các hộ tham gia đánh bắt còn chủ quan, thiếu kiến thức về PCTT;  -Độ ngọt tăng nhanh khi lũ lụt  -Ý thức bảo vệ môi trường nguồn lợi thủy sản của người dân còn hạn chế | -Tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH cho các hộ tham gia đánh bắt  -Tập huấn kiến thức Sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn  -Tổ chức diễn tập, xử lý tình huống khi có thiên tai xảy ra. -Có biện pháp xử lý đối với các hộ không chấp hành việc di dời sơ tán,sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động khi tham gia đánh bắt, nuôi trồng .  -Qui hoạch nơi neo đậu tàu thuyền thôn: Ngư Mỹ Thạnh, Cư Lạc, Hà Công  -Quy hoạch vùng nuôi, định hướng các hộ dân nuôi trồng các loại thủy sản có giá trị kinh tế.  -Tập huấn kiến thức nuôi trồng thủy sản đúng thời vụ, kiến thức nuôi trồng thủy sản  -Tuyên truyền, vận động người dân bảo vệ nguồn lợi thủy sản, không đánh bắt các ngư lưới cụ mang tính hủy diệt : dã cào, kích điện… |

**2. Tổng hợp giải pháp PCTT, thích ứng với BĐKH:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhóm ngành**  **/lĩnh vực (\*)** | **Các giải pháp đề xuất (\*\*)** | **Địa điểm và đối tượng hưởng lợi** | **Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp** | **Thời gian dự kiến** | | | **Nguồn ngân sách dự kiến** | | |
| **Ngắn hạn**  *( 1-2 năm)* | Trung hạn  (2-3 năm) | **Dài hạn**  *(4 -5 năm)* | Nhà nước | Người dân | Hỗ trợ bên ngoài |
| 1.An toàn với người dân và cộng đồng nói chung và tách biệt giải pháp về giới | Nâng cao năng lực cho cộng đồng về PCTT, Thích ứng vói BĐKH | Toàn xã | 1.Tập huấn kiến thức về PCTT, BĐKH cho người dân; Phụ nữ, phụ nữ đơn thân, phụ nữ là trụ cột gia đình; Phụ nữ nghèo | **x** |  |  | 30% | 20% | GCF  50% |
|  |  |  | 2.Hỗ trợ các hộ đơn thân, phụ nữ trụ cột gia đình, các hộ có các đối tượng DBTT di dời, sơ tán, thu hoạch lúa, hoa màu khi có thể | **x** |  |  | x |  |  |
| 3.Các điểm di dời đến ( khi sơ tán) |  | x |  | x |  |  |
| Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, | Năng cấp đường dây điện chiếu sáng từ công tơ đến các hộ gia đình | Toàn dân | 1.Vận động nguồn lực nâng cấp hệ thống điện lưới | **x** |  |  |  | 30% | Ngành điện  70% |
| Nâng cấp hệ thống đường giao thông đảm bảo an toàn cho dân sinh và PCTT | Các thôn | 2. 1km đường giao thông liên thôn  3.Đầu tư bê tông hóa 15.45km đường giao thông nội đồng |  | x |  | 70% | 30% |  |
|  | Đầu tư, nâng cấp hệ thống thủy lợi đảm bảo tưới tiêu, an toàn cho người dân | Sơn Công, Hà Lạc , Hà Công, Tháp Nhuận, Thủy Lập, Mỹ Thạnh | 1.Đầu tư XD 6,8 km kênh mương chưa kiên |  | x |  | 70% | 30% |  |
| Các thôn | 2.Kiên cố hóa 6km đê ngăn mặn phá Tam Giang |  | x |  | 100% |  |  |
| Thôn 03 thôn: Cư Lạc, Ngư Mỹ Thạnh, Hà Công | 3.Quy hoạch nơi neo đậu tàu thuyền |  | x |  | 100% |  |  |
|  | 4.Tập huấn, hướng dẫn cách neo đậu tàu thuyền theo đúng kỹ thuật cho nam giới | X |  |  | 100% |  |  |
| Nhà ở | Nâng cao chất lượng nhà ở cho các hộ dân có nhà ở thiếu kiên cố, bán kiên cố, đơn sơ | Các hộ dân | 1. Vận động nguồn lực xây dựng 05 nhà tạm bợ, 183 nhà thiếu kiên cố . | x |  |  | 10% | 50% | GCF 40% |
| 2. Hỗ trợ, tư vấn cho 1.331 nhà bán kiên cố tu sửa, chằng chống, nâng cấp nhà an toàn |  | x |  | 10% | 70% | GCF 20% |
| 3. Hỗ trợ xây nhà tránh trú cộng đồng thôn Mỹ Thạnh, thôn Hà Công; |  | x |  | 40% | 30% | GCF 30% |
| Nước sạch, vệ sinh và môi trường | Nâng cao năng lực địa phương về nước sạch vệ sinh môi trường thích ứng với BĐKH | Người dân toàn xã | 1.Tập huấn, tuyên truyền kiến thức vệ sinh môi trường, hướng dẫn cách tiêu độc khử trùng, xử lý súc vật chết sau thiên tai; |  | x |  | 20% | 30% | 50% |
| 2..Vận động hỗ trợ 363 hộ nghèo làm nhà vệ sinh; 84 hộ sử dụng giếng khoan | x |  |  | 40% | 30% | 30% |
| 3. Tuyên truyền, vận động các hộ dân khơi thông cống rãnh, phát quang bụi rậm, tiêu độc khử trùng khu dân cư | x |  |  | 20% | 80% |  |
| 4. Kiểm tra, giám sát và xử phạt nghiêm minh hành vi vi phạm về VSMT ( vứt, xả rác thải bừa bãi) | x |  |  | 100% |  |  |
| 5. Quy hoạch chăn nuôi theo hình thức trang trại, gia trại | x |  |  | 100% |  |  |
| 6.Tuyên truyền vận động, hỗ trợ các hộ chăn nuôi gia súc làm hầm Biogas | x |  |  | 50% | 50% |  |
| Y tế, quản lý dịch bệnh | Nâng cao kiến thức chăm sóc sức khỏe, nước sạch vệ sinh môi trường cho người dân | 8/8 thôn | 1.Tuyên truyền kiến thức sức khỏe vệ sinh môi trường cho người dân; | Hàng năm |  |  | 100% |  |  |
| 2.Tổ chức tập huấn, hướng dẫn chị em phụ nữ kiến thức chăm sóc sức khỏe trong và sau thiên tai | x |  |  | 70% | 530% |  |
| 3. Tổ chức khám và tư vấn về sức khỏe sinh sản cho chị em phụ nữ |  |  |  | 100% |  |  |
| 4.Tổ chức khám chữa bệnh cho người già, trẻ em, hộ nghèo. | X |  |  | 30% |  | 70% |
| 5.Hướng dẫn các hộ dân trồng và sử dụng thuốc nam thông thường | x |  |  | 50% | 50% |  |
|  |  |  | 6.Tập huấn kiến thức sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn cho lực lượng xung kích, tham gia PCTT, các hộ đánh bắt, nuôi trồng, các hộ làm du lịch . | x |  |  | 30% | 20% | 50% |
| Giáo dục | Nâng cao kiến thức PCTT, BĐKH , giới, luật bảo vệ và chăm sóc trẻ em | Giáo viên, học sinh | 1.Tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH, giới, luật chăm sóc và bảo vệ trẻ em | x |  |  | 50% |  | 50% |
| 2.Tập huấn sơ cấp cứu cho nhóm nòng cốt trong các nhà trường và giáo viên | x |  |  | 30% |  | 70% |
| 3.Tổ chức truyền thông, kiến thức PCTT, BĐKH, Bảo vệ môi trường thông qua các giờ học ngoại khóa; Tổ chức hội thi tìm hiếu kiến thức PCTT, BĐKH | x |  |  | 100% |  |  |
|  |  |  | 4.Hỗ trợ bể bơi cho trường tiểu học, THCS; | x |  |  | 30% |  | 70% |
|  |  |  | 5. Hướng dẫn, hỗ trợ các trường xây dựng góc giảm thiểu rủi ro thiên tai, cung cấp các tờ rơi, tranh lật, trang thông tin về PCTT, BĐKH | x |  |  | 30% |  | 70% |
|  |  |  | 6.Tổ chức dạy bơi cho các em học sinh | x |  |  | 50% | 50% |  |
| Trồng rừng |  | Các hộ gia đình, công sở | 1. Tổ chức trồng bổ sung diện tích rừng hiện có và rừng phân tán |  | x |  | 20% | 80% |  |
| 2. Hướng dẫn các hộ dân trồng rừng phân tán, trồng cây ăn quả phù hợp với ĐK khí hậu địa phương có giá trị kinh tế cao khu vực dân cư |  | x |  | 50% | 50% |  |
| 3. Quy hoạch, tìm đầu ra cho cây ăn quả có gí trị kinh tế cao |  |  |  | 100% |  |  |
| 4.Mở rộng diện tích rừng phân tán, rừng hiện có | x |  |  | 50% | 50% |  |
|  |  |  | 5.Tuyên truyền kiến thức phòng cháy chữa cháy rừng đến người dân | x |  |  | 100% |  |  |
|  |  |  | 6.Trang cấp đầy đủ trang thiết bị bảo hộ cá nhân cho lực lượng bảo vệ rừng ( nam ) | x |  |  | 100% |  |  |
| Trồng trọt | Tập huấn nâng cao năng lực nhận thức và chuyển giao KHKT trồng trọt tạo công ăn việc làm cho phụ nữ | Phụ nữ toàn xã  Toàn xã | 1. Nhân rộng mô hình trồng rau an toàn, mô hình trồng hoa quả có giá trị kinh tế cao. | x |  |  | 100% |  |  |
| 2. Quy hoạch cánh đồng mẫu lớn, nhân rộng mô hình trồng lúa theo tiêu chuẩn VIETGAP, tìm đầu ra cho sản phẩm. |  |  |  | 70% | 30% |  |
| 3.Khuyến cáo các hộ dân trồng các loại rau màu có giá trị kinh tế cao, sử dụng phân bón hữu có đảm bảo an toàn thực phẩm; Liên doanh, liên kết tìm đầu ra cho các sản phẩm từ các loại rau màu |  | x |  | 100% |  |  |
| 4.Tập huấn chuyển giao KHKT trồng trọt cho các hộ dân | x |  |  | 50% |  | 50% |
| Chăn nuôi | Tập huấn chuyển giao KHKT về chăn nuôi | Toàn xã | 1. Tập huấn chuyển giao KHKT chăn nuôi | x |  |  | 50% | 20% | GCF 30% |
| 2. Tiếp tục quy hoạch chăn nuôi theo hướng sản xuất hàng hóa, tìm đầu ra cho sản phẩm chăn nuôi |  |  |  | 80% | 20% |  |
| 3.Quy hoạch, mở rộng diện tích trồng cỏ, hướng dân các hộ dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm trước mùa thiên tai |  |  |  | 50% | 50% |  |
| 4. Tìm đầu ra cho chăn nuôi, nhân rộng mô hình chăn nuôi gà, chăn nuôi bò theo mô hình trang trại |  | x |  | 50% | 50% |  |
| Du lịch | Kêu gọi đầu tư, mở rộng quảng bá thương hiệu du lịch trải nghiệm- du lịch cộng đồng từng bước trở thành ngành nghề chính của địa phươn | Toàn xã | 1.Kêu gọi đầu tư, quảng bá thương hiệu thu hút khách du lịch trong và ngoài nước |  |  | x | 70% | 30% |  |
| 2.Mở rộng loại hình kinh doanh dịch vụ du lịch: Hómtay, Nhà hàng, du lịch sinh thái, nhà trưng bày ngư lưới cụ |  |  | x | 70% | 30% |  |
| 3.Thu hút lực lượng lao động có tay nghề, ngoại ngữ |  |  | x | 100% |  |  |
|  |  |  | 5.Tổ chức các lớp dạy nghề về phục vụ du lịch: nấu ăn, hướng dẫn viên, thuyền viên |  |  | x |  |  | Tổ chức, doanh nghiệp |
| Tiểu thủ công nghiệp | Nâng cao chất lượng, phát triển làng nghề hiện có tăng thu nhập cho người dân | -Thôn Thủy lập  - Phụ nữ các thôn | 1.Kêu gọi đầu tư trang thiết bị cơ sở vật chất cho làng nghề hiện có của địa phương. |  | x |  | 70% | 30% |  |
| 2. Nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa tăng thu nhập cho người dân |  | x |  | 70% | 30% |  |
|  |  |  | 3. Quảng bá thương hiệu sản phẩm làm ra, tìm đầu ra cho hàng hóa mây tre đan, mỹ nghệ |  |  |  | 100% |  |  |
|  |  |  | 4. Đào tạo nghề cho số chị em đơn thân, phụ nữ nghèo, phụ nữ trụ cột gia đình, tạo việc làm. |  | x |  | 70% | 30% |  |
| Thủy sản | Nâng cao năng lực cho các hộ đánh bắt, nuôi trồng thủy sản phát triển kinh tế và an toàn trước thiên tai | Các hộ đánh bắt nuôi trồng | 1.Tuyên truyền vận động các hộ dân đánh bắt, bảo vệ nguồn lợi thủy sản, bảo vệ môi trường | x |  |  | 100% |  |  |
| 2.Tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH kỹ năng sơ cấp cứu cứu hộ, cứu nạn cho lao động đánh bắt | x |  |  | 30% | 20% | GCF 50% |
|  |  | 3.Qui hoạch nơi neo đậu tàu thuyền thôn: Ngư Mỹ Thạnh, Cư Lạc, Hà Công |  | x |  | 100% |  |  |
|  |  | 4.Quy hoạch vùng nuôi, định hướng các hộ dân nuôi trồng các loại thủy sản có giá trị kinh tế. |  | x |  | 100% |  |  |
|  |  | 5 Tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH, kiến thức kỹ năng nuôi trồng cho các hộ nuôi trồng thủy sản | x |  |  | 30% | 20% | GCF  50% |
|  | Nâng cao kiến thức về luật hôn nhân gia đình và bình đẳng giới cho cả nam và nữ. | Nam/ nữ toàn xã | 1.Tổ chức tập huấn cho nam và nữ về luật hôn nhân gia đình; bảo vệ bà mẹ trẻ em … | x |  |  | 100% |  |  |
|  | 2.Tuyên truyền kiến thức về hôn nhân gia đình, bảo vệ bà mẹ trẻ em | x |  |  | 100% |  |  |
|  | 3.Sinh hoạt chuyên đề, tổ chức hội thi tìm hiểu | x |  |  | 100% |  |  |
| Phòng chống thiên tai, BĐKH | Mua sắm trang thiết bị và tập huấn kỹ năng cho đội cứu hộ, cứu nạn, đội xung kích Chữ thập đỏ | Đội xung kích cứu hộ, cứu nạn xã, thôn | 1. Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn | X |  |  | 30% |  | GCF 70% |
| 2.Tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu cho đội xung kích CTĐ. | x |  |  | 30% |  | GCF 70% |
| Sơ tán di dời những người sống trong các nhà ở thiếu kiên cố, nhà tạm bợ, các nhà ở vùng nguy cơ cao đến nơi an toàn | Người dân vùng nguy cơ cao  1.331 hộ có nhà bán kiên cố và 145 hộ có nhà thiếu kiên cố, 05 hộ có nhà đơn sơ đến nơi ở an toàn | 1. Hỗ trợ sơ tán đối tượng DBTT, phụ nữ đơn thân, phụ nữ là trụ cột gia đình. | x |  |  | 100% |  |  |
| 2. Tổ chức sơ tán các hộ dân vùng nguy cơ cao các thôn ven phá Tam Giang | x |  |  | 50% | 50% |  |
| 3.Hướng dẫn người dân chuẩn bị lương thực, nhu yếu phẩm cần thiết khi đi sơ tán; | x |  |  | 100% |  |  |
| Nâng cao kiến thức PCTT, BĐKH cho cộng đồng | 1.Tập huấn PCTT, BĐKH cho người dân và học sinh các trường học | x |  |  | 30% | 20% | GCF 50% |
| 2.Tuyên truyền kiến thức PCTT, BĐKH qua hệ thống loa truyền thanh | x | x |  | 100% |  |  |
| 3.Lắp đạt Pano, áp phích có nội dung phòng tránh thiên tai, BĐKH tại các nơi công cộng ( UBND xã, trường học, chợ) |  | x |  |  |  | GCF  100% |
| 4.Diễn tập PCTT, BĐKH | x |  |  | 30% | 20% | GCF 50% |
| 5.Cắm biển cảnh báo tại các thôn và khu vực bến đò, phá Tam Giang | x |  |  | 50% |  | 50% |
|  | 6.Lồng ghép qua các hoạt động văn hóa văn nghệ, hội thi tìm hiểu kiến thức PCTT, BĐKH. | x | x |  | 50% | 30% | 20% |
| 7. Xử lý vệ sinh môi trường sau thiên tai | x |  |  | 30% | 70% |  |

1. Một số ý kiến tham vấn của các cơ quan ban ngành trong xã:

- Nhà văn hóa của 8/8 thôn bán kiên cố chưa phải là kiên cố đặc biệt là nhà văn hóa thôn Mỹ Thạnh, thôn Hà Công, xây dựng đã lâu xã cần có kế hoạch vận động nguồn lực xây dựng sớm;

- 6 km đê ngăn mặn cần đề xuất với huyện tỉnh sớm đầu tư xây dựng kiên cố để đảm bảo sản xuất và an toàn cho người dân.

1. Một số ý kiến kết luận của Chủ tịch UBND xã:

2.1.Trong 08 ngày tập huấn, đánh giá tại xã và các thôn nhóm HTKT và nhóm giảng viên đã làm việc với tinh thần trách nhiệm cao ( cả ngày thứ 7, CN) :

- Báo cáo đánh giá RRTT chi tiết, đầy đủ thông tin, sát với tình hình thực tế của địa phương; số liệu chi tiết của 8 thôn, đưa ra được bức tranh tổng thể về điểm mạnh, điểm yếu trong công tác PCTT; Thích ứng với BĐKH của địa phương. Đặc biệt báo cáo đã đi sâu phân tích về những rủi ro thiên tai, nguyên nhân và đưa ra được giải pháp phòng chống thiên tai, thích ứng với BĐKH, phát tiển kinh tế xã hội bền vững phù hơp với thực tế của địa phương.

- Ngoài ra nhóm giảng viên đã hỗ trợ tích cực cho nhóm HTKT của xã xây dựng được kế hoạch PCTT giai đoạn 2018-2023 đây là cơ sở để địa phương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội những năm tiếp theo.

2.2. Một số đề xuất của địa phương đối với huyện, tỉnh và Trung ương :

Để có các biện pháp giúp cho địa phương và người dân xã Quảng Lợi chủ động phòng chống thiên tai, ổn định đời sống phát triển kinh tế-xã hội và hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do thiên tai gây ra, cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân xã Quảng Lợi kính đề nghị các ban, ngành cấp huyện, tỉnh và Trung ương, dự án GCF quan tâm hỗ trợ đầu tư một số nội dung sau:

- Hỗ trợ xây dựng 183 nhà thiếu kiên cố, 05 nhà đơn sơ đảm bảo an toàn cho người dân trong PCTT.

- Hỗ trợ nguồn lực xây dựng 01 âu thuyền tại thôn Cư Lạc để ghe đò vào tránh bão

- Hỗ trợ xây dựng 02 nhà PCTT tại thôn Hà Công, thôn Mỹ Thạnh để di dời, sơ tán nhân dân khi thiên tai xảy ra.

- Hỗ trợ nguồn lực bê tông hóa 15.45 km đường giao thông nội đồng, hệ thống kênh mương thủy lợi;

-Tập huấn để nâng cao năng lực cho Cán bộ và người dân trong PCTT

- Hỗ trợ kinh phí mua sắm các trang thiết bị bảo hộ cho BCH PCTT xã, đội TNXK và tổ thường trực của các thôn để đảm bảo cho công tác PCTT, cứu hộ, cứu nạn khi thiên tai xảy ra.

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống cảnh báo thiên tai, loa cầm tay để đảm bảo thông tin liên lạc trong PCTT.

- Đầu tư kiên cố hóa 6km đê ngăn mặn

**Xác nhận tiếp nhận kết quả đánh giá rủi ro thiên tai của xã**

**TM UBND Xã**

**(đã ký)**

# **Phụ lục**

## **Phụ lục 1: Danh sách người tham gia đánh giá**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Chức vụ - Đơn vị công tác** | **Giới tính** | | **Số điện thoại** |
| Nam | Nữ |
| 1 | Nguyễn Văn Ngôn | CB Văn hóa | x |  | 01659871266 |
| 2 | Nguyễn Duy Công | Công An xã | x |  | 0986192812 |
| 3 | Hà Quang Trung | Xã đội trưởng | x |  | 0981121854 |
| 4 | Lê Văn Thiên | CB Địa chính | x |  | 0985959027 |
| 5 | Ngô Thị Hiền | CB Văn phòng |  | x | 0934745623 |
| 6 | Văn Hữu Tụy | Chủ tịch MTTQ | x |  | 0924706029 |
| 7 | Hồ Thị Lan | PBT Đoàn Thanh niên |  | x | 0935368187 |
| 8 | Hoàng Xuân Bưởi | Chủ tịch Hội CCB | x |  | 0977608838 |
| 9 | Trần Lý | Hội đồng ND xã | x |  | 01225445991 |
| 10 | Hà Binh | CB Văn hóa | x |  | 0979052914 |
| 11 | Thái Thị Kim Chi | VP –UBND xã |  | x | 01683657475 |
| 12 | Nguyễn Hiền | PCT UBND xã, Trưởng nhóm HTKT | x |  | 09837755514 |
| 13 | Đăng Ngọc Dũng | Văn phòng UBND | x |  | 0983224803 |
| 14 | Đặng Văn Thành | Trưởng thôn – Cư Lạc | x |  | 0979015501 |
| 15 | Hoàng Thị Nết | Chủ tịch Hội Phụ nữ |  | x | 0977892541 |

## **Phụ lục 2: Các bảng biểu, bản đồ lập ra trong quá trình đánh giá theo hướng dẫn**

## **Phụ lục 3: Ảnh chụp một số hoạt động đánh giá**

## **Một số kiến thức tham khảo chung về Đánh giá rủi ro thiên tai** [[5]](#footnote-6)

#### **Khái niệm**

Đánh giá rủi ro là “Một phương pháp xác định bản chất và mức độ rủi ro bằng cách phân tích các thiên tai có thể xảy ra và đánh giá các điều kiện hiện tại của tình trạng dễ bị tổn thương mà có thể gây hại cho con người, tài sản, các dịch vụ, các hoạt động sinh kế và môi trường trong khu vực nguy hiểm.” (UNISDR, 2009 và dự thảo Thuật ngữ 2016).



Việc đánh giá rủi ro thiên tai[[6]](#footnote-7) bao gồm nhận định và phân tích các nội dung liên quan đến:

1. nhận định đặc điểm của các hiện tượng thiên tai như vị trí, tần suất, cấp độ, cường độ và xác suất xảy ra;
2. phân tích mức độ bị phơi bày của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai;
3. phân tích điều kiện dễ bị tổn thương của người và sự vật với các hiện tượng thiên tai đó ở mọi góc độ xã hội, y tế, kinh tế, môi trường;
4. đánh giá hiệu quả năng lực sẵn có hoặc các năng lực thay thế (dự phòng) để có thể đối phó với các tình huống thiên tai khác nhau[[7]](#footnote-8) ;

Việc đưa ra định nghĩa hay khái niệm về đánh giá rủi ro thiên tai chỉ mang tính tương đối và còn chưa hoàn toàn nhất quán về cách tiếp cận và phương pháp[[8]](#footnote-9). Bản thân công tác quản lý rủi ro thiên tai cũng còn khá mới so với các lĩnh vực phát triển khác trên toàn cầu (khoảng từ đầu những năm 1990). Tại các quốc gia, việc quản lý rủi ro thiên tai trong những thập kỷ trước kia đa phần tập trung nhiều vào các công tác ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai hơn là coi đây là một mặt của vấn đề phát triển.



**KHÍ H?U**

**s? ki?n khí**

**h?u / th?i ti?t**

**c?c ?oan**

**M?c ?? ph?i**

**bày tr??c**

**hi?m**

**h?a**

**Tình tr?ng d?**

**b? t?n**

**th??ng**

**R?I**

**RO**

**THIÊN TAI**

**Qu?n lý**

**r?i ro**

**thiên tai**

**Thích ?ng**

**v?i B?KH**

**B?KH do**

**con ng??i**

**gây ra**

**PHÁT TRI**

**?**

**N**

Phát th?i khí nhà kính

Thiên tai

**B**

**i?n ??i**

**t? nhiên**

Đánh giá rủi ro thiên tai có thể được thực hiện ở các quy mô khác nhau (toàn cầu, quốc gia, tỉnh, thành phố/thị trấn, huyện, xã, thôn) và có thể được thực hiện cho các lĩnh vực khác nhau.

#### **Nội dung đánh giá**

Có bốn nội dung đánh giá rủi ro phải đề cập tới, đó là:

**ĐánhgiáThiên tai [[9]](#footnote-10):**nhậnbiếtnhữngthiên tainàogâyảnhhưởngtớicộngđồng,môtảbảnchấtvàdiễnbiếncủamỗithiên taitrênkhíacạnhtầnsuất,cườngđộ,xuấthiệntheomùa,vịtrí,dấuhiệucảnhbáo,khảnăngcảnhbáosớmvàhiểubiếtchungcủamọingườivềthiên tai.

Về bản chất, thiên tai có thể chia làm hai loại: (i) các hiện tượng thiên tai tự nhiên như lũ, bão, hạn hạn và động đất có khả năng gây ra các ảnh hưởng tiêu cực đến người và tài sản; và các hiện tượng thiên tai do các quy trình quá trình hoạt động sản xuất của con người gây ra như quá trình đô thị hóa, suy thoái môi trường, biến đổi khí hậu, v.v. Các quy trình/quá trình này hiện nay ngày càng diễn biến phức tạp và khó tách biệt về mặt bản chất của hiện tượng là do tự nhiên hay con người gây ra.

Thiên tai khác nhau về mức độ, quy mô, tần suất và thường được phân loại theo các nguyên nhân gây ra thiên tai khác nhau như địa lý, thủy văn, khí tượng và khí hậu.

Các kiến thức về thiên tai thường có thể thu thập từ các nguồn như:

* Các kinh nghiệm truyền thống, bản địa và kiến thức địa phương
* Các báo cáo nghiên cứu đánh giá khoa học kỹ thuật
* Các báo cáo theo dõi giám sát về dịch vụ khí tượng thủy văn
* Các mô hình khí tượng thủy văn, mô hình phân loại phân vùng thiên tai.

**Đánh giá mức độ phơi bày trước thiên tai (Exposure)**: nhận biết mức độ hiện diện của con người và tài sản (như sinh kế, các dịch vụ môi trường và các nguồn tài nguyên, cơ sở hạ tầng, các tài sản kinh tế, xã hội và văn hóa v.v.) (chỉnh sửa từ SREX, Chương 2).

Các kiến thức về mức độ phơi bày thường có thể thu thập từ các kết quả điều tra dân số, ảnh vệ tinh, dữ liệu GIS, các báo cáo quy hoạch kế hoạch và các kinh nghiệm lịch sử về các sự kiện thiên tai. v.v. Các thông tin này thường được thể hiện dưới dạng bản đồ, bao gồm:

* Bản đồ phân bố theo không gian (địa phương, vùng.v.v) và thời gian (ngày/tháng/năm) về người và cơ sở hạ tầng, ví dụ: bản đồ hệ sinh thái, cơ sở hạ tầng, bản đồ sử dụng đất, bản đồ hành chính và dân số, v.v.
* Bản đồ phân vùng thiên tai lũ, bão, hạn hãn v.v. theo không gian và thời gian

Mức độ phơi bày trước thiên tai chỉ là một điều kiện cần nhưng không phải là đủ để quyết định khả năng chịu rủi ro thiên tai. Quy mô về tần suất, thời gian và không gian phơi bày trước thiên tai cũng rất quan trọng. Cùng sinh sống tại vùng lũ lụt, nhưng khả năng rủi ro với hộ dân ở vùng cao và vùng trũng là khác nhau hay nói cách khác, mức độ chịu ảnh hưởng của lũ lụt của hộ dân ở khu vực ở cùng trũng sẽ cao hơn họ dân ở vùng cao. Nếu một người chỉ đến một nơi bị nào đó bị bão, mức độ phơi bày trước bão của người đó tăng lên. Nếu người đó phải liên tục di chuyển trong vùng lũ, họ sẽ có nguy cơ cao gặp nhiều rủi ro lũ lụt. Ngược lại, nếu được cảnh báo sớm và những người dân được sơ tán kịp thời, mức độ phơi bày trước thiên tai của họ giảm đi (IPCC, 2012 trang 237).

Ví dụ, để đối phó với cơn bão Damrey (cơn bão số 7 năm 2005), Huyện Hậu Lộc (tỉnh Thanh Hóa) đã di dời được 29.000 dân trong vòng 3 ngày trước bão (từ ngày 24 đến ngày 26/9/2005) lên các nhà kiên cố cao tầng trong thôn, trường học và khu hành chính ở trên thị trấn (JANI, 2011 trang 26). Tương tự như vậy, việc di dời 60.000 dân (khoảng 16.000 hộ gia đình) kịp thời ở tỉnh Quảng Nam trước cơn bão số 9 (bão Ketsana) cuối tháng 9 năm 2009 đã giảm thiểu mức thiệt hại về người và tài sản của nhân dân và chính quyền (JANI, 2011 trang 28).

**ĐánhgiáTìnhtrạngdễbịtổnthương (Vulnerability):**là việc nhận biết các điều kiện tự nhiên, xã hội, kinh tế và môi trường hoặc các đặc điểm của các quá trình/quy trình hoạt động sản xuất của con người, mà vì các điều kiện/đặc điểm đó có khả năng làm tăng nguy cơ một cá nhân và/hoặc cộng đồng phải chịu tác động đến các thiên tai khác nhau (UNISDR, 2004; Dự thảo Thuật ngữ 2016).

Các nguồn thông tin kiến thức chủ yếu liên quan đến tình trạng dễ bị tổn thương thường được thu thập từ:

* Các kiến thức địa phương, kinh nghiệm bản địa
* Các chỉ số kinh tế xã hội của địa phương, chính quyền
* Các báo cáo đánh giá phân tích kinh tế, tài chính, báo cáo xã hội học (nhân chủng, dân tộc, văn hóa, hệ chính trị, v.v)

Việc đánh giá này nhằm nhận biết ai, cái gì chịu rủi ro đối với mỗi loại thiên tai và tại sao chúng có rủi ro (phân tích nguyên nhân căn bản). Đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương sẽ giúp nhận biết được đâu là các cá nhân, hộ gia đình, các nhóm dân cư, tài sản và hoạt động sản xuất dễ chịu ảnh hưởng nhất từ thiên tai nào đó. Ví dụ: mặc dù cùng có nguy cơ thiên tai và mức độ phơi bầy trước thiên tai như nhau, nhưng hộ nghèo thường sẽ dễ bị tác động tiêu cực của thiên tai hơn các hộ dân có điều kiện sống trung bình và khá giả.

Đánh giá tình trạng tổn thương là một trong hai điều kiện đủ để có thể xác định xem một cá nhân hay cộng đồng đang ở trên một địa bàn nhất định có bị tác động của thiên tai hay không. Ví dụ: Một hộ nông dân mà sinh kế chính của gia đình là nông nghiệp (dễ bị tổn thương với các điều kiện khí hậu, sinh kế phụ thuộc vào thời tiết), và sống ở vùng thường xuyên có lũ thì nhiều khả năng sẽ thường xuyên xảy ra mất mùa đói kém do lũ.

Trong thực tế, việc đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương là việc tập hợp nhiều điều kiện và đặc điểm có yếu tố bất lợi của một cá nhân hoặc một cộng đồng trong việc đối phó với thiên tai trên nhiều góc độ (tự nhiên, xã hội, kinh tế, môi trường, và quá trình/quy trình khác nhau). Một hộ dân càng có nhiều điều kiện dễ bị tổn thương thì sẽ càng dễ có nguy cơ bị tổn thất với các thiên tai.

**ĐánhgiáNănglực (Capacity):** là khái niệm để chỉ quá trình nhận biết và xác định các các nguồnlực vànăng lực của con người hoặc của cộng đồng nhằm phòng tránh,ứngphóvàphụchồitừnhữngtácđộngcủacácthiên tai. Năng lực ở đây được hiểu bao gồm việc kiểm soát và quản lý các nguồn lực tài chính, tài nguyên thiên nhiên, các kiến thức, kinh nghiệm và chuyên môn trong việc quản lý tổ chức quy hoạch tại địa phương để quản lý, giảm nhẹ rủi ro thiên tai và tăng cường khả năng chống chịu.

Việc đánh giá năng lực cũng được hiểu là quá trình tổng hợp các nguồn lực, điểm mạnh và đặc tính sẵn có trong từng cá nhân, cộng đồng, xã hội và tổ chức có thể được sử dụng nhằm giảm các rủi ro do một thiên tai nhất định gây ra. Năng lực có tính động và thay đổi tùy theo hoàn cảnh cụ thể. Việc đánh giá năng lực cũng được coi là điều kiện đủ thứ hai để xác định mức độ rủi ro thiên tai của cá nhân hoặc cộng đồng.

Lưu ý: Trong đánh giá rủi ro thiên tai, năng lực là khái niệm trái ngược với điều kiện dễ bị tổn thương. Năng lực dùng để chỉ các điểm mạnh/đặc điểm tích cực của người dân có thể thực hiện để đối phó với thiên tai. Tình trạng dễ bị tổn thương dùng để chỉ các điểm yếu/các điểm hạn chế mà người dân tại địa phương đang gặp phải khiến họ không thể giải quyết được các tác động tiêu cực trong hoàn cảnh thiên tai. Với mỗi cá nhân và cộng đồng khác nhau, năng lựccũngnhưtìnhtrạngdễbịtổnthương của họ là khác nhau.

**Như vậy, đánhgiámứcđộrủiro thiên tai (Risk)**là quá trình tổng hợp các đánh giá về thiên tai, mức độ phơi bày, các điều kiện dễ bị tổn thương và năng lực của cá nhân hoặc cộng đồng để đưa ra các nhận định, ước lược về mức độ nguy cơ tổn thất mà thiên tai có thể gây ra về mặt kinh tế, xã hội, tự nhiên hay môi trường.

Kếtquảđánhgiárủirothiêntailàthướcđovàphânloạicácrủirothiêntaimà cá nhân, cộngđồng hay một hệ thốngphảiđốimặt. Đây là cơsởchokếhoạchgiảmthiểurủirocủacộngđồngvàcáccơquannhànướcởcác cấp. Hiểuđược rủi ro thiên tai, người ra có thể thiếtlậpthứtựưutiênởđịaphươngchocáchoạtđộngvàpháttriểncộngđồngsaochocácrủirovàcácchươngtrìnhkhắcphụchậuquảcóthểđượcsắpxếptheothứtựưutiên củangườidânđểnắmđượckiếnthứcởđịaphươngvàđảmbảorằngcáckếhoạchQLRRTTphùhợpvớicácvấnđềởđịaphương.

1. Theo Quy định của các loại hình thiên tai được quy định trong luật PCTT [↑](#footnote-ref-2)
2. Nếu trường thuộc quản lý của huyện nhưng nằm tại thôn/xã này thì vẫn phải thống kê [↑](#footnote-ref-3)
3. Nếu có nhiều điểm trường thì phải thống kê từng điểm trường [↑](#footnote-ref-4)
4. Bệnh viện tỉnh, huyện nhưng nằm trên địa bàn xã thì vẫn phải thống kê [↑](#footnote-ref-5)
5. Nguồn tham khảo: Dự thảo hướng dẫn của UNDP-Bộ NN&PTNT – Tài liệu kỹ thuật về Quản lý rủi ro thiên tai và Thích ứng với Biến đổi khí hậu) [↑](#footnote-ref-6)
6. Các hoạt động này cũng còn được gọi là quá trình phân tích rủi ro (Dự thảo Sổ tay thuật ngữ về rủi ro thiên tai, 2016) [↑](#footnote-ref-7)
7. Trong nhiều trường hợp, người ta coi năng lực là điều kiện đối ngược của tình trạng dễ bị tổn thương. Vì vậy, trên thực tế có nhiều phương pháp đánh giá không tách biệt đánh giá tình trạng dễ bị tổn thương ra khỏi việc phân tích đánh giá năng lực. [↑](#footnote-ref-8)
8. Hiện nay UNISDR đang tiến hành tổng hợp sổ tay thuật ngữ mới trong công tác giảm rủi ro thiên tai (<http://www.preventionweb.net/files/47136_workingtextonterminology.pdf> ). Việc đưa ra định nghĩa về đánh giá rủi ro thiên tai về bản chất chỉ mang tính tương đối. Dựa vào mục đích đánh giá khác nhau, việc đánh giá RRTT sẽ có cách tiếp cận và phương pháp khác nhau chứ không cố định ở một số quy tắc nhất định. [↑](#footnote-ref-9)
9. Trong bài viết tác giả dùng từ Hiểm họa – Hazard, là một khái niệm dành cho các nhà nghiên cứu, để dễ hiểu và đồng nhất với các chương khác, ban biên tập chuyển thành thuật ngữ “Thiên tai”. [↑](#footnote-ref-10)